

**DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM
2025 CỦA PETROCONS**

STT	Nội dung	Trang
1	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2
2	Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4
3	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.	10
4	Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT	24
5	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.	27
6	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.	42
7	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.	65
8	Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	66
9	Tờ trình về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.	67
10	Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	69
11	Tờ trình về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhiệm kỳ 2025-2030.	70
12	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030.	72
13	Dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	78
14	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	86
15	Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024 (Bản rút gọn số số 04/BC-XLDK ngày 16/01/2025 đã được Công bố thông tin định kỳ số 94/XLDK-TCKT ngày 17/01/2025 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, báo cáo để cổ đông biết, năm được)	Từ 91- Hết
16	Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2024	
17	Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 của PETROCONS	

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

TT	Thời gian	Nội dung
1	7:30 - 8:30	- Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
2	8:30 - 8:50	- Chào cờ, giới thiệu đại biểu; - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc biên bản kiểm tra, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội; - Khai mạc ĐHĐCD; - Giới thiệu Đoàn Chủ tịch Đại hội;
3	8:50 - 9:00	- Giới thiệu và thông qua Ban Thư ký đại hội; - Giới thiệu và thông qua Ban Kiểm phiếu đại hội; - Thông qua chương trình và Quy chế Tổ chức của Đại hội.
4	9:00 - 11:30	- Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025; Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT. - Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. - Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch năm 2025. - Nội dung 4: Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 - Nội dung 5: Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025. - Nội dung 6: Tờ trình về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. - Nội dung 7: Tờ trình về công tác nhân sự Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền ĐHĐCD. - Biểu quyết thông qua các nội dung từ số 1 đến số 7 - Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu biểu quyết - Đại hội nghỉ giải lao - Công bố kết quả biểu quyết - Tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS - nội dung 7 - Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu bầu cử - Cổ đông thảo luận và trả lời câu hỏi

TT	Thời gian	Nội dung
5	11:30 - 11:50	- Công bố kết quả bầu cử - Ra mắt thành viên HĐQT, BKS được bầu - Đại diện Cổ đông - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam phát biểu
6	11:50 – 12:05	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
7	12:10	- Bế mạc Đại hội

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CỦA TỔNG CÔNG TY CÓ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (sau đây gọi là Đại hội) của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi là Tổng công ty).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

4.1. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 28/4/2025) được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

4.2. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.
- Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai: toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông.

- d. Tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (đại diện cổ đông) đến Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
- Thông báo mời họp/Thư mời họp;
 - Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản gốc);
 - Giấy ủy quyền bản gốc có các nội dung chính theo mẫu do Tổng công ty ban hành (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội);

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

Cổ đông, đại diện cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một (01) Thẻ biểu quyết, một (01) Phiếu biểu quyết, một (01) Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, một (01) Phiếu bầu cử thành viên Ban Kiểm soát (trên các phiếu có ghi mã số cổ đông, nội dung biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình). Giá trị biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự tại Đại hội.

- e. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.
- f. Cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp Đại hội muốn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

4.3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

- a. Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ của Tổng công ty.
- b. Cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.
- c. Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức Đại hội.
- d. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết

quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Tổng công ty thành lập. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; Phát các tài liệu và Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

- 6.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT) là chủ tọa cuộc họp.
- 6.2. Chủ tọa cuộc họp đề cử Ban Tổ chức (gồm: Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu) đề Đại hội thông qua.
- 6.3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phản quyết cao.
- 6.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
 - b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- 6.5. Đoàn Chủ tịch được bầu ra tại Đại hội, có nhiệm vụ:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua; Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận;
 - c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

- a. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- b. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tịch, bao gồm:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;
 - Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc Đoàn Chủ tịch.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 8.1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là các cổ đông của Tổng Công ty.

8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết; phiếu bầu cử;
- Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội;
- Thực hiện kiểm Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết khi thông qua các vấn đề được đưa ra Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua;
- Thực hiện thủ tục kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội;
- Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

- 9.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 28/4/2025.
- 9.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 9.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 28/4/2025.
- 9.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 9.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

- Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định; Tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban Tổ chức Đại hội.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 11. Cách thức tiến hành đại hội

11.1. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung (theo nội dung đã gửi các cổ đông).

11.2. Biểu quyết tại Đại hội

- Ngoài phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị (Màu xanh), Ban Kiểm soát (Màu hồng), mỗi cổ đông tham dự Đại hội được phát 01 Thẻ biểu quyết (Màu trắng) và 01 Phiếu biểu quyết (Màu vàng), trên đó có ghi mã số cổ đông cùng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết.
- **Thẻ biểu quyết:** được in trên giấy **màu trắng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung:
 - ✓ Thông qua Đoàn Chủ tịch;
 - ✓ Thông qua thành phần Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu;
 - ✓ Thông qua Chương trình của Đại hội;
 - ✓ Thông qua Quy chế Tổ chức Đại hội;
 - ✓ Thông qua Quy chế bầu cử;
 - ✓ Thông qua nội dung Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thông qua các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

Cổ đông chỉ được sử dụng Thẻ biểu quyết để thông qua một lần cho một nội dung cụ thể. Cổ đông giơ Thẻ biểu quyết mỗi khi Tân thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến cho mỗi vấn đề cần xin ý kiến. Thẻ biểu quyết này được sử dụng khi cổ đông muốn phát biểu ý kiến và khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề nêu trên.

- **Phiếu biểu quyết:** được in trên giấy **màu vàng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung chính sau:
 - ✓ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch năm 2025; Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - ✓ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
 - ✓ Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
 - ✓ Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024;
 - ✓ Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;
 - ✓ Tờ trình về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - ✓ Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát PETROCONS;

Đối với Phiếu biểu quyết, mỗi vấn đề trên Phiếu biểu quyết có 3 ô trống thể hiện nội dung Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến. Nội dung biểu quyết không

hợp lệ là nội dung không có hoặc có nhiều hơn một tình trạng biểu quyết. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại vẫn hợp lệ và vẫn được tính vào kết quả kiểm phiếu.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về việc: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; được thông qua nếu số cổ đông đại diện từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác (trừ nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát) trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

CHƯƠNG IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào thành Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty. Biên bản, Nghị quyết cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại hệ thống văn thư của Tổng công ty.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy chế này gồm 5 Chương 14 Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, HĐQT, PC

naur

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nghiêm Quang Huy

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
(PETROCONS/Tổng công ty)

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2024, tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; tỷ giá, lãi suất, giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào có nhiều biến động tiêu cực gây khó khăn cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp ngành xây dựng nói chung và PETROCONS nói riêng. Bên cạnh đó, do PETROCONS vẫn đang trong quá trình khắc phục các tồn tại trong giai đoạn trước đồng thời củng cố dần nâng cao năng lực nội tại để đảm bảo mục tiêu hội nhập chung với sự biến đổi, cạnh tranh mạnh mẽ của thị trường hiện nay nên các yếu tố về nguồn lực tài chính, nhân sự, áp dụng khoa học công nghệ trong công tác quản trị còn hạn chế đã dẫn đến kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 của PETROCONS chưa đạt được yêu cầu đề ra.

Trong năm 2024, PETROCONS đã xây dựng và triển khai thực hiện nhiều giải pháp nhiệm vụ để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành tối đa các chỉ tiêu kế hoạch quản trị cụ thể như sau:

- Đối với dự án NMNĐ Thái Bình 2: Tiếp tục tập trung triển khai hoàn thành công tác thi công các hạng mục còn lại; hoàn thành phạm vi công việc và các điều kiện theo yêu cầu để đảm bảo Dự án được Hội đồng kiểm tra Nhà nước nghiệm thu bàn giao và vận hành thương mại. Đồng thời khẩn trương thực hiện công tác quyết toán dự án.

- Đối với công tác tái cơ cấu: thực hiện rà soát, đánh giá lại toàn bộ thực trạng, nguồn lực, lợi thế, hạn chế của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Qua đó đưa ra các giải pháp khả thi nhằm tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo mục tiêu xử lý cơ bản các vướng mắc, tồn tại của Công ty mẹ và tại các đơn vị thành viên trong năm 2025, từng bước nâng cao năng lực của doanh nghiệp.

- Đối với công tác tiếp thị đầu thầu, tìm kiếm công việc: Đẩy mạnh công tác tìm kiếm phát triển nguồn việc mới thông qua các hình thức liên danh, liên kết, tận dụng

tối đa ưu thế về nguồn lực hiện có và năng lực kinh nghiệm sau khi hoàn thành dự án NMNĐ Thái Bình 2. Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác củng cố, xây dựng hệ thống dữ liệu và thường xuyên đổi mới rút kinh nghiệm trong phương pháp thực hiện đấu thầu.

- Đối với công tác xử lý nợ: thực hiện rà soát, đơn đốc thu hồi, tập hợp các hồ sơ chứng từ để cung cấp/hoàn thiện các thủ tục nội bộ nhằm giải quyết dứt điểm các khoản nợ tồn đọng giữa các bên. Quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ khó đòi, thực hiện tham gia các thủ tục tố tụng, tranh chấp, hòa giải nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp, tối đa cho PETROCONS.

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Tình hình thực hiện SXKD năm 2024:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2024 (%)	Tỷ lệ 2024/2023 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	912,38	1.532,00	982,88	64%	108%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	441,36	884,00	261,84	30%	59%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.237,96	1.704,00	1.317,87	77%	106%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	765,74	1.055,00	609,04	58%	80%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(267,12)	3,70	4,81	130%	
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	(162,65)	9,48	4,12	43%	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(265,22)	3,70	2,61	71%	
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	(162,65)	9,48	4,12	43%	
5	Số phải nộp NSNN	Tỷ đồng	41,05	47,00	49,14	105%	120%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	10,67	14,00	3,81	27%	36%
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,58	10,84	11,42	105%	108%
	Công ty mẹ		13,25	13,25	13,25	100%	100%

Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 982,88 tỷ đồng, đạt 64% kế hoạch năm 2024 và bằng 108% so với năm 2023; Riêng Công ty mẹ thực hiện 261,84 tỷ đồng, đạt 30% kế hoạch năm 2024 và bằng 59% so với năm 2023.

Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 1.317,87 tỷ đồng, đạt 77% kế hoạch năm 2024 và bằng 106% so với năm 2023; Riêng Công ty mẹ thực hiện 609,04 tỷ đồng, đạt 58% kế hoạch năm 2024 và bằng 80% so với năm 2023.

Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 4,81 tỷ đồng đạt 130% so với kế hoạch năm 2024; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 2,61 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 4,12 tỷ đồng bằng 43% kế hoạch năm 2024.

Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONs tại thời điểm 31/12/2024 là 311,53 tỷ đồng, tăng 1,34% so với thời điểm đầu năm.

(Chi tiết được thể hiện trong báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán)

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2024

2.1. Tổng kết các cuộc họp của HDQT và các quyết định của HDQT

Đến thời điểm hiện tại HDQT PETROCONs bao gồm 05 thành viên, đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONs.

Trong năm 2024, HDQT họp 07 phiên họp thường kỳ và 107 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 32 Nghị quyết, 26 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PETROCONs. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2024 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 03/BC-XLDK ngày 16/01/2025 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Bên cạnh đó để tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HDQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh, HDQT đã cử các Thành viên HDQT tham gia các cuộc họp giao ban và chuyên đề cùng Ban Tổng giám đốc theo đúng trách nhiệm được phân công theo dõi.

2.2. Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin về các Thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) tại thời điểm 31/12/2024:

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HDQT	04/11/2021	
2	Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HDQT	24/6/2020	
3	Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HDQT	30/6/2021	
4	Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HDQT	30/6/2021	
5	Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HDQT	20/01/2022	

Các thành viên HDQT đã hoạt động thực hiện nhiệm vụ theo đúng vai trò và quyền hạn được quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của PETROCONs, Quy chế

hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS cũng như giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- Tham gia đầy đủ các hoạt động của HĐQT;
- Có ý kiến tại các phiếu lấy ý kiến để HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản của HĐQT;
- Trực tiếp phụ trách theo dõi các lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS và các đơn vị thành viên theo phân công của HĐQT PETROCONS;
- Thực hiện tốt công tác phối hợp chỉ đạo, quản lý doanh nghiệp với Đảng ủy, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

2.3. Báo cáo tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2024

Tiền lương/thù lao của HĐQT năm 2024 là 2.178.200.018 đồng. Cụ thể:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao thực hiện năm 2024
	Tổng cộng		2.178.200.818
1	Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	535.318.303
2	Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	469.156.106
3	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	454.409.070
4	Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	460.717.339
5	Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	258.600.000

- Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2024 là: 409.744.698 đồng. Sử dụng tuân thủ theo quy chế chi tiêu nội bộ của PETROCONS và các quy định hiện hành.

2.4. Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí của HĐQT năm 2024

- Tiền lương và thù lao của Thành viên HĐQT là Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PETROCONS: Thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONS phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và thực tế kết quả SXKD của PETROCONS.

- Tiền lương, thù lao của Thành viên độc lập HĐQT: i) Trường hợp thành viên làm việc theo chế độ thường xuyên tại Cơ quan PETROCONS theo quy định của PETROCONS thì được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với Thành viên HĐQT chuyên trách là Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PETROCONS; ii) Trường hợp thành viên làm việc không thường xuyên tại Cơ quan PETROCONS (không chuyên trách) được

hướng mức thù lao bằng 70% mức lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.

- Thù lao kiêm nhiệm của Thành viên HĐQT không chuyên trách tối đa bằng 20% mức tiền lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.

2.5. Báo cáo về các giao dịch của Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó

Trong năm 2024, giao dịch giữa các thành viên HĐQT và những người có liên quan với PETROCONS, Công ty con, các Công ty thành viên do PETROCONS nắm giữ quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ được thể hiện tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của PETROCONS. Các giao dịch này tuân thủ đúng quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ của PETROCONS.

Trong năm 2024, PETROCONS không có giao dịch với các Công ty mà Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2.6. Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

- Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên;
- Thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT và có đầy đủ ý kiến tại các phiếu xin ý kiến của HĐQT;
- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ của PETROCONS, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

2.7. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các Thành viên trong Ban Tổng giám đốc

HĐQT thường xuyên thực hiện công tác giám sát đối với Tổng giám đốc và các thành viên trong ban Tổng giám đốc trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết HĐQT đã đề ra. Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực, phẩm chất và kinh nghiệm, am hiểu đối với lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị về cơ bản phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ của PETROCONS, quy định của pháp luật.

Ban Tổng giám đốc làm việc, tổ chức họp giao ban định kỳ thường xuyên với các đơn vị thành viên để kịp thời quản trị các hoạt động SXKD tại các đơn vị theo đúng định hướng chung, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động của từng đơn vị.

Ban Tổng giám đốc đã tăng cường thực hiện các biện pháp tiết giảm, kiểm soát chặt chẽ chi phí, dòng tiền nhằm duy trì hoạt động SXKD; thực hiện các giải pháp củng cố nội lực và tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đầu thầu, tìm kiếm việc làm mở rộng thị trường; tích cực triển khai tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn tại các đơn vị cũng như xúc tiến các công tác liên quan đến tái cơ cấu PETROCONS.

Thực hiện việc trả lương cho CBCNV Cơ quan PETROCONS và Ban ĐH dự án thuộc PETROCONS được thực hiện trên nguyên tắc gắn tiền lương với vị trí công việc được định biên, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty mẹ PETROCONS có thu nhập ổn định.

Ban Tổng giám đốc đã rà soát thực hiện xây dựng điều chỉnh các quy chế/quy định nội bộ của PETROCONS nhằm phù hợp với tình hình SXKD thực tế của PETROCONS và trình Hội đồng quản trị PETROCONS xem xét, phê duyệt.

2.8. Đánh giá chung

a. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của PETROCONS vào ngày 23/5/2024.

- Thẩm tra tài liệu, hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức đại hội cổ đông thường niên, đại hội cổ đông bất thường.

- Về kết quả sản xuất kinh doanh: Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 70/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 23/05/2024, toàn tổ hợp PETROCONS đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ SXKD với kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2024 toàn tổ hợp PETROCONS lợi nhuận trước thuế lãi 4,81 tỷ đồng đạt 130% so với kế hoạch năm 2024; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 2,61 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 4,12 tỷ đồng bằng 43% kế hoạch năm 2024. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2024 là 311,53 tỷ đồng, tăng 1,34 % so với thời điểm đầu năm.

- Công tác thi công tại các công trình/dự án:

- + Đối với công trình trọng điểm Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: PETROCONS tiếp tục thực hiện các hạng mục phụ còn lại, xử lý các tồn đọng phát sinh. Trong năm 2024, Hội đồng kiểm tra Nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Hội đồng KTNN) đã chấp thuận nghiệm thu có điều kiện các Tổ máy tại thông báo số 3895/TB-HĐKTNN ngày 08/7/2024. Ngày 10/7/2024, Chủ đầu tư đã cấp Chứng chỉ bàn giao Tổ máy số 1, Tổ máy số 2 và các hạng mục dùng chung (ngoại trừ Máy bốc than số 5, Kho than số 3 và các công việc còn lại đang hoàn thiện). Ngày 19/7/2024, Công ty mua bán điện (EPTC) đã công nhận ngày vận hành thương mại Nhà máy bắt đầu từ 8h00p ngày 19/7/2024. Đến đầu tháng 8/2024, dự án đã chính thức tham gia vào

thị trường điện Quốc gia. Hiện nay, PETROCONS đang phối hợp với Ban QLDA dự án ĐLDK Thái Bình 2 thực hiện công tác quyết toán Hợp đồng EPC.

+ Dự án NMND Sông Hậu 1:

* PETROCONS đang thực hiện công tác quyết toán 02 Hợp đồng số C11/SH1-LLM-PVC&GEOVN về việc Thi công xử lý nền và số C15/SH1-LLM-PVC về việc Thi công các hạng mục xây dựng với Tổng thầu Lilama.

* Các công trình thi công sửa chữa trong Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1: Trong năm 2024, PETROCONS trúng thầu và ký kết 2 hợp đồng cải tạo, sửa chữa một số hạng mục tại NMND Sông Hậu 1. Hiện nay đang thực hiện công tác thi công theo tiến độ đề ra.

+ Dự án Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam:

* Giai đoạn 1: PETROCONS đã hoàn thiện hồ sơ quyết toán giai đoạn 1, hiện đang chờ Cấp có thẩm quyền phê duyệt.

* Giai đoạn 2: PETROCONS đã hoàn thành ký Phụ lục bổ sung số 19 với Viện Dầu khí ngày 24/10/2024 và trình Hồ sơ quyết toán đến Tư vấn quản lý dự án để xem xét xác nhận trình Chủ đầu tư phê duyệt.

+ Công trình nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMND Uông Bí: Đến ngày 09/12/2024, trên công trường PETROCONS đã hoàn thành 100% khối lượng thi công theo hợp đồng đã ký. Đang phối hợp cùng tổng thầu hoàn thiện các bước thi công để xác định khối lượng thanh toán.

+ Dự án cung cấp, lắp đặt biển tần cho quạt khói tổ máy S2 NMND Vĩnh Tân 2: Các công việc trong phạm vi của PETROCONS đã cơ bản hoàn thành. Đang chờ các Thành viên trong Liên danh hoàn tất các công việc còn lại của Hợp đồng.

+ Công trình thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMND Quảng Trạch 1: hiện đang triển khai thi công theo kế hoạch.

- Công tác tiếp thị đấu thầu ký kết các hợp đồng kinh tế:

+ Tại Công ty mẹ: Trong năm 2024, Công ty mẹ PETROCONS đã tham gia dự thầu và trúng thầu các gói: Mua sắm thiết bị và lắp đặt biển tần điều khiển các quạt khói tổ máy S2- NMND Vĩnh Tân; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi – Dự án NMND Quảng Trạch 1; Cải tạo khu nhà vận hành của Dự án NMND Sông Hậu 1; Cải tạo sửa chữa khu rửa thiết bị, thải xỉ NMND Sông Hậu 1 và Cung cấp Bơm cấp 1A cho NMND Cao Ngạn.

+ Tại các đơn vị thành viên trong năm 2024 đã ký được 43 hợp đồng/phụ lục hợp đồng bổ sung nguồn việc bao gồm: PVC-MS ký mới 18 hợp đồng với tổng giá trị 861,4 tỷ đồng (trong đó có 3 dự án lớn là Topsides Phú Quốc giá trị 485 tỷ đồng, chế tạo chân đế Lạc Đà Vàng giá trị 143,5 tỷ đồng, dự án P15 giá trị 138 tỷ); DOBC ký

mới 15 hợp đồng/ phụ lục hợp đồng với tổng giá trị 80,7 tỷ đồng; PVC-Bình Sơn ký mới 6 hợp đồng với tổng giá trị 27,30 tỷ đồng; PVC-TB ký mới 01 hợp đồng với giá trị 121,73 tỷ đồng; PETROCONS- Đồng Đô ký mới 03 hợp đồng với tổng giá trị khoảng 87,3 tỷ đồng.

- Công tác xử lý, thu hồi công nợ: Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty mẹ đã xử lý thu hồi 5.588 tỷ đồng, cụ thể: TID (0,288 tỷ đồng); PVNC (2,716 tỷ đồng); PVC-ME (0,1 tỷ đồng); PVC-Đồng Đô (0,731 tỷ đồng tiền cổ tức năm 2011) và Vinaconex 39 (1,753 tỷ đồng). Hiện PETROCONS vẫn đang tiếp tục rà soát các khoản nợ chéo, giải quyết các vướng mắc tại các dự án tồn đọng để xây dựng các giải pháp nhằm xử lý/ thu hồi các khoản công nợ.

b. Một số hạn chế, tồn tại:

Năm 2024, PETROCONS không hoàn thành kế hoạch giá trị SXKD và Doanh thu đề ra, nguyên nhân chủ yếu do:

- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 được PETROCONS xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 trên cơ sở dự kiến tham gia, trúng thầu và thực hiện khởi công các dự án: Khu nhà ở CBCNV dự án NMNĐ Sông Hậu 1, Nhà máy Polypropylene Phú Mỹ, Nhà máy LPG Yên Hưng, công trình mở rộng một số hạng mục nhà máy Đạm Cà Mau. Tuy nhiên, do nhiều vướng mắc về tài chính, pháp lý của phía Chủ đầu tư, đến nay một số dự án vẫn chưa thể triển khai đấu thầu và giãn thời hạn đấu thầu/ khởi công sang năm 2025. Ngoài ra, xuất phát từ nguyên nhân các nguồn lực hiện có về tài chính, nhân lực, thiết bị còn hạn chế hiện đang trong giai đoạn khôi phục cùng với việc thị trường cạnh tranh cao đã dẫn đến một số dự án/gói thầu đã không trúng thầu (Thi công xây dựng tuyến kênh dẫn nước làm mát từ cửa nhận đến StopLog của trạm bơm nước làm mát- Dự án NMNĐ Quảng Trạch 1, Khu nhà ở CBCNV NMNĐ Sông Hậu 1,...).

- Công tác quyết toán các Hợp đồng/gói thầu tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1, Viện dầu khí phía Nam đã phát sinh nhiều nội dung liên quan đến việc điều chỉnh đơn giá và công tác thẩm tra, thẩm định kéo dài.

Hiện nay, PETROCONS còn những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động SXKD, như:

- Khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn công việc mới: Hồ sơ năng lực của PETROCONS hiện có lợi thế đối với công trình công nghiệp/ nhà máy điện sau khi hoàn thành thi công dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với vai trò Tổng thầu EPC, tuy nhiên đối với các mảng công việc xây lắp dân dụng, thi công hạ tầng san lấp còn hạn chế (do các hợp đồng tương tự đã hoàn thành từ khoảng 10 năm trước nên không thể sử dụng được làm Hồ sơ năng lực). Đã dẫn đến việc tiếp cận các công trình xây lắp của PETROCONS là hạn chế. Bên cạnh đó, tại giai đoạn hiện tại, các công trình công nghiệp năng lượng/nhà máy điện là các dự án lớn, hiện đều trong giai đoạn chuẩn bị

đầu tư/khởi động lại và có số lượng dự án nhỏ nên sự cạnh tranh từ các nhà thầu trong nước và quốc tế là rất khốc liệt. Mặc dù trong các năm qua, PETROCONs đã nghiêm túc xây dựng và đào tạo đội ngũ kỹ thuật cơ bản đáp ứng được yêu cầu trong các lĩnh vực, sản xuất cầu kiện cơ khí, lắp đặt, bảo dưỡng thiết bị, xây lắp... tuy nhiên với hạn chế về tài chính, nguồn vốn việc tiếp thị các dự án/ hợp đồng có phạm vi công việc phù hợp với Hồ sơ năng lực hiện có là hết sức khó khăn và chưa đạt được kết quả như kỳ vọng.

- Công tác quyết toán các hợp đồng giữa PETROCONs với Chủ đầu tư cũng như giữa PETROCONs với các nhà thầu phụ tại các dự án/công trình đã thi công xong còn chậm, gặp nhiều vướng mắc như chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt giá trị phát sinh, các nhà thầu phụ không hợp tác, thiếu nhân sự để phối hợp thực hiện quyết toán...

- Do ảnh hưởng từ biến động chính trị, kinh tế thế giới, nguồn nguyên vật liệu đầu vào như: sắt, thép, năng lượng... tăng cao, nhiều công trình chưa kịp được phụ lục điều chỉnh giá hợp đồng dẫn đến các đơn vị triển khai thi công còn cầm chừng.

- Nhiều đơn vị thành viên của PETROCONs còn tồn đọng các khoản nợ vay từ các dự án bất động sản hiện rất khó khăn trong công tác tái cơ cấu các khoản vay, thoái vốn tài sản, hàng tháng phải chịu chi phí khấu hao, chi phí lãi vay rất lớn trong khi hiệu quả khai thác thấp dẫn đến kết quả kinh doanh thua lỗ lớn. Công ty mẹ PETROCONs phải thực hiện trích lập giảm giá đầu tư tài chính tại các đơn vị.

- Công tác xử lý nợ, thu hồi các khoản công nợ đến hạn/ quá hạn của PETROCONs và các đơn vị còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PETROCONs hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PETROCONs.

- Công tác thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm. Trong quá trình thực hiện, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PETROCONs đều thua lỗ/có giá trị lỗ lũy kế lớn nên khả năng thu hút sự quan tâm của các đối tác nhận chuyển nhượng rất thấp.

III. BÁO CÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM ỦY QUYỀN KÝ KẾT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG EPC DỰ ÁN NMNĐ THÁI BÌNH 2

Thực hiện nội dung được Đại hội đồng cổ đông PETROCONs đã ủy quyền cho HĐQT trong việc ký kết và triển khai thực hiện Hợp đồng EPC Dự án NMNĐ Thái Bình 2 tại các Nghị quyết: số 543/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 07/6/2014, số 1104/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 15/12/2017 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên các năm 2018 đến 2022, HĐQT thực hiện báo cáo các nội dung liên quan đến công tác ký kết và triển

khai thực hiện Hợp đồng EPC Dự án NMNĐ Thái Bình 2 như sau:

1. Công tác ký kết Hợp đồng và các Phụ lục bổ sung Hợp đồng:

a. Hợp đồng EPC số 9256/HĐ-DKVN

Trong năm 2024, PETROCONS đã ký kết một số Phụ lục bổ sung hợp đồng EPC như sau:

- Ngày 30/9/2024, PETROCONS đã ký kết Phụ lục bổ sung số 54 với Chủ đầu tư/Ban QLDA về việc Không tiếp tục thực hiện các hạng mục Bãi thải xi 12,8ha và các hạng mục liên quan (các tuyến đê 5,6,7); Cảng nhập dầu HFO; Khu neo đậu tàu.

- Ngày 30/10/2024, PETROCONS đã ký kết Phụ lục bổ sung số 55 với Chủ đầu tư/Ban QLDA về việc Giá trị các hạng mục còn lại thuộc Phần giá trọn gói của Hợp đồng Tổng thầu EPC Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2.

- Ngày 20/11/2024, PETROCONS đã ký kết Phụ lục bổ sung số 55 với Chủ đầu tư/Ban QLDA về việc xác định Thời điểm tính thời hạn/thời gian bảo hành.

Các nội dung sửa đổi hợp đồng EPC trong giai đoạn tiếp theo sẽ được HĐQT cập nhật và báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

b. Hợp đồng số 30/HĐKT/2012/PVC-SDC về việc cung cấp thiết bị chính của NMNĐ Thái Bình 2 giữa PETROCONS với Liên danh nhà thầu SDC (gọi tắt là Hợp đồng EPS)

Trong năm 2024, PETROCONS không phát sinh ký phụ lục bổ sung hợp đồng với Liên danh Nhà thầu SDC. Các trong giai đoạn tiếp theo nếu có phát sinh các nội dung sửa đổi Hợp đồng EPS, HĐQT sẽ kịp thời cập nhật và báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Diễn biến việc tranh chấp hợp đồng với Nhà thầu Daelim E&C (DL E&C) thuộc liên danh SDC:

+ Ngày 25/01/2024, Liên danh SDC đã có công văn số TB2-SDC-PEB-L-5433 gửi cho PETROCONS thông báo: Nhà thầu DL E&C gửi Đơn khởi kiện ("RFA") PETROCONS tới Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ("VIAC") liên quan đến Hợp đồng EPS.

+ Ngày 01/3/2024, PETROCONS nhận được Thư thông báo số 478/VIAC ký ngày 26/02/2024 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ("VIAC") về việc VIAC đã nhận Đơn Khởi Kiện ("RFA") của DL E&C.

+ Từ ngày 31/05/2024 đến ngày 02/12/2024, PETROCONS đã nộp cho Hội đồng trọng tài Bản Tự Bảo Vệ (Statement of Defence - "SOD"), Đơn kiện lại (Statement of Counterclaims - "SOCC") nhà thầu DL E&C và các chứng cứ kèm theo. Đồng thời DL E&C đã gửi các phản hồi về Bản SOD của PETROCONS

+ Ngày 12/12/2024, Phiên họp trực tuyến về các vấn đề thẩm quyền được tiến hành theo đúng chỉ thị của Hội Đồng Trọng Tài (HĐTT);

+ HĐTT có văn bản số 338/VIAC thông báo ban hành Quyết định về vấn đề thẩm quyền ngày 30/01/2025. Đối với vấn đề thẩm quyền trọng tài, PETROCONs nhận thấy không thỏa đáng với Quyết định của Hội đồng trọng tài về vấn đề thẩm quyền ban hành ngày 30/01/2025. Do vậy, ngày 10/02/2025, PETROCONs nộp đơn khiếu nại kèm theo các tài liệu chứng cứ lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (Tòa án) về việc Khiếu nại đối với Quyết định của HĐTT về thẩm quyền của HĐTT. Ngày 06/03/2025, Tòa án ra Thông báo về việc thụ lý vụ án gửi Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội và gửi các đương sự. Hiện tại, PETROCONs đang bổ sung tài liệu chứng cứ vụ án gửi Tòa án.

Song song với quá trình tố tụng, hiện PETROCONs vẫn đang làm việc với Nhà thầu Daelim để đàm phán ngoài tố tụng để tiến tới thương lượng hòa giải. Hiện hai bên vẫn đang xem xét các đề xuất của mỗi bên đưa ra.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

Trên cơ sở đánh giá các nguồn lực hiện có và dự kiến nhu cầu của thị trường, HĐQT xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu kinh tế chính như sau:

1. Kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế năm 2025:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024			Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % KH 2025/ TH 2024
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH		
1	Giá trị SXKD	1.532,00	982,88	64%	1.345,00	137%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>884,00</i>	<i>261,84</i>	<i>30%</i>	<i>332,00</i>	<i>127%</i>
2	Tổng doanh thu	1.704,00	1.317,87	77%	1.707,00	130%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>1.055,00</i>	<i>609,04</i>	<i>58%</i>	<i>796,00</i>	<i>131%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	3,70	4,81	130%	4,56	95%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>9,48</i>	<i>4,12</i>	<i>43%</i>	<i>3,72</i>	<i>90%</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	3,70	2,61	71%	4,56	175%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>9,48</i>	<i>4,12</i>	<i>43%</i>	<i>3,72</i>	<i>90%</i>
5	Nộp NSNN	47,00	49,14	105%	58,00	118%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>14,00</i>	<i>3,81</i>	<i>27%</i>	<i>9,00</i>	<i>236%</i>
6	Thu nhập bình quân NLD (trđ/ người/ tháng)	10,84	11,42	105%	11,90	104%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>13,25</i>	<i>13,25</i>	<i>100%</i>	<i>14,10</i>	<i>106%</i>

Kế hoạch sản lượng, doanh thu năm 2025 của Hợp nhất và Công ty mẹ PETROCONS và được xây dựng trên cơ sở hoàn thành thi công, thu hồi vốn tại các dự án chuyển tiếp từ năm 2024 (dự án NMNĐ Thái Bình 2, các gói thầu tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1, NMNĐ Uông Bí, NMNĐ Vĩnh Tân 2, Quảng Trạch cũng như các dự án đã ký hợp đồng và các công trình PETROCONS dự kiến tiếp thị, tham gia dự thầu như Thi công Xử lý nền và san lấp trạm Mũi Trám và Trạm An Minh - Đường ống Lô B - Ô Môn, Khu nhà ở CBCNV NMNĐ Thái Bình 2, dự án NMNĐ Ô Môn 4, các gói thầu tại dự án NMNĐ Long Phú 1, dự án NMSX Ôxy già,... Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch đề ra như trên còn tiềm ẩn rủi ro trong trường hợp không trúng thầu các dự án kể trên.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để phân đầu hoàn thành kế hoạch đề ra, PETROCONS đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2025, cụ thể:

2.1. Đối với nhiệm vụ SXKD:

- Phân đầu hoàn thành/hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 đã đề ra.

- Xây dựng mô hình và triển khai áp dụng các phương thức quản trị phù hợp như: quản trị biến động, quản trị chuỗi giá trị, quản trị hệ sinh thái, quản trị dựa trên nền tảng số,...; Quán triệt phương châm “lâm mới động lực cũ, bổ sung động lực mới” sẵn sàng chuyển dịch mô hình kinh doanh phù hợp với xu thế chuyển đổi, phát triển hiện đại.

- Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch quản trị hàng năm của PETROCONS và đơn vị. Tập trung kiểm soát chi phí một cách có hiệu quả, đặc biệt các trung tâm chi phí lớn; giảm thiểu những thiệt hại do tác động của thị trường...

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các Hợp đồng công trình, dự án chuyển tiếp đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Bên giao thầu đồng thời vượt/đạt hiệu quả theo phương án triển khai đã được HĐQT PETROCONS phê duyệt.

- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Cổ đông lớn PVN và các đơn vị trực thuộc PVN, đẩy mạnh tìm kiếm thông tin tiếp thị, đấu thầu cung cấp dịch vụ xây lắp công nghiệp, điện, hạ tầng tại các dự án trong và ngoài ngành. Đồng thời tổ chức chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng về nhân lực, vật lực và các phương án triển khai để nâng cao tỷ lệ thành công trúng thầu và hiệu quả triển khai các gói thầu.

- Hoàn thành công tác quyết toán các hợp đồng/dự án đã thi công như: EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2, dự án NMNĐ Sông Hậu 1, NMNĐ Vũng Áng 1, LHD Nghi Sơn Trung tâm điện lực Quảng Trạch. Đồng thời thực hiện quyết toán với các nhà thầu phụ tại các dự án theo hướng đàm phán về chi phí nhằm giảm công nợ phải trả, giảm chi phí vốn tại các công trình/dự án.

- Kiểm soát và sử dụng chi phí đảm bảo tiết kiệm, gắn với kết quả SXKD và đạt hiệu quả cao nhất cho PETROCONs.

- Tăng cường công tác chỉ đạo và kiểm soát, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị thành viên, phần đầu năm 2025 PETROCONs không phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho phần vốn góp tại các đơn vị hợp nhất báo cáo tài chính.

2.2. Đối với nhiệm vụ tái cơ cấu:

- Tiếp tục triển khai phương án tái cơ cấu PETROCONs theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại hội đồng cổ đông PETROCONs về việc Phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và chỉ đạo của Hội đồng quản trị PETROCONs tại văn bản số 109/HĐQT-VBNB ngày 08/10/2024.

- Nghiên cứu, đánh giá và có phương án cơ cấu lại về mô hình, cách thức tổ chức hoạt động đối với các đơn vị/bộ phận hiện đang hoạt động không có hiệu quả.

- Rà soát, đánh giá sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu tinh gọn, chất lượng phù hợp với nguồn công việc và các nguồn lực của PETROCONs. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung lực lượng cán bộ công nhân viên tại các lĩnh vực được xác định là trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo như Tiếp thị dầu thủy, Quản lý dự án... và các lĩnh vực hỗ trợ khác.

- Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PETROCONs nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của PETROCONs.

2.3. Đối với nhiệm vụ về công tác tài chính, sử dụng nguồn lực:

- Trên cơ sở đánh giá phân nhóm các khoản công nợ đối với Cổ đông lớn PVN và các đơn vị của PVN tại các dự án PETROCONs đã và đang thực hiện, khẩn trương lập kế hoạch cụ thể, chi tiết để tiến hành hiệu quả công tác thu hồi công nợ, bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

- Đối với công nợ tại các đơn vị thành viên và các đối tác khác, thực hiện rà soát các khoản công nợ phải thu-phải trả, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/ xử lý nợ trong năm 2025 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/ bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONs.

- Xây dựng phương án và hoàn thành xử lý các khoản nợ vay liên quan đến đầu tư khách sạn Lam Kinh và khách sạn Thái Bình trong năm 2025.

- Tiếp tục thu xếp nguồn và đôn đốc các đơn vị thu xếp nguồn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam qua Oceanbank. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PETROCONs tại các đơn vị vay vốn ngân hàng được PETROCONs bảo lãnh làm việc

với các tổ chức tín dụng để giải quyết đối với các khoản bảo lãnh vay vốn của PETROCONS cho các đơn vị.

- Tập trung củng cố, hoàn thiện công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn PETROCONS đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, PETROCONS. Tăng cường giám sát công tác quản lý kinh tế, hạch toán kinh doanh, quản lý hợp đồng, quản lý chi phí đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.4. Đối với nhiệm vụ về công tác đầu tư:

- Chủ động làm việc và thực hiện các yêu cầu của các cấp có thẩm quyền nhằm thu hồi giá trị đầu tư tại Soài Rạp, thực hiện thu hồi/xử lý khu đất Tam Đảo.

- Tổ chức thực hiện quản lý đồng thời nghiên cứu các phương án đầu tư nhằm khai thác tối đa hiệu quả các tài sản hiện có như khu đất Chùa Hà, Xưởng cơ khí miền Trung. Khu đất Tam Đảo (trong trường hợp chưa thực hiện xử lý) đảm bảo tạo dòng tiền phục vụ cho hoạt động SXKD, tăng hiệu quả sử dụng tài sản của PETROCONS.

- Thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá mức độ cần thiết, nhu cầu, đảm bảo hiệu quả trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị/tài sản năm 2025 của Công ty mẹ/các đơn vị thành viên, trình Hội đồng quản trị PETROCONS chấp thuận trước khi triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT PETROCONS tổng kết hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT; BKS; Ban TGD (e-copy);
- Lưu VT, HĐQT. *nauo*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nghiêm Quang Huy

Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Tôi tên là Phạm Văn Khánh, sinh ngày 03/02/1960, trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành địa chất công trình, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Tiến sĩ Kinh tế.

Tôi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS) ngày 24/6/2020 bầu làm Thành viên độc lập HĐQT (HĐQT) nhiệm kỳ 2020-2025.

Thực hiện nhiệm vụ Thành viên độc lập HĐQT PETROCONS, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá hoạt động của HĐQT PETROCONS và các công việc tôi đã thực hiện từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, cụ thể như sau:

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT PETROCONS

- HĐQT PETROCONS hoạt động/làm việc theo: i) Điều lệ PETROCONS đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; ii) Quy chế nội bộ về quản trị PETROCONS đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; iii) Quy chế hoạt động của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; iv) các quy định nội bộ PETROCONS và các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Nguyên tắc làm việc của HĐQT: i) HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; ii) Các thành viên HĐQT tự chịu trách nhiệm về phần việc được giao của mình, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về mọi Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong hoạt động quản lý Tổng công ty; iii) HĐQT phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của PETROCONS.
- HĐQT thực hiện phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các Quy chế/Quy định nội bộ PETROCONS. Các Tờ trình/văn bản của Tổng giám đốc trình HĐQT phê duyệt được thực hiện xin ý kiến từng Thành viên Hội đồng quản trị tại Phiếu lấy ý kiến hoặc trao đổi/thảo luận tại cuộc họp HĐQT.

- Cuộc họp HĐQT được tổ chức định kỳ theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị, HĐQT tổ chức các cuộc họp bất thường theo tính chất công việc cần xử lý/phê duyệt. Ngoài ra, HĐQT đã cùng Tổng giám đốc tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng với các Ban/Phòng chuyên môn, các đơn vị thành viên, cuộc họp kiểm điểm tình hình thực hiện tại các Dự án NMNĐ Thái Bình 2, kiểm điểm công tác tái cơ cấu, thu hồi công nợ, các cuộc họp với các đối tác/hợp tác. Bên cạnh đó, HĐQT cử các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp cùng Ban Tổng giám đốc để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc, hiện tại, Tổng công ty có 01 Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Tổng công ty.
- HĐQT chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát PETROCONS, các Nghị quyết/Quyết định/Văn bản của HĐQT đều được gửi Ban Kiểm soát.
- Đến thời điểm 31/12/2024, HĐQT PETROCONS có 05 thành viên, trong đó 01 thành viên độc lập HĐQT, đầy đủ số lượng và cơ cấu theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty.
- Năm 2024, tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; tỷ giá, lãi suất, giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào có nhiều biến động tiêu cực gây khó khăn cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp ngành xây dựng nói chung và PETROCONS nói riêng. Ngoài ra, PETROCONS còn chịu ảnh hưởng từ những khó khăn trong công tác thu xếp vốn đầu tư, thu xếp mặt bằng của các chủ đầu tư dẫn đến nguồn hợp đồng xây dựng mới trên thị trường bị hạn chế. Bên cạnh những khó khăn khách quan của nền kinh tế, PETROCONS còn tồn tại nhiều vướng mắc nội tại như: thiếu vốn, năng lực cạnh tranh thấp, hạn chế trong công tác quản trị,... dẫn đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 của PETROCONS chưa đạt được yêu cầu đề ra.

2. Báo cáo các công việc tôi đã thực hiện trong năm 2024

- Về chế độ làm việc:
 - + Tôi làm việc theo chế độ không thường xuyên tại trụ sở PETROCONS hoặc đi công tác theo sự phân công nhiệm vụ của HĐQT.
 - + Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và trả đầy đủ ý kiến tại các Phiếu lấy ý kiến.
- Về chế độ thù lao: Đến thời điểm hiện tại, PETROCONS thanh toán đầy đủ thù lao của Thành viên độc lập HĐQT theo đúng chế độ thù lao hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Trong năm vừa qua tôi đã cố gắng thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình, thực hiện đầy đủ vai trò và nhiệm vụ của Thành viên độc lập HĐQT theo đúng quy

định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS.

- Theo phân công nhiệm vụ của HĐQT thì ngoài việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chung của Thành viên HĐQT, tôi còn được giao phụ trách trực tiếp các lĩnh vực sau:
 - + Giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Tổng công ty trên cơ sở các báo cáo định kỳ/đột xuất của Tổng giám đốc trình HĐQT;
 - + Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT;
 - + Theo dõi, giám sát lĩnh vực công tác đơn giá, định mức, kinh tế;

Trên đây là báo cáo của Thành viên Độc lập HĐQT Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Kính báo cáo Đại hội!

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT PETROCONS (báo cáo).

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Phạm Văn Khánh

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2024

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2024, tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; tỷ giá, lãi suất, giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào có nhiều biến động tiêu cực gây khó khăn cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp ngành xây dựng nói chung và Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS/Tổng công ty) nói riêng.

Ngoài ra, PETROCONS còn chịu ảnh hưởng từ những khó khăn trong công tác thu xếp vốn đầu tư, thu xếp mặt bằng của các chủ đầu tư dẫn đến nguồn hợp đồng xây dựng mới trên thị trường bị hạn chế.

Bên cạnh những khó khăn khách quan của nền kinh tế, PETROCONS còn tồn tại nhiều vướng mắc nội tại như: thiếu vốn, năng lực cạnh tranh thấp, hạn chế trong công tác quản trị,... dẫn đến việc thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024 của PETROCONS chưa đạt được yêu cầu đề ra.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU

Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 70/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 23/05/2024, toàn tổ hợp PETROCONS đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ SXKD với kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2024 (%)	Tỷ lệ 2024/2023 (%)
				Kế hoạch ĐHCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	912,38	1.532,00	982,88	64%	108%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>441,36</i>	<i>884,00</i>	<i>261,84</i>	<i>30%</i>	<i>59%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.237,96	1.704,00	1.317,87	77%	106%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>765,74</i>	<i>1.055,00</i>	<i>609,04</i>	<i>58%</i>	<i>80%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(267,12)	3,70	4,81	130%	
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>(162,65)</i>	<i>9,48</i>	<i>4,12</i>	<i>43%</i>	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(265,22)	3,70	2,61	71%	
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>(162,65)</i>	<i>9,48</i>	<i>4,12</i>	<i>43%</i>	
5	Số phải nộp NSNN	Tỷ đồng	41,05	47,00	49,14	105%	120%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>10,67</i>	<i>14,00</i>	<i>3,81</i>	<i>27%</i>	<i>36%</i>
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,58	10,84	11,42	105%	108%
	<i>Công ty mẹ</i>		<i>13,25</i>	<i>13,25</i>	<i>13,25</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 982,88 tỷ đồng, đạt 64% kế hoạch năm 2024 và bằng 108% so với năm 2023; Riêng Công ty mẹ thực hiện 261,84 tỷ đồng, đạt 30% kế hoạch năm 2024 và bằng 59% so với năm 2023.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 1.317,87 tỷ đồng, đạt 77% kế hoạch năm 2024 và bằng 106% so với năm 2023; Riêng Công ty mẹ thực hiện 609,04 tỷ đồng, đạt 58% kế hoạch năm 2024 và bằng 80% so với năm 2023.
- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 4,81 tỷ đồng đạt 130% so với kế hoạch năm 2024; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 2,61 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 4,12 tỷ đồng bằng 43% kế hoạch năm 2024.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2024 là 311,53 tỷ đồng, tăng 1,34% so với thời điểm đầu năm.
- Lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2024 là 3.765,93 tỷ đồng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC KHÁC

1. Công tác thi công các công trình/dự án trọng điểm

Tình hình triển khai thi công tại một số công trình/dự án của PETROCONS cụ thể như sau:

- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2:

PETROCONs tiếp tục thực hiện các hạng mục phụ còn lại, xử lý các tồn đọng phát sinh. Trong năm 2024, Hội đồng kiểm tra Nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Hội đồng KTNV) đã chấp thuận nghiệm thu có điều kiện các Tổ máy tại thông báo số 3895/TB-HĐKTNV ngày 08/7/2024. Ngày 10/7/2024, Chủ đầu tư đã cấp Chứng chỉ bàn giao Tổ máy số 1, Tổ máy số 2 và các hạng mục dùng chung (ngoại trừ Máy bốc than số 5, Kho than số 3 và các công việc còn lại đang hoàn thiện). Ngày 19/7/2024, Công ty mua bán điện (EPTC) đã công nhận ngày vận hành thương mại Nhà máy bắt đầu từ 8h00 ngày 19/7/2024. Đến đầu tháng 8/2024, dự án đã chính thức tham gia vào thị trường điện Quốc gia.

Đối với công tác quyết toán dự án, PETROCONs đã phối hợp với Ban QLDA dự án ĐLĐK Thái Bình thống nhất ký kết các biên bản xác định giá trị quyết toán một số hạng mục. Tuy nhiên, tiến độ thanh quyết toán dự án còn chậm do vẫn đang tồn tại một số vướng mắc liên quan đến công tác thống nhất xác định phương án điều chỉnh giá, bổ sung định mức/ đơn giá mới, công tác thương phạt hợp đồng, bổ sung một số đầu mục chi phí..... PETROCONs đang tiếp tục kiến nghị Chủ đầu tư/ Ban QLDA hỗ trợ xử lý.

PETROCONs đã thực hiện đàm phán giảm trừ công nợ với các nhà thầu với Sojit, Quingiao, Sotec và một số khách hàng khác với giá trị trên 38 tỷ đồng.

Đối với vụ kiện tranh chấp giữa liên danh SDC/DL E&C và PETROCONs liên quan đến Hợp đồng EPS số 30/HĐKT/2012/PVC-SDC ngày 22/5/2012: PETROCONs đã thành lập Tổ công tác giải quyết tranh chấp và thuê đơn vị tư vấn pháp luật để hỗ trợ thực hiện/bám sát vụ kiện. Bên cạnh đó, PETROCONs vẫn tiếp tục đàm phán ngoài tố tụng để tiến tới thương lượng hòa giải.

➤ Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1:

- Hợp đồng C11/SH1-LLM-PVC&GEOVN về việc Thi công xử lý nền: Công tác quyết toán hợp đồng vẫn đang tồn tại do phải chờ Lilama hoàn thành công tác quyết toán hợp đồng EPC với Chủ đầu tư sau đó mới quyết toán tương ứng với PETROCONs.
- Hợp đồng C15/SH1-LLM-PVC về việc Thi công các hạng mục xây dựng: Hiện tại, dự án đã hoàn thành. Tổng thầu Lilama đã kết thúc Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Hợp đồng EPC và chuyển sang công tác bảo hành với Chủ đầu tư. Về công tác phê duyệt đơn giá chính thức làm cơ sở quyết toán, PETROCONs đã phối hợp cùng với Tổng thầu Lilama bảo vệ dự toán với đơn vị tư vấn PECC 1, tuy nhiên theo Báo cáo thẩm tra dự toán PECC 1 đã gửi Chủ đầu tư vẫn không cập nhật các ý kiến giải trình của nhà thầu. Hiện PETROCONs vẫn đang tiếp tục kiến nghị Ban QLDA/ Tổng thầu xem xét giải quyết các vướng mắc, đồng thời phối hợp với Tổng thầu Lilama để thực hiện việc lập hồ sơ thanh/quyết toán.

- Các công trình thi công sửa chữa tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1: Trong năm 2024, PETROCONS trúng thầu và ký kết 02 hợp đồng cải tạo, sửa chữa một số hạng mục tại NMND Sông Hậu 1. Hiện nay đang thực hiện công tác thi công theo tiến độ đề ra.
- Dự án Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam:
 - *Giai đoạn 1:* Trong năm 2024, PETROCONS đã phối hợp với nhà thầu thi công PVC-IC tiến hành sửa chữa bảo hành các tổn tại theo nội dung biên bản hợp với chủ đầu tư ngày 9/9/2024. Ngày 04/12/2024, các bên đã thống nhất các nội dung Biên bản nghiệm thu công tác sửa chữa, bảo hành. Chủ đầu tư đã ký hồ sơ quyết toán và báo cáo Tập đoàn, hiện đang chờ Tập đoàn phê duyệt hồ sơ quyết toán giai đoạn 1.
 - *Giai đoạn 2:* Trong năm 2024, tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), các bên thống nhất hòa giải toàn bộ tranh chấp về số ngày chậm tiến độ đối với từng hạng mục và thống nhất giá trị phạt chậm tiến độ giai đoạn 2. Ngày 18/11/2024, Chủ đầu tư họp cùng với Tư vấn giám sát, đơn vị thi công rà soát và thống nhất xử lý các vướng mắc về hồ sơ quyết toán. PETROCONS đã hoàn thành ký Phụ lục bổ sung số 19 với Viện Dầu khí ngày 24/10/2024 và trình Hồ sơ quyết toán đến Tư vấn quản lý dự án để xem xét xác nhận trình Chủ đầu tư phê duyệt.
- Công trình nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMND Uông Bí: Đến ngày 09/12/2024, trên công trường PETROCONS đã hoàn thành 100% khối lượng thi công theo hợp đồng đã ký. Hiện đang phối hợp cùng tổng thầu hoàn thiện các bước thi công để xác định khối lượng thanh toán.
- Dự án cung cấp, lắp đặt biển tần cho quạt khói tổ máy S2 NMND Vĩnh Tân 2: Các công việc trong phạm vi của PETROCONS đã cơ bản hoàn thành. Hiện, PETROCONS đã tích cực phối hợp với các bên hoàn thiện hồ sơ chất lượng để nghiệm thu với Chủ đầu tư nhằm hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng.
- Công trình thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMND Quảng Trạch 1: tiến độ phạm vi công việc của PETROCONS đến tháng 8/2025, hiện đang triển khai thi công theo kế hoạch.

2. Công tác tái cơ cấu

Thực hiện kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua, trong năm 2024 PETROCONS đã triển khai các công việc cụ thể như sau:

- HĐQT PETROCONS đã ban hành Chương trình hành động của PETROCONS về thực hiện các nội dung tái cơ cấu PETROCONS đến hết năm 2025 tại văn bản số 13/XLĐK-HĐQT ngày 01/02/2024.
- Rà soát lại toàn bộ thực trạng, tình hình thực công tác tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên có tiềm lực. Qua đó đưa ra các giải pháp nhằm tổ chức hoạt

động sản xuất kinh doanh để đến hết năm 2025 giải quyết tối đa các vướng mắc, tồn tại của Công ty mẹ và tại các đơn vị thành viên, từng bước khôi phục lại hoạt động SXKD.

- Tổ chức thực hiện, phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng giám đốc, các Ban chuyên môn và chỉ đạo NDDPV của PETROCONs tại các đơn vị triển khai thực hiện các giải pháp tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đã được Hội đồng quản trị thông qua.
- Triển khai thủ tục đăng thông tin kế hoạch thoái vốn trên phương tiện truyền thông (báo điện tử/báo giấy,...) để quảng bá và thu hút Nhà đầu tư quan tâm nhằm đẩy nhanh kế hoạch thoái vốn tại các đơn vị.
- Cùng cổ hoạt động SXKD đối với đơn vị nòng cốt thông qua việc giao nhiệm vụ cho NDDPV của Tổng công ty tại PVC-MS và DOBC triển khai kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở đánh giá thực trạng, phương án tái cơ cấu đã xây dựng nhằm đảm bảo các mục tiêu là đơn vị nòng cốt của PETROCONs. Lộ trình phân đầu giai đoạn 2024-2025 có lợi nhuận dương, giảm một phần lỗ lũy kế, cải thiện năng lực tài chính để tăng cơ hội tiếp thị đấu thầu các công trình mới. Năm 2024, PVC-MS lãi 10,67 tỷ đồng, DOBC lãi 1,22 tỷ đồng.
- Hỗ trợ PVC-Duyên Hải thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên khu đất số 441 đường Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Tp.Hải Phòng theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.Hải Phòng cung cấp hồ sơ, tài liệu theo Quyết định số 2105/QĐ-BCT về việc xác định giá trị doanh nghiệp và phê duyệt quyết toán công tác cổ phần hóa của Tổng công ty PTSC, trong đó kê khai danh mục các tài sản đã được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Hiện Sở TN&MT để xem xét, thẩm định.

3. Công tác hợp đồng kinh tế, tài chính, kế toán và kiểm toán

3.1. Công tác tiếp thị đấu thầu và ký kết hợp đồng kinh tế:

❖ Công tác ký kết các dự án/hợp đồng:

Công ty mẹ PETROCONs đã trúng thầu và thực hiện ký mới 05 hợp đồng với tổng giá trị khoảng 52 tỷ đồng: Mua sắm thiết bị và lắp đặt biển tần điều khiển các quạt khối tổ máy S2 với giá trị 5,6 tỷ đồng; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi – Dự án NMND Quảng Trạch 1 với giá trị 31,795 tỷ đồng; Cải tạo khu nhà vận hành của Dự án NMND Sông Hậu 1 với giá trị 2,695 tỷ đồng; Cải tạo sửa chữa khu rửa thiết bị, thải xỉ NMND Sông Hậu 1 với giá trị 658 triệu đồng và Cung cấp Bơm cấp 1A cho NMND Cao Ngạn với giá trị 11,33 tỷ đồng. Hiện nay, ngoài hợp đồng tại NMND Cao Ngạn có thời gian triển khai thi công trong năm 2025, các gói thầu khác đã được triển khai thi công theo tiến độ.

Tại các đơn vị thành viên đã ký kết được 45 hợp đồng/phụ lục hợp đồng với tổng giá trị xấp xỉ 1.200 tỷ đồng bổ sung nguồn việc bao gồm: PVC-MS ký mới 18 hợp

đồng với tổng giá trị 861,4 tỷ đồng (trong đó có 3 dự án lớn là Topside Phú Quốc giá trị 485 tỷ đồng, chế tạo chân đế Lạc Đà Vàng giá trị 143,5 tỷ đồng, dự án P15 giá trị 138 tỷ); DOBC ký mới 15 hợp đồng/ phụ lục hợp đồng với tổng giá trị 80,7 tỷ đồng; PVC-Bình Sơn ký mới 6 hợp đồng với tổng giá trị 27,30 tỷ đồng; PVC-TB ký mới 01 hợp đồng với giá trị 121,73 tỷ đồng; PETROCONS- Đông Đô ký mới 03 hợp đồng với tổng giá trị khoảng 87,3 tỷ đồng; PVC-Duyên Hải ký mới 02 hợp đồng với tổng giá trị khoảng 17,82 tỷ đồng.

❖ *Công tác tiếp thị đấu thầu:*

Trong năm 2024, do nhiều Chủ đầu tư khó khăn trong việc thu xếp vốn, vướng mắc về thủ tục hành chính pháp lý đã dừng/giãn tiến độ thực hiện các dự án. Bên cạnh đó năng lực của PETROCONS còn nhiều hạn chế. Do vậy, mặc dù rất tích cực trong công tác tiếp thị đấu thầu trong năm 2024 nhưng kết quả chưa đạt hiệu quả đề ra dẫn đến thiếu hụt sản lượng- doanh thu so với kế hoạch.

PETROCONS đang tiếp tục phối hợp với các đối tác/ liên danh tham gia dự thầu/ chuẩn bị đấu thầu các gói thầu tại các dự án: Liên danh với Công ty Telico đấu thầu các gói thầu san lấp, xử lý nền tại dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn; Liên danh với CTCP Cơ điện TITAN đấu thầu Gói thầu Mua sắm vật tư thay thế C&I (Hệ thống DCS) cho NMNĐ Sông Hậu 1 (*Đã có thư trúng thầu. Hiện Liên danh nhà thầu đang đang thực hiện đàm phán hợp đồng và chuẩn bị nguồn lực để triển khai thi công*); Liên danh với Công ty Đức Anh đấu thầu gói thầu Cung cấp bi máy nghiền, tấm lót và các chi tiết bắt xiết thùng nghiền phục vụ sản xuất điện của CTCP Nhiệt điện Phả Lại; Đấu thầu Cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ sửa chữa bình gia nhiệt cao áp số 3 - NMNĐ Duyên Hải 3 mở rộng,...

Tiếp tục chuẩn bị hoàn thiện hồ sơ và phương án đấu thầu để sẵn sàng, kịp thời tham dự thầu khi có thông tin chính thức đối với các dự án NMNĐ Long Phú 1, NMNĐ Ô Môn 4, Nhà máy điện rác Nam Định, Cung cấp bơm tuần hoàn nước lò (bao gồm cả động cơ và bơm) - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh,...

Ngoài ra, PETROCONS thường xuyên bám sát, làm việc với các đối tác trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đang chuẩn bị đấu thầu, đồng thời tìm kiếm lựa chọn những đối tác có tiềm năng có thể hợp tác cho các dự án trong tương lai.

3.2. Công tác tài chính, kế toán, kiểm toán:

- Hoàn thành phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2023 của Cơ quan Tổng công ty và các Ban ĐHDA thuộc Công ty mẹ, về cơ bản chi phí quản lý bám sát dự toán đã được phê duyệt. Phê duyệt kế hoạch CPQL năm 2024 của Công ty mẹ Tổng công ty.
- Cân đối dòng tiền, thu xếp vốn các dự án và các khoản chi thường xuyên. Cân đối nguồn, thực hiện các thủ tục gia hạn/ phát hành bảo lãnh tại các tổ chức tín

dụng cho dự án NMNĐ Thái Bình 2 và các công trình PETROCONs thực hiện thi công trong năm 2024.

- Dự nợ gốc ủy thác tại thời điểm 31/12/2024 là 575,6 tỷ đồng trong đó PETROCONs phải thu các đơn vị: 344,6 tỷ đồng (bao gồm: Khách sạn Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 128,3 tỷ đồng; PVNC: 16,3 tỷ đồng); khoản PETROCONs sử dụng: 230,99 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2024, Lãi vay PETROCONs còn phải trả PVN là: 172,78 tỷ đồng, trong đó: Lãi trong hạn chưa thanh toán: 90,08 tỷ đồng; Tiền phạt chậm trả lãi, gốc: 82,70 tỷ đồng. Hiện PETROCONs vẫn đang tiếp tục kiến nghị PVN trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận miễn giảm các khoản chi phí lãi vay trong hạn/quá hạn này.
- Đến hết năm 2024, PETROCONs còn các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn 155,04 tỷ đồng (trong đó, PVC-HN: 73,67 tỷ đồng; PVC-ME: 64,27 tỷ đồng; PVC-SG: 17,10 tỷ đồng). Các khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PETROCONs đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả đến thời điểm hiện tại là: 137,94 tỷ đồng. Trong năm 2024 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh.
- Tổng công nợ phải thu Công ty mẹ PETROCONs tại 31/12/2024 là 2.534,05 tỷ đồng, lũy kế trích lập dự phòng 878,24 tỷ đồng. Số trích lập dự phòng thời điểm cuối năm 2024 đã giảm 47,64 tỷ đồng so với đầu năm từ công tác rà soát, xử lý nợ chéo với các đơn vị thành viên.

4. Công tác đầu tư

4.1. Đầu tư tài chính

- Năm 2024, PETROCONs không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty mẹ PETROCONs có vốn góp tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.326,55 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 735,45 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (07 đơn vị) 206,20 tỷ đồng.
- Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2024 là 1.810,13 tỷ đồng bằng 77,8% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONs. Tổng giá trị trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong năm 2024 là 12,76 tỷ đồng.

4.2. Đầu tư bất động sản, Xây dựng cơ bản, hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị

- Năm 2024, Công ty mẹ PETROCONs và các Công ty con không thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị.

5. Công tác thoái/ thu hồi vốn/ quản lý tài sản, các dự án của Công ty mẹ:

- Công tác chuyển giao dự án Soài Rạp – Tiền Giang: Ngày 31/7/2024, PETROCONs đã có văn bản số 1167/XLDK-KHĐT&TCC báo cáo Thủ tướng chính phủ/Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái/UBND tỉnh Tiền Giang đề

xuất hướng dẫn thanh toán chi phí dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang. Trong đó kiến nghị: (i) Xem xét, hướng dẫn và thanh toán các khoản chi phí đã đầu tư vào dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp cho PVN và PETROCONS; (ii) Trong trường hợp không có phương án thanh toán chi phí đã đầu tư cho PVN/ PETROCONS, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao lại dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang cho PVN/PETROCONS làm chủ đầu tư để các bên tiếp tục đầu tư bằng nguồn lực của mình và tìm kiếm các đối tác có đủ năng lực, kinh nghiệm hợp tác tiếp tục đầu tư hoàn thành dự án nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương và doanh nghiệp. Ngày 07/8/2024, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1974/PC-VPCP gửi Bộ Kế hoạch Đầu tư và UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị giải quyết kiến nghị của PETROCONS theo quy định.

Thực hiện yêu cầu của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang tại văn bản số 2739/STC-TCĐT-DN ngày 13/9/2024 và văn bản số 3043/STC-TCĐT-DN của Sở Tài chính ngày 7/10/2024, Tổng công ty đã có văn bản số 1533/XLTK-KHĐT&TCC ngày 16/10/2024 gửi Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang cung cấp toàn bộ hồ sơ chứng từ liên quan đến khoản chi phí đầu tư do PETROCONS thực hiện, về phía Tập đoàn cũng đã cung cấp hồ sơ đối với khoản chi phí Tập đoàn thực hiện tại dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp cho Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19/02/2025, đại diện PETROCONS đã tham dự cuộc họp theo Giấy mời số 725/GM-STNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, theo đó tại cuộc họp, các Sở ban ngành tỉnh Tiền Giang đưa ra ý kiến hoàn trả các khoản chi phí mà PVN đã đầu tư vào dự án. Đối với PETROCONS cũng sẽ nhận lại các khoản chi phí đã đầu tư vào dự án sau khi trừ khoản chi phí phạt chậm thanh toán hợp đồng giữa DOBC và PETROCONS (theo kết luận của Kiểm toán nhà nước) và chi phí khấu hao phần hạ tầng (đường tạm, đường điện tạm, cống chèo) từ năm 2014 đến 2018.

Ngày 27/3/2025, UBND tỉnh Tiền Giang đã có văn bản thông báo gửi Tập đoàn và Tổng công ty về giá trị tài sản đã đầu tư trên đất tại Dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, theo đó PETROCONS được hoàn trả 126,434 tỷ đồng. Hiện Tổng công ty đang rà soát, trình HĐQT xem xét, phê duyệt giá trị đầu tư được hoàn trả.

- *Dự án Xưởng cơ khí Miền Trung:* Hiện, PETROCONS đang phối hợp với PVC-MT xúc tiến tìm kiếm các khách hàng phù hợp để hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng Xưởng cơ khí.
- *Khu đất tại Chùa Hà:* Khu đất tại số 01 ngõ 86 phố Chùa Hà, Dịch vọng, Cầu Giấy Hà Nội có thời hạn thuê đất 20 năm kể từ ngày 01/01/1996 đến 01/01/2016, đến nay đã hết thời hạn hợp đồng thuê đất. Tổng công ty đang thực hiện các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất (bao gồm: đo vẽ bản đồ hiện trạng, xin chỉ giới đường đỏ, xin thông tin quy hoạch, rà soát hiện trạng sử dụng đất...).

- Đối với khu đất 3.400m² tại thị trấn Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc được Công ty Mai Phương hoàn trả PETROCONs theo Quyết định của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội: Ngày 27/9/2024, PETROCONs đã nhận bàn giao thực địa khu đất dưới sự chứng kiến của các cơ quan chức năng. Ngày 19/11/2024, PETROCONs đã nhận bàn giao Giấy Chứng nhận QSD đất từ TAND Cấp cao tại Hà Nội đối với khu đất tại Tam Đảo. Ngày 05/12/2024, PETROCONs đã làm việc với Văn phòng ĐKDD tỉnh Vĩnh Phúc về việc đăng ký biến động sang tên 3.400m² đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 20, tại Thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc cho PETROCONs.

Ngày 25/3/2025, PETROCONs đã có văn bản số 320/XLDK-PC gửi Văn phòng ĐKDD tỉnh Vĩnh Phúc, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc và UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc hoàn thiện thủ tục đối với đăng ký biến động sang tên khu đất trên. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc đã có hướng dẫn cụ thể, hiện PETROCONs đang hoàn thiện hồ sơ.

6. Công tác khác

- Trong năm 2024, PETROCONs đã tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn luật thực hiện các công tác pháp chế nhằm bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của PETROCONs tại các vụ kiện, công tác thi hành án có liên quan đến PETROCONs như: tranh chấp giữa PETROCONs và SDC, thu hồi công nợ PVR, tranh chấp với Lisemco, công tác thi hành án tại vụ kiện Tranh chấp hợp đồng thông quan vận chuyển nội địa với liên danh Thành Trang-Tagi,... Kết luận tại các bản án: PVR phải trả PETROCONs 49 tỷ đồng, Lisemco phải hoàn trả tài sản cho PETROCONs hoặc tương đương bằng tiền 40 tỷ đồng, Thành Trang-Tagi phải trả 23 tỷ đồng. Hiện PETROCONs đang tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để yêu cầu giải quyết thi hành án và thực hiện phúc thẩm đối với vụ kiện PVR do PVR đã đệ đơn kháng cáo.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty PETROCONs. Thẩm tra tài liệu, hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên/ bất thường trong năm 2024.
- Hoàn thành đánh giá chính thức mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ Người đại diện của PETROCONs tại doanh nghiệp khác năm 2023; Kiện toàn Người đại diện phần vốn tại các đơn vị thành viên, đảm bảo phù hợp với tình hình SXKD của các đơn vị.
- Tại Công ty mẹ Tổng công ty đã thực hiện công tác định biên, sắp xếp sử dụng lao động tại Cơ quan Tổng công ty năm 2024 và đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBCNV tại các Ban/Phòng Tổng công ty. Trong năm 2024, Công ty mẹ đã giảm 21 người so với thời điểm 31/12/2023.

- Đến thời điểm 31/12/2024, số lao động toàn Tổng công ty (bao gồm Công ty mẹ và 07 Công ty chi phối): 1.279 người. Thu nhập bình quân ước thực hiện năm 2024 toàn tổ hợp là 11,42 triệu đồng/người/tháng, bằng 105% kế hoạch (chủ yếu tăng thu nhập bình quân tại một số đơn vị có kết quả kinh doanh có lãi như PVC-MS, DOBC). Trong đó thu nhập bình quân ước thực hiện của Công ty mẹ 13,25 triệu đồng/người/tháng (tương ứng với mức lương theo HDLD) bằng 100% kế hoạch và bằng mức thu nhập bình quân năm 2023.
- Trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, năm 2024 toàn tổ hợp Tổng công ty thực hiện 3,42 tỷ đồng đạt 95% so với kế hoạch năm 2024 với 1.613 lượt người được đào tạo. Tại Công ty mẹ PETROCONS thực hiện 875 triệu đồng với 181 lượt học viên bao gồm các khóa đào tạo từ nguồn kinh phí của PETROCONS thực hiện, các khóa đào tạo từ nguồn kinh phí được Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam hỗ trợ và cán bộ được cử tham dự các khóa đào tạo do Tập đoàn tổ chức.

IV. NGUYÊN NHÂN VÀ CÁC TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Năm 2024, PETROCONS không hoàn thành kế hoạch giá trị SXKD và Doanh thu đề ra, nguyên nhân chủ yếu do:

- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 được PETROCONS xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 trên cơ sở dự kiến tham gia, trúng thầu và thực hiện khởi công các dự án: Khu nhà ở CBCNV dự án NMNĐ Sông Hậu 1, Nhà máy Polypropylene Phú Mỹ, Nhà máy LPG Yên Hưng, công trình mở rộng một số hạng mục nhà máy Đạm Cà Mau. Tuy nhiên, do nhiều vướng mắc về tài chính, pháp lý của phía Chủ đầu tư, đến nay một số dự án vẫn chưa thể triển khai đấu thầu và giãn thời hạn đấu thầu/ khởi công sang năm 2025. Ngoài ra, bộ máy tiếp thị đấu thầu của PETROCONS còn yếu: năng lực tài chính hạn chế, năng lực máy móc thiết bị hầu như không có, khả năng cạnh tranh thấp dẫn đến một số dự án/gói thầu không trúng thầu (Thi công xây dựng tuyến kênh dẫn nước làm mát từ cửa nhận đến StopLog của trạm bơm nước làm mát- Dự án NMNĐ Quảng Trạch 1, Khu nhà ở CBCNV NMNĐ Sông Hậu 1,...). Do vậy, toàn bộ kế hoạch giá trị sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của PETROCONS từ các dự án nêu trên đều không thực hiện được trong năm 2024.
- Công tác thanh quyết toán các gói thầu C11, C15 thuộc dự án NMNĐ Sông Hậu 1 còn chậm, do kéo dài thời gian trong công tác thống nhất điều chỉnh đơn giá và thẩm tra dự toán; đồng thời phải chờ tổng thầu Lilama hoàn thành công tác quyết toán hợp đồng EPC với Chủ đầu tư sau đó sẽ quyết toán tương ứng với PETROCONS.

Hiện nay, PETROCONS còn những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động SXKD, như:

- Tình hình tài chính của PETROCONS và các đơn vị thành viên rất hạn chế, hồ sơ năng lực/báo cáo tài chính không đáp ứng được yêu cầu của phần lớn các gói thầu mà PETROCONS và các đơn vị thành viên mong muốn tham gia dẫn đến khó khăn trong công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm nguồn việc mới;
- Lực lượng lao động kỹ thuật còn yếu và thiếu. Trong một thời gian dài PETROCONS không tham gia công tác tiếp thị đấu thầu mà chủ yếu được chỉ định thầu nên năng lực tiếp thị, đấu thầu kém, đặc biệt giá chào thầu không được cập nhật và thiếu cạnh tranh.
- Công tác quyết toán các hợp đồng giữa PETROCONS với Chủ đầu tư cũng như giữa PETROCONS với các nhà thầu phụ tại các dự án/công trình đã thi công xong còn chậm, gặp nhiều vướng mắc như chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt giá trị phát sinh, các nhà thầu phụ không hợp tác, thiếu nhân sự để phối hợp thực hiện quyết toán...
- Do ảnh hưởng từ biến động chính trị, kinh tế thế giới, nguồn nguyên vật liệu đầu vào như: sắt, thép, năng lượng... tăng cao, nhiều công trình chưa ký được phụ lục điều chỉnh giá hợp đồng dẫn đến các đơn vị triển khai thi công còn cầm chừng.
- Nhiều đơn vị thành viên của PETROCONS còn tồn đọng các khoản nợ vay từ các dự án bất động sản hiện rất khó khăn trong công tác tái cơ cấu các khoản vay, thoái vốn tài sản, hàng tháng phải chịu chi phí khấu hao, chi phí lãi vay rất lớn trong khi hiệu quả khai thác thấp dẫn đến kết quả kinh doanh thua lỗ lớn. Công ty mẹ PETROCONS phải thực hiện trích lập giảm giá đầu tư tài chính tại các đơn vị.
- Công tác xử lý nợ, thu hồi các khoản công nợ đến hạn/ quá hạn của PETROCONS và các đơn vị còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PETROCONS hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PETROCONS.
- Công tác thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm. Trong quá trình thực hiện, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PETROCONS đều thua lỗ/có giá trị lỗ lũy kế lớn nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng gặp rất nhiều khó khăn.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025, PETROCONS tiếp tục phải đối diện với nhiều thách thức trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD, khó khăn về việc tìm kiếm nguồn công việc

cũng như các rủi ro tiềm ẩn tiếp tục bộc lộ. Tổng Công ty PETROCONs đã xây dựng mục tiêu kế hoạch năm 2025 kinh trình ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

I. KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024			Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % KH 2025/ TH 2024
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH		
1	Giá trị SXKD	1.532,00	982,88	64%	1.345,00	137%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>884,00</i>	<i>261,84</i>	<i>30%</i>	<i>332,00</i>	<i>127%</i>
2	Tổng doanh thu	1.704,00	1.317,87	77%	1.707,00	130%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>1.055,00</i>	<i>609,04</i>	<i>58%</i>	<i>796,00</i>	<i>131%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	3,70	4,81	130%	4,56	95%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>9,48</i>	<i>4,12</i>	<i>43%</i>	<i>3,72</i>	<i>90%</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	3,70	2,61	71%	4,56	175%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>9,48</i>	<i>4,12</i>	<i>43%</i>	<i>3,72</i>	<i>90%</i>
5	Nộp NSNN	47,00	49,14	105%	58,00	118%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>14,00</i>	<i>3,81</i>	<i>27%</i>	<i>9,00</i>	<i>236%</i>
6	Thu nhập bình quân NLĐ (trđ/ người/ tháng)	10,84	11,42	105%	11,90	104%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>13,25</i>	<i>13,25</i>	<i>100%</i>	<i>14,10</i>	<i>106%</i>

Kế hoạch sản lượng, doanh thu năm 2025 của Hợp nhất và Công ty mẹ PETROCONs và được xây dựng trên cơ sở hoàn thành thi công, thu hồi vốn tại các dự án chuyển tiếp từ năm 2024 (dự án NMND Thái Bình 2, các gói thầu tại dự án NMND Sông Hậu 1, NMND Uông Bí, NMND Vĩnh Tân 2, Quảng Trạch cũng như các dự án đã ký hợp đồng và các công trình PETROCONs dự kiến tiếp thị, tham gia dự thầu như Thi công Xử lý nền và san lấp trạm Mũi Trâm và Trạm An Minh - Đường ống Lô B - Ô Môn, Khu nhà ở CBCNV NMND Thái Bình 2, dự án NMND Ô Môn 4, các gói thầu tại dự án NMND Long Phú 1, dự án NMSX Ôxy giá,... Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch đề ra như trên còn tiềm ẩn rủi ro trong trường hợp không trúng thầu các dự án kể trên.

2. Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

Để phân đầu hoàn thành kế hoạch đề ra, PETROCONs đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2025, cụ thể:

2.1. Đối với nhiệm vụ SXKD:

- Phân đầu hoàn thành/hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 đã đề ra.

- Xây dựng mô hình và triển khai áp dụng các phương thức quản trị phù hợp như: quản trị biến động, quản trị chuỗi giá trị, quản trị hệ sinh thái, quản trị dựa trên nền tảng số,...; Quản trịет phương châm “làm mới động lực cũ, bổ sung động lực mới” sẵn sàng chuyển dịch mô hình kinh doanh phù hợp với xu thế chuyển đổi, phát triển hiện đại.

- Tập trung kiểm soát chi phí một cách có hiệu quả, đặc biệt các trung tâm chi phí lớn; giảm thiểu những thiệt hại do tác động của thị trường...

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các Hợp đồng công trình, dự án chuyển tiếp đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Bên giao thầu đồng thời vượt/đạt hiệu quả theo phương án triển khai đã được HĐQT PETROCONS phê duyệt.

- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, đẩy mạnh tìm kiếm thông tin tiếp thị, đấu thầu cung cấp dịch vụ xây lắp công nghiệp, điện, hạ tầng tại các dự án trong và ngoài ngành. Đồng thời tổ chức chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng về nhân lực, vật lực và các phương án triển khai để nâng cao tỷ lệ thành công trúng thầu và hiệu quả triển khai các gói thầu.

- Hoàn thành công tác quyết toán các hợp đồng/dự án đã thi công như: EPC dự án NMND Thái Bình 2, dự án NMND Sông Hậu 1, NMND Vũng Áng 1, LHD Nghi Sơn Trung tâm điện lực Quảng Trạch. Đồng thời thực hiện quyết toán với các nhà thầu phụ tại các dự án theo hướng đàm phán về chi phí nhằm giảm công nợ phải trả, giảm chi phí vốn tại các công trình/dự án.

- Kiểm soát và sử dụng chi phí đảm bảo tiết kiệm, gắn với kết quả SXKD và đạt hiệu quả cao nhất cho Tổng công ty.

- Tăng cường công tác chỉ đạo và kiểm soát, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị thành viên, phần đầu năm 2025 Tổng công ty không phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho phần vốn góp tại các đơn vị hợp nhất báo cáo tài chính.

2.2. Đối với nhiệm vụ tái cơ cấu:

- Tiếp tục triển khai phương án tái cơ cấu PETROCONS theo Kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2021-2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Tổng công ty tại văn bản số 109/HĐQT-VBNB ngày 08/10/2024.

- Nghiên cứu, đánh giá và có phương án cơ cấu lại về mô hình, cách thức tổ chức hoạt động đối với các đơn vị/bộ phận hiện đang hoạt động không có hiệu quả.

- Rà soát, đánh giá sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu tinh gọn, chất lượng phù hợp với nguồn công việc và các nguồn lực của Tổng công ty. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung lực lượng cán bộ công nhân viên tại các lĩnh vực được xác định là trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo như Tiếp thị đấu thầu, Quản lý dự án... và các lĩnh vực bổ trợ khác.

- Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PETROCONS nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của PETROCONS.

2.3. Đối với nhiệm vụ về công tác tài chính, sử dụng nguồn lực:

- Trên cơ sở đánh giá phân nhóm các khoản công nợ đối với PVN và các đơn vị thành viên của PVN tại các dự án PETROCONS đã và đang thực hiện, khẩn trương lập kế hoạch cụ thể, chi tiết để tiến hành hiệu quả công tác thu hồi công nợ, bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

- Đối với công nợ tại các đơn vị thành viên và các đối tác khác, thực hiện rà soát các khoản công nợ phải thu - phải trả, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/ xử lý nợ trong năm 2025 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/ bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS.

- Hỗ trợ các đơn vị thành viên PVC-TB, CTCP Khách sạn Lam kinh xây dựng phương án và hoàn thành xử lý các khoản nợ vay liên quan đến đầu tư khách sạn Thái Bình và khách sạn Lam Kinh trong năm 2025.

- Tiếp tục thu xếp nguồn và đôn đốc các đơn vị thu xếp nguồn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của PVN qua Oceanbank. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các đơn vị vay vốn ngân hàng được PETROCONS bảo lãnh làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết đối với các khoản bảo lãnh vay vốn của PETROCONS cho các đơn vị.

- Tập trung củng cố, hoàn thiện công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Tổng công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Tập đoàn và Tổng công ty, Tăng cường giám sát công tác quản lý kinh tế, hạch toán kinh doanh, quản lý hợp đồng, quản lý chi phí đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.4. Đối với nhiệm vụ về công tác đầu tư:

- Chủ động làm việc và thực hiện các yêu cầu của các cấp có thẩm quyền nhằm thu hồi giá trị đầu tư tại Soài Rạp, thực hiện thu hồi/xử lý khu đất Tam Đảo.

- Tổ chức thực hiện quản lý đồng thời nghiên cứu các phương án đầu tư nhằm khai thác tối đa hiệu quả các tài sản hiện có như khu đất Chùa Hà, Xưởng cơ khí miền Trung, Khu đất Tam Đảo (trong trường hợp chưa thực hiện xử lý) đảm bảo tạo dòng tiền phục vụ cho hoạt động SXKD, tăng hiệu quả sử dụng tài sản của PETROCONS.

- Thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá mức độ cần thiết, nhu cầu, đảm bảo hiệu quả trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị/tài sản năm 2025

của Công ty mẹ/các đơn vị thành viên, trình Hội đồng quản trị Tổng công ty chấp thuận trước khi triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT TCT;
- Ban Kiểm soát TCT;
- Ban TGD TCT;
- Các Ban, Phòng chuyên môn TCT;
- Lưu: VT, KHĐT&TCC.


TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hoàn

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2025

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS);

- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS/Tổng công ty) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, báo cáo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Ban Kiểm soát PETROCONS năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA PETROCONS.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024.

Trên cơ sở kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua, PETROCONS đã chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp, khắc phục các khó khăn, tuy nhiên năm 2024, PETROCONS đã không hoàn thành kế hoạch được giao.

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2024 (%)	Tỷ lệ 2024/2023 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	912,38	1.532,00	982,88	64%	108%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	441,36	884,00	261,84	30%	59%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2024 (%)	Tỷ lệ 2024/2023 (%)
				Kế hoạch ĐHCĐ chấp thuận	Thực hiện		
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.237,96	1.704,00	1.317,87	77%	106%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	765,74	1.055,00	609,04	58%	80%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(267,12)	3,70	4,81	130%	
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	(162,65)	9,48	4,12	43%	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(265,22)	3,70	2,61	71%	
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	(162,65)	9,48	4,12	43%	
5	Số phải nộp NSNN	Tỷ đồng	41,05	47,00	49,14	105%	120%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	10,67	14,00	3,81	27%	36%
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,58	10,84	11,42	105%	108%
	Công ty mẹ		13,25	13,25	13,25	100%	100%

Trong năm 2024, Tổng công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu SXKD so với kế hoạch đề ra về sản lượng, doanh thu.

Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 982,88 tỷ đồng, đạt 64% kế hoạch năm 2024 và bằng 108% so với năm 2023; Riêng Công ty mẹ thực hiện 261,84 tỷ đồng, đạt 30% kế hoạch năm 2024 và bằng 59% so với năm 2023.

Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 1.317,87 tỷ đồng, đạt 77% kế hoạch năm 2024 và bằng 106% so với năm 2023; Riêng Công ty mẹ thực hiện 609,04 tỷ đồng, đạt 58% kế hoạch năm 2024 và bằng 80% so với năm 2023.

Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 4,81 tỷ đồng đạt 130% so với kế hoạch năm 2024; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 2,61 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 4,12 tỷ đồng bằng 43% kế hoạch năm 2024.

Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONs tại thời điểm 31/12/2024 là 311,53 tỷ đồng, tăng 1,34% so với thời điểm đầu năm.

Lỗ lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2024 là 3.765,93 tỷ đồng

- Trong 7 đơn vị chi phối hạch toán hợp nhất PETROCONs, một số đơn vị có lợi nhuận sau thuế dương với giá trị thấp như PVC-MS (9,946 tỷ đồng), DOBC (1,22 tỷ đồng), PVC-IC (0,369 tỷ đồng), PETROCONs Đông Đô (0,376 tỷ đồng) và PVC-Bình Sơn. 02/7 đơn vị còn lại đều làm ăn thua lỗ đã ảnh hưởng lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận

hợp nhất của PETROCONs như: PVC-Thái Bình (37,61 tỷ đồng), PVC-Mekong (0,534 tỷ đồng).

Kết quả SXKD một số công ty tiếp tục thua lỗ, nguy cơ về rủi ro tiềm tàng là không bảo toàn được vốn dẫn đến hệ lụy mất vốn Chủ sở hữu do không có các nguồn công việc mới để duy trì hoạt động, bù đắp các chi phí tối thiểu cho công ty, đồng thời các khoản công nợ phải thu hồi còn gặp rất nhiều khó khăn và các khoản công nợ không có khả năng trả dẫn đến chi phí phát sinh tăng về tài chính; các khoản ủy thác vay vốn Tập đoàn đến hạn trả nợ đều chưa cân đối được nguồn để trả; các đơn vị thành viên có kết quả SXKD đều thua lỗ nhiều năm, khả năng thoái vốn để thu xếp trả nợ nguồn vốn vay ủy thác đầu tư là không có tính khả thi. Khả năng tìm việc tiếp thị/ký hợp đồng mới đạt kết quả thấp, các công trình/dự án có sản lượng và doanh thu còn rất thấp.

2. Công tác thi công các công trình/dự án trọng điểm

Tình hình triển khai thi công tại một số công trình/dự án của PETROCONs cụ thể như sau:

➤ Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2:

PETROCONs tiếp tục thực hiện các hạng mục phụ còn lại, xử lý các tồn đọng phát sinh. Trong năm 2024, Hội đồng kiểm tra Nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Hội đồng KTNN) đã chấp thuận nghiệm thu có điều kiện các Tổ máy tại thông báo số 3895/TB-HĐKTNN ngày 08/7/2024. Ngày 10/7/2024, Chủ đầu tư đã cấp Chứng chỉ bàn giao Tổ máy số 1, Tổ máy số 2 và các hạng mục dùng chung (ngoại trừ Máy bốc than số 5, Kho than số 3 và các công việc còn lại đang hoàn thiện). Ngày 19/7/2024, Công ty mua bán điện (EPTC) đã công nhận ngày vận hành thương mại Nhà máy bắt đầu từ 8h00 ngày 19/7/2024. Đến đầu tháng 8/2024, dự án đã chính thức tham gia vào thị trường điện Quốc gia.

Đối với công tác quyết toán dự án, PETROCONs đã phối hợp với Ban QLDA dự án ĐLĐK Thái Bình thống nhất ký kết các biên bản xác định giá trị quyết toán một số hạng mục. Tuy nhiên, tiến độ thanh quyết toán dự án còn chậm do vẫn đang tồn tại một số vướng mắc liên quan đến công tác thống nhất xác định phương án điều chỉnh giá, bổ sung định mức/ đơn giá mới, công tác thương phạt hợp đồng, bổ sung một số đầu mục chi phí,... PETROCONs đang tiếp tục kiến nghị Chủ đầu tư/ ban QLDA hỗ trợ xử lý.

PETROCONs đã thực hiện đàm phán giảm trừ công nợ với các nhà thầu với Sojit, Quingiao, Sotec và một số khách hàng khác với giá trị trên 38 tỷ đồng.

Đối với vụ kiện tranh chấp giữa liên danh SDC/DL E&C và PETROCONs liên quan đến Hợp đồng EPS số 30/HDKT/2012/PVC-SDC ngày 22/5/2012: PETROCONs đã thành lập Tổ công tác giải quyết tranh chấp và thuê đơn vị tư vấn pháp luật để hỗ

trợ thực hiện/bám sát vụ kiện. Bên cạnh đó, PETROCONs vẫn tiếp tục đàm phán ngoài tổ tụng để tiến tới thương lượng hòa giải.

➤ *Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1:*

- Hợp đồng C11/SH1-LLM-PVC&GEOVN về việc Thi công xử lý nền: Công tác quyết toán hợp đồng vẫn đang tồn tại do phải chờ Lilama hoàn thành công tác quyết toán hợp đồng EPC với Chủ đầu tư sau đó mới quyết toán tương ứng với PETROCONs.

- Hợp đồng C15/SH1-LLM-PVC về việc Thi công các hạng mục xây dựng: Hiện tại, dự án đã hoàn thành. Tổng thầu Lilama đã kết thúc Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Hợp đồng EPC và chuyển sang công tác bảo hành với Chủ đầu tư. Về công tác phê duyệt đơn giá chính thức làm cơ sở quyết toán, PETROCONs đã phối hợp cùng với Tổng thầu Lilama báo về dự toán với đơn vị tư vấn PECC 1, tuy nhiên theo Báo cáo thẩm tra dự toán PECC 1 đã gửi Chủ đầu tư vẫn không cập nhật các ý kiến giải trình của nhà thầu. Hiện PETROCONs vẫn đang tiếp tục kiến nghị Ban QLDA/ Tổng thầu xem xét giải quyết các vướng mắc, đồng thời phối hợp với Tổng thầu Lilama để thực hiện việc lập hồ sơ thanh/quyết toán.

- Các công trình thi công sửa chữa tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1: Trong năm 2024, PETROCONs trúng thầu và ký kết 02 hợp đồng cải tạo, sửa chữa một số hạng mục tại NMND Sông Hậu 1. Hiện nay đang thực hiện công tác thi công theo tiến độ đề ra.

➤ *Dự án Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam:*

- *Giai đoạn 1:* Trong năm 2024, PETROCONs đã phối hợp với nhà thầu thi công PVC-IC tiến hành sửa chữa bảo hành các tồn tại theo nội dung biên bản hợp với chủ đầu tư ngày 9/9/2024. Ngày 04/12/2024, các bên đã thống nhất các nội dung Biên bản nghiệm thu công tác sửa chữa, bảo hành. Chủ đầu tư đã ký hồ sơ quyết toán và báo cáo Tập đoàn, hiện đang chờ Tập đoàn phê duyệt hồ sơ quyết toán giai đoạn 1.

- *Giai đoạn 2:* Trong năm 2024, tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), các bên thống nhất hòa giải toàn bộ tranh chấp về số ngày chậm tiến độ đối với từng hạng mục và thống nhất giá trị phạt chậm tiến độ giai đoạn 2. Ngày 18/11/2024, Chủ đầu tư họp cùng với Tư vấn giám sát, đơn vị thi công rà soát và thống nhất xử lý các vướng mắc về hồ sơ quyết toán. PETROCONs đã hoàn thành ký Phụ lục bổ sung số 19 với Viện Dầu khí ngày 24/10/2024 và trình Hồ sơ quyết toán đến Tư vấn quản lý dự án để xem xét xác nhận trình Chủ đầu tư phê duyệt.

➤ *Công trình nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMND Uông Bí:* Đến ngày 09/12/2024, trên công trường PETROCONs đã hoàn thành 100% khối lượng thi công theo hợp đồng đã ký. Hiện đang phối hợp cùng tổng thầu hoàn thiện các bước thi công để xác định khối lượng thanh toán.

➤ Dự án cung cấp, lắp đặt biến tần cho quạt khởi tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2: Các công việc trong phạm vi của PETROCONs đã cơ bản hoàn thành. Hiện, PETROCONs đã tích cực phối hợp với các bên hoàn thiện hồ sơ chất lượng để nghiệm thu với Chủ đầu tư nhằm hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng.

➤ Công trình thi công xây dựng bãi thải xi, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1: tiến độ phạm vi công việc của PETROCONs đến tháng 8/2025, hiện đang triển khai thi công theo kế hoạch.

3. Công tác tái cơ cấu

Thực hiện kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua, trong năm 2024 PETROCONs đã triển khai các công việc cụ thể như sau:

- HĐQT PETROCONs đã ban hành Chương trình hành động của PETROCONs về thực hiện các nội dung tái cơ cấu PETROCONs đến hết năm 2025 tại văn bản số 13/XLDK-HĐQT ngày 01/02/2024.

- Rà soát lại toàn bộ thực trạng, tình hình thực công tác tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên có tiềm lực. Qua đó đưa ra các giải pháp nhằm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh để đến hết năm 2025 giải quyết tối đa các vướng mắc, tồn tại của Công ty mẹ và tại các đơn vị thành viên, từng bước khôi phục lại hoạt động SXKD.

- Tổ chức thực hiện, phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng giám đốc, các Ban chuyên môn và chỉ đạo NDDPV của PETROCONs tại các đơn vị triển khai thực hiện các giải pháp tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đã được Hội đồng quản trị thông qua.

- Triển khai thủ tục đăng thông tin kế hoạch thoái vốn trên phương tiện truyền thông (báo điện tử/báo giấy,...) để quảng bá và thu hút Nhà đầu tư quan tâm nhằm đẩy nhanh kế hoạch thoái vốn tại các đơn vị.

- Cùng cố hoạt động SXKD đối với đơn vị nòng cốt thông qua việc giao nhiệm vụ cho NDDPV của Tổng công ty tại PVC-MS và DOBC triển khai kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở đánh giá thực trạng, phương án tái cơ cấu đã xây dựng nhằm đảm bảo các mục tiêu là đơn vị nòng cốt của PETROCONs. Lộ trình phần đầu giai đoạn 2024-2025 có lợi nhuận dương, giảm một phần lỗ lũy kế, cải thiện năng lực tài chính để tăng cơ hội tiếp thị đấu thầu các công trình mới. Năm 2024, PVC-MS lãi 10,67 tỷ đồng, DOBC lãi 1,22 tỷ đồng.

- Hỗ trợ PVC-Duyên Hải thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên khu đất số 441 đường Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Tp.Hải Phòng theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.Hải Phòng cung cấp hồ sơ, tài liệu theo Quyết định số 2105/QĐ-BCT về việc xác định giá trị doanh nghiệp và phê duyệt quyết toán công tác cổ phần hóa của Tổng công ty PTSC, trong

đó kê khai danh mục các tài sản đã được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Hiện Sở TN&MT để xem xét, thẩm định.

4. Công tác hợp đồng kinh tế, tiếp thị đấu thầu, công tác đầu tư, công tác thoái/thu hồi vốn/quản lý tài sản, các dự án của Công ty mẹ.

➤ *Công tác quản lý, ký kết các dự án/hợp đồng:*

Trong năm 2024, Công ty mẹ PETROCONS thực hiện ký mới 05 hợp đồng với tổng giá trị khoảng 52 tỷ đồng: Mua sắm thiết bị và lắp đặt biển tần điều khiển các quạt khối tổ máy S2 với giá trị 5.6 tỷ đồng; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi – Dự án NMND Quảng Trạch 1 với giá trị 31,795 tỷ đồng; Cải tạo khu nhà vận hành của Dự án NMND Sông Hậu 1 với giá trị 2,695 tỷ đồng; Cải tạo sửa chữa khu rửa thiết bị, bãi xỉ NMND Sông Hậu 1 với giá trị 658 triệu đồng và Cung cấp Bơm cấp 1A cho NMND Cao Ngạn với giá trị 11,33 tỷ đồng.

Tại các đơn vị thành viên trong năm 2024 đã ký được 43 hợp đồng/phụ lục hợp đồng bổ sung nguồn việc bao gồm: PVC-MS ký mới 18 hợp đồng với tổng giá trị 861,4 tỷ đồng (trong đó có 3 dự án lớn là Topside Phú Quốc giá trị 485 tỷ đồng, chế tạo chân đế Lạc Đà Vàng giá trị 143,5 tỷ đồng, dự án P15 giá trị 138 tỷ); DOBC ký mới 15 hợp đồng/ phụ lục hợp đồng với tổng giá trị 80,7 tỷ đồng; PVC-Bình Sơn ký mới 6 hợp đồng với tổng giá trị 27,30 tỷ đồng; PVC-TB ký mới 01 hợp đồng với giá trị 121,73 tỷ đồng; PETROCONS- Đông Đô ký mới 03 hợp đồng với tổng giá trị khoảng 87,3 tỷ đồng.

➤ *Công tác tiếp thị đấu thầu:*

Trong năm 2024, do nhiều Chủ đầu tư khó khăn trong việc thu xếp vốn, vướng mắc về thủ tục hành chính pháp lý đã dừng/giãn tiến độ thực hiện các dự án. Bên cạnh đó năng lực của PETROCONS còn nhiều hạn chế. Do vậy, mặc dù rất tích cực trong công tác tiếp thị đấu thầu trong năm 2024 nhưng kết quả chưa đạt hiệu quả để ra đến thiếu hụt sản lượng- doanh thu so với kế hoạch.

PETROCONS đang tiếp tục phối hợp với các đối tác/ liên danh tham gia dự thầu/ chuẩn bị đấu thầu các gói thầu tại các dự án: Liên danh với Công ty Telico đấu thầu các gói thầu san lấp, xử lý nền tại dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn; Liên danh với CTCP Cơ điện TITAN đấu thầu Gói thầu Mua sắm vật tư thay thế C&I (Hệ thống DCS) cho NMND Sông Hậu 1 (Đã có thư trúng thầu. Hiện Liên danh nhà thầu đang đang thực hiện đàm phán hợp đồng và chuẩn bị nguồn lực để triển khai thi công); Liên danh với Công ty Đức Anh đấu thầu gói thầu Cung cấp bi máy nghiền, tấm lót và các chi tiết bắt xiết thùng nghiền phục vụ sản xuất điện của CTCP Nhiệt điện Phá Lại; Đấu thầu Cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ sửa chữa bình gia nhiệt cao áp số 3 - NMND Duyên Hải 3 mở rộng....

Tiếp tục chuẩn bị hoàn thiện hồ sơ và phương án đấu thầu để sẵn sàng, kịp thời tham dự thầu khi có thông tin chính thức đối với các dự án dự án NMNĐ Long Phú 1, NMNĐ Ô Môn 4, Nhà máy điện rác Nam Định, Cung cấp bơm tuần hoàn nước lò (bao gồm cả động cơ và bơm) - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh,...

Ngoài ra, PETROCONs thường xuyên bám sát, làm việc với các đối tác trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đang chuẩn bị đấu thầu, đồng thời tìm kiếm lựa chọn những đối tác có tiềm năng có thể hợp tác cho các dự án trong tương lai

❖ *Công tác đầu tư:*

- Năm 2024, PETROCONs không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty mẹ PETROCONs có vốn góp tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.326,55 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 735,45 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (07 đơn vị) 206,20 tỷ đồng.

- Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2024 là 1.810,13 tỷ đồng bằng 77,8% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONs. Tổng giá trị trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong năm 2024 là 12,76 tỷ đồng.

- Năm 2024, Công ty mẹ PETROCONs và các Công ty con không thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị.

❖ *Công tác thoái/thu hồi vốn/quản lý tài sản, các dự án của Công ty mẹ:*

- *Công tác chuyển giao dự án Soài Rạp – Tiền Giang:* Ngày 31/7/2024, PETROCONs đã có văn bản số 1167/XLDK-KHĐT&TCC báo cáo Thủ tướng chính phủ/Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái/UBND tỉnh Tiền Giang đề xuất hướng dẫn thanh toán chi phí dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang. Trong đó kiến nghị: (i) Xem xét, hướng dẫn và thanh toán các khoản chi phí đã đầu tư vào dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp cho PVN và PETROCONs; (ii) Trong trường hợp không có phương án thanh toán chi phí đã đầu tư cho PVN/ PETROCONs, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao lại dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang cho PVN/PETROCONs làm chủ đầu tư để các bên tiếp tục đầu tư bằng nguồn lực của mình và tìm kiếm các đối tác có đủ năng lực, kinh nghiệm hợp tác tiếp tục đầu tư hoàn thành dự án nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương và doanh nghiệp. Ngày 07/8/2024, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1974/PC-VPCP gửi Bộ Kế hoạch Đầu tư và UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị giải quyết kiến nghị của PETROCONs theo quy định.

Thực hiện yêu cầu của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang tại văn bản số 2739/STC-TCĐT-DN ngày 13/9/2024 và văn bản số 3043/STC-TCĐTDN của Sở Tài chính ngày 7/10/2024, Tổng công ty đã có văn bản số 1533/XLDK-KHĐT&TCC ngày 16/10/2024 gửi Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang cung cấp toàn bộ hồ sơ chứng từ liên quan đến khoản chi phí đầu tư do PETROCONs thực hiện, về phía Tập đoàn cũng đã cung cấp

hồ sơ đối với khoản chi phí Tập đoàn thực hiện tại dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soái Rạp cho Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19/02/2025, đại diện PETROCONS đã tham dự cuộc họp theo Giấy mời số 725/GM-STNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, theo đó tại cuộc họp, các Sở ban ngành tỉnh Tiền Giang đưa ra ý kiến hoàn trả các khoản chi phí mà PVN đã đầu tư vào dự án. Đối với PETROCONS cũng sẽ nhận lại các khoản chi phí đã đầu tư vào dự án sau khi trừ khoản chi phí phạt chậm thanh toán hợp đồng giữa DOBC và PETROCONS (theo kết luận của Kiểm toán nhà nước) và chi phí khấu hao phần hạ tầng (đường tạm, đường điện tạm, cống chào) từ năm 2014 đến 2018.

Ngày 27/3/2025, UBND tỉnh Tiền Giang đã có văn bản thông báo gửi Tập đoàn và Tổng công ty về giá trị tài sản đã đầu tư trên đất tại Dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soái Rạp, theo đó PETROCONS được hoàn trả 126,434 tỷ đồng. Hiện Tổng công ty đang rà soát, trình HĐQT xem xét, phê duyệt giá trị đầu tư được hoàn trả.

- *Dự án Xưởng cơ khí Miền Trung*: Hiện, PETROCONS đang phối hợp với PVC-MT xúc tiến tìm kiếm các khách hàng phù hợp để hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng Xưởng cơ khí.

- *Khu đất tại Chùa Hà*: Khu đất tại số 01 ngõ 86 phố Chùa Hà, Dịch vọng, Cầu Giấy Hà Nội có thời hạn thuê đất 20 năm kể từ ngày 01/01/1996 đến 01/01/2016, đến nay đã hết thời hạn hợp đồng thuê đất. Tổng công ty đang thực hiện các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất (bao gồm: đo vẽ bản đồ hiện trạng, xin chỉ giới đường đỏ, xin thông tin quy hoạch, rà soát hiện trạng sử dụng đất...).

- *Đối với khu đất 3.400m² tại thị trấn Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc* được Công ty Mai Phương hoàn trả PETROCONS theo Quyết định của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội: Ngày 27/9/2024, PETROCONS đã nhận bàn giao thực địa khu đất dưới sự chứng kiến của các cơ quan chức năng. Ngày 19/11/2024, PETROCONS đã nhận bàn giao Giấy Chứng nhận QSD đất từ TAND Cấp cao tại Hà Nội đối với khu đất tại Tam Đảo. Ngày 05/12/2024, PETROCONS đã làm việc với Văn phòng ĐKKĐ tỉnh Vĩnh Phúc về việc đăng ký biến động sang tên 3.400m² đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 20, tại Thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc cho PETROCONS.

Ngày 25/3/2025, PETROCONS đã có văn bản số 320/XLDK-PC gửi Văn phòng ĐKKĐ tỉnh Vĩnh Phúc, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc và UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc hoàn thiện thủ tục đối với đăng ký biến động sang tên khu đất trên. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc đã có hướng dẫn cụ thể, hiện PETROCONS đang hoàn thiện hồ sơ.

5. Tình hình tài chính của PETROCONS.

Một số chỉ tiêu về bảng cân đối kế toán của Tổng công ty tại ngày 31/12/2024.

TÀI SẢN (tỷ đồng)				NGUỒN VỐN (tỷ đồng)			
Diễn giải	Cuối kỳ	Đầu kỳ	So sánh (%)	Diễn giải	Cuối kỳ	Đầu kỳ	So sánh (%)
A- Tài sản ngắn hạn	3.638,93	3.733,57	97,47%	C- Nợ phải trả	4.040,49	4.155,82	97,23%
I Tiền và các khoản tương đương tiền	354,57	250,48	141,56 %	I. Nợ ngắn hạn	3.874,35	4.032,66	96,07%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	154,24	206,24	74,92%	II. Nợ dài hạn	166,14	123,16	134,90 %
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.632,92	1.179,78	94,95%	D. Vốn chủ sở hữu	311,53	307,40	101,34 %
IV. Hàng tồn kho	1.383,60	1.437,00	96,28%				
V. Tài sản ngắn hạn khác	113,33	120,07	94,38%				
B. Tài sản dài hạn	713,09	729,65	97,73%				
TỔNG CỘNG	4.352,02	4.463,22	97,51%		4.352,02	4.463,22	97,51%

Các chỉ số tài chính tại ngày 31/12/2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	16,39%	16,35%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	83,61%	83,65%
2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	92,84%	93,11%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	7,16%	6,89%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,58	0,57
	Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,94	0,93
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,001	(0,04)%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,01	(0,22)%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,01	(0,53)%

Tỷ số thanh toán nhanh, thanh toán hiện hành cho thấy PETROCONs đang gặp khó khăn về mặt tài chính. Tài sản ngắn hạn không tính đến hàng tồn kho, không đủ thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Hệ số nợ phải trả/ tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2024 là 0.93; điều này cho thấy, PETROCONs đang có những khoản nợ lớn, chiếm phần lớn vốn chủ sở hữu (93%).

Về hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2024 của PETROCONs là 0.58; điều này cho thấy khả năng thanh toán toàn bộ khoản nợ ngắn hạn trong thời gian ngắn hạn của doanh nghiệp là rất khó.

Hai tỷ suất ROA và ROE năm 2024 so với năm 2023 biến động đáng kể. Tỷ suất ROA, ROE năm 2024 không âm do kết quả hoạt động SXKD của PETROCONs trong năm 2024 có lãi.

- Đối với khoản công nợ ủy thác Tập đoàn qua Oceanbank, trong năm 2024, PETROCONs vẫn tiếp tục tìm kiếm giải pháp cũng như đôn đốc các đơn vị thành viên sử dụng các khoản vay ủy thác như: PVNC, Khách sạn Lam Kinh, PVC-SG rà soát các nguồn tiền, tài sản cân đối nguồn vốn để trả nợ vay ủy thác cho Tập đoàn. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có kết quả. Dư nợ gốc ủy thác tại thời điểm 31/12/2024 là 575,6 tỷ đồng trong đó PETROCONs phải thu các đơn vị: 344,6 tỷ đồng (bao gồm: KS Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 128,3 tỷ đồng; PVNC: 16,3 tỷ đồng); khoản PETROCONs sử dụng: 230,99 tỷ đồng. Lãi vay PETROCONs còn phải trả PVN tính đến thời điểm 31/12/2024 là: 172,78 tỷ đồng.

- Trong năm 2024 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng cho khoản bảo lãnh. Hiện nay, PETROCONs vẫn còn có các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn là 155,05 tỷ đồng (PVC-HN: 73,67 tỷ đồng; PVC-ME: 64,27 tỷ đồng; PVC-SG: 17,10 tỷ đồng). Các khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PETROCONs đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả 137,94 tỷ đồng. Các đơn vị được PETROCONs bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức tín dụng đều đang rất khó khăn về tài chính, kết quả kinh doanh thua lỗ, tiềm ẩn rủi ro không trả được nợ vay ngân hàng. Trong các năm qua, PETROCONs đã làm việc với tổ chức tín dụng, yêu cầu NBDPV của PETROCONs tại các đơn vị tìm giải pháp, thu xếp nguồn vốn để trả nợ ngân hàng, tuy nhiên chưa xử lý được các khoản bảo lãnh nêu trên.

- PETROCONs hiện đang đứng tên bảo lãnh thanh toán cho PVC-TB với giá trị 111,8 tỷ đồng để cam kết và bảo đảm đối với các nghĩa vụ thanh toán của PVC-TB với PVEP theo quy định tại hợp đồng chuyển nhượng dự án Đầu tư xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình giữa PVEP và PVC-TB.

- Tổng công nợ phải thu Công ty Mẹ PETROCONs tại 31/12/2024 là 2.534,05 tỷ đồng, lũy kế trích lập dự phòng 878,24 tỷ đồng. Số trích lập dự phòng thời điểm cuối năm 2024 đã giảm 47,64 tỷ so với đầu năm. Trong năm 2024, Tổng công ty đã xử lý

thu hồi đến thời điểm báo cáo được tổng số tiền 5.588 tỷ đồng, cụ thể: TID (0,288 tỷ đồng); PVCN (2,716 tỷ đồng); PVC-ME (0,1 tỷ đồng); PVC-Đồng Đô (0,731 tỷ đồng); Vinaconex 39 (1,753 tỷ đồng). Chi tiết một số khoản công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

- + Phải thu khách hàng: 1.309 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 178,86 tỷ đồng, trong đó công nợ với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 là 876,70 tỷ đồng;
- + Trả trước cho người bán: 558 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 306 tỷ đồng;
- + Phải thu cho vay ngắn hạn: 356 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 269 tỷ đồng trong đó chủ yếu là khoản phải thu các đơn vị về tiền cho vay ủy thác;
- + Phải thu khác: 286 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 124 tỷ đồng.

- Đối với BCTC riêng đã được kiểm toán, sau khi Ban kiểm soát xem xét một số vấn đề cho việc từ chối đưa ra ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC: Tại ngày 31/12/2024, Lỗ lũy kế là 3.765,93 tỷ VND; nợ phải trả ngắn hạn là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 235,42 tỷ VND; các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là 575,67 tỷ VND. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này *(trích dẫn trong mục 1 phần Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến của BC kiểm toán công ty Mẹ)*.

- Đối với BCTC hợp nhất đã được kiểm toán, sau khi Ban kiểm soát xem xét một số vấn đề cho việc từ chối đưa ra ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC: Tại ngày 31/12/2024, Lỗ lũy kế là 3.998,41 tỷ VND; nợ phải trả ngắn hạn là 5.393,51 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 781,85 tỷ VND; các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là 1.209,95 tỷ VND. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này *(trích dẫn trong mục 1 phần Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến của BC kiểm toán Hợp nhất)*.

II. BẢO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CỦA TỪNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.

2.1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên, trong đó:

- + Ông Hứa Xuân Nam – Trưởng Ban Kiểm soát.
- + Ông Nguyễn Ngọc Cương – Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 30/6/2021).
- + Ông Phùng Văn Sỹ - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 30/6/2021).

2.2. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024.

- Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2024 đã được HĐQT thường niên thông qua. Ban Kiểm soát đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty và Nghị quyết HĐQT.

- Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT/TGĐ để nắm bắt tình hình hoạt động SXKD, tình hình đầu tư, thoái vốn và tái cơ cấu; tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT/TGĐ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các Thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cần trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty PETROCONS.

- Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp diễn ra vào ngày 19/03/2024 và ngày 16/09/2024 với nội dung báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trong Quý và triển khai kế hoạch hoạt động Quý tiếp theo. Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên (3/3) tham gia biểu quyết thống nhất thông qua.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại 03 đơn vị: Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy (PVC-MS), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình).

- Đối với các đơn vị thành viên khác, Ban Kiểm soát xem xét các báo cáo hoạt động SXKD và các báo cáo có liên quan của Người đại diện/Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các đơn vị để kịp thời đưa ra các kiến nghị đề xuất đối với HĐQT/TGĐ PETROCONS.

- Ban Kiểm soát đã xem xét, thẩm định BCTC của Công ty mẹ, BCTC hợp nhất của toàn Tổng công ty hàng quý/năm, thẩm định quỹ tiền lương của Công ty mẹ năm 2024.

2.3. Về hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Năm 2024, các Thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, tuân thủ đúng theo các quy định của

Pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty. Kết quả đánh giá hoàn thành chức trách nhiệm vụ năm 2024 cụ thể như sau:

2.3.1. Ông Hứa Xuân Nam -Trưởng Ban: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc:

- Tham gia đầy đủ cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Phụ trách chung toàn bộ các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của PETROCONS, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PETROCONS, có trách nhiệm ký các báo cáo định kỳ, đột xuất, theo yêu cầu gửi ĐHĐCĐ. Cổ đông lớn - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam và các công văn, văn bản gửi HĐQT, Ban TGD PETROCONS, Người đại diện của PETROCONS tại doanh nghiệp khác; Tham gia các cuộc họp của Tổng công ty PETROCONS và các đơn vị thành viên do Tổng công ty tổ chức; Chủ trì trong công tác lập kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông; lập kế hoạch kiểm tra theo định kỳ, đột xuất trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát PETROCONS.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các quy định, quy trình, quy chế của Tổng công ty, giám sát việc sửa đổi phù hợp với quy định của Nhà nước; việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với Người lao động, Người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật; các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động SXKD hàng năm đã được Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam giao/chấp thuận; kiểm tra hoạt động của Ban Kiểm soát các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty; kiểm tra giám sát việc quản lý đầu tư tại các dự án, đầu tư tài chính, thoái vốn, chuyển nhượng vốn tại các dự án, doanh nghiệp; giám sát tình hình thực hiện kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Ban Điều hành Dự án của Tổng công ty; Đầu mối trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động các đơn vị thành viên: Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS); Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC).

2.3.2. Ông Nguyễn Ngọc Cương - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

- Tham gia đầy đủ cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ liên quan đến các công việc, lĩnh vực: lập Báo cáo hoạt động năm, kế hoạch hoạt động hàng năm tiếp theo của Ban Kiểm soát, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty; Dự thảo lịch kiểm tra các đơn vị

và biên bản kiểm tra các đơn vị theo kế hoạch kiểm tra của Ban Kiểm soát; Tham gia các cuộc kiểm tra của Ban Kiểm soát đối với các đơn vị Ban Kiểm soát đến kiểm tra; Có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị mình theo dõi gửi báo cáo theo các văn bản Ban Kiểm soát ban hành tháng, quý, năm và xem xét các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, báo cáo kiểm soát của các Đơn vị thành viên, Ban Kiểm soát các đơn vị thành viên, các Ban Điều hành được phân công theo dõi, tổng hợp số liệu và lập dự thảo báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: kiểm tra giám sát tình hình thực hiện Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2; Kiểm tra giám sát tình hình thu hồi, xử lý công nợ của Công ty mẹ và các Ban Điều hành các Dự án của Tổng công ty; kiểm tra giám sát tình hình quản lý và xử lý tài sản, thiết bị của Tổng Công ty; kiểm tra, xem xét các số liệu báo cáo kế toán của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; xem xét chuẩn bị các nội dung trong báo cáo tài chính kế toán, nội dung cần thẩm định, đề Ban Kiểm soát thực hiện công việc thẩm định báo cáo 6 tháng, báo cáo năm của Tổng công ty; Đầu mối trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động các đơn vị thành viên: Công ty CP Dầu khí Đồng Đô (PETROCONS- Đồng Đô); Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC- Thái Bình).

2.3.3. Ông Phùng Văn Sỹ - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

- Tham gia đầy đủ cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Tham gia các cuộc kiểm tra của cơ quan cấp trên đến Ban Kiểm soát PETROCONS kiểm tra; Có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị mình theo dõi gửi báo cáo theo các văn bản Ban Kiểm soát ban hành, xem xét các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, báo cáo kiểm soát của các đơn vị thành viên, Ban Kiểm soát các đơn vị thành viên, các Ban Điều hành được phân công theo dõi. Soạn thảo nội dung văn bản về các vấn đề liên quan đến phần việc được phân công khi Trưởng Ban Kiểm soát yêu cầu gửi đến các cơ quan, đơn vị, Ban Điều hành liên quan đến nội dung công việc được phân công theo dõi.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp, việc thực hiện ban hành quy chế quản lý tài chính, quy chế nội bộ, kiểm tra giám sát việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ; Kiểm tra, xem xét các số liệu báo cáo kế toán của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; tổng hợp số liệu để dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát theo quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm; Xem xét, chuẩn bị các nội dung trong báo cáo tài chính, nội dung cần thẩm định, làm các thủ tục để Ban Kiểm soát thực hiện công việc thẩm định báo cáo 6 tháng, báo cáo năm của Tổng công ty; kiểm tra giám sát việc quản lý đầu tư tại các dự án, đầu tư tài chính, thoái vốn, chuyển nhượng vốn tại các

dự án, doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát việc trích lập dự phòng, hoàn nhập dự phòng của Công ty mẹ; Đầu mối trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động các đơn vị thành viên: Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC - Bình Sơn); Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC- IC); Công ty CP Phát triển Đô Thị Dầu khí (PVC-Mekong).

III. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.

- Đối với Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là Người đại diện của cổ đông lớn là PVN: thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONS phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và thực tế kết quả SXKD của đơn vị.

- Đối với Thành viên Ban Kiểm soát hưởng thù lao không chuyên trách: đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua và các chi phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền lương/ thù lao năm 2024	Ghi chú
1	Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban	441.418.999	
2	Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên kiêm nhiệm	32.400.000	
3	Phùng Văn Sỹ	Thành viên kiêm nhiệm	32.400.000	
	Tổng cộng		506.218.999	

** Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024 là: 80.523.000 đồng.*

Chi phí hoạt động năm 2024: Các chi phí hành chính và liên quan phục vụ hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện theo các quy định của PETROCONS.

IV. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT.

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp với sự có mặt đầy đủ của các Thành viên Ban Kiểm soát để thống nhất các kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong công tác giám sát, kiểm tra tại cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Ban Kiểm soát có 2 thành viên kiểm soát làm kiêm nhiệm, do vậy các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc trao đổi, đóng góp các ý kiến về công tác hoạt động của Ban Kiểm soát bằng các hình thức gọi điện thoại, gửi email để thảo luận, thống nhất một số nội dung hoạt động của Ban Kiểm soát, các vấn đề phát sinh cũng như trao đổi công tác chuyên môn...

STT	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
1	3/3	- Triển khai kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2024
2	3/3	- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2025.

V. BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY KHÁC DO TỔNG CÔNG TY NẤM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỚI VỐN ĐIỀU LỆ VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH.

- Trong năm 2024, Tổng công ty không có phát sinh giao dịch với Công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó.

- Trong năm 2024, Tổng công ty không có giao dịch với các Công ty mà Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY.

Công tác điều hành SXKD của HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty trong năm 2024 nhìn chung đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật có liên quan.

6.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT/Ban Tổng giám đốc và các cuộc họp giao ban, đột xuất hàng tháng, quý.

Hội đồng quản trị PETROCONS đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024. HĐQT PETROCONS đã ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành; các Ban chức năng tại Công ty mẹ và Người đại diện phần vốn tại các Công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia

Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tiến hành tổ chức SXKD theo hướng phát huy tối đa nguồn lực của PETROCONS đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và đã ban hành một số văn bản, nghị quyết. HĐQT đã thực hiện vai trò chủ đạo, giám sát điều hành của Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành SXKD nhằm tháo gỡ các khó khăn, tồn tại, hạn chế, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, duy trì bộ máy điều hành hoạt động SXKD ổn định, tổ chức họp thường xuyên và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty.

HĐQT đã duy trì hình thức thông qua phiếu lấy ý kiến để ban hành các Nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Điều lệ Tổng công ty. Trong năm 2024, HĐQT họp 07 phiên họp thường kỳ đã lấy đầy đủ phiếu ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 32 Nghị quyết, 26 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PETROCONS. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2024 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 04/BC-XLDK ngày 16/01/2024 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

HĐQT đã thực hiện vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS.

HĐQT thực hiện việc tái cấu trúc, sắp xếp lại hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS.

HĐQT đã thực hiện nghiêm túc báo cáo công tác giám sát gửi đến cổ đông là PVN các báo cáo như báo cáo giám sát tài chính đặc biệt, báo cáo định kỳ kết quả SXKD.

6.2. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty.

Trong bối cảnh đầy khó khăn, thách thức, Ban Tổng giám đốc PETROCONS đã quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc thực hiện đúng vai trò chức trách trong công tác điều hành hoạt động SXKD, tuân thủ đúng, đầy đủ các quy chế, quy định của pháp luật, PVN và Tổng công ty.

Ban Tổng giám đốc đã tăng cường thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, dòng tiền nhằm duy trì hoạt động SXKD; thực hiện các biện pháp củng cố nội lực và tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đầu thầu, tìm kiếm việc làm mới; tích cực triển khai tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn tại các đơn vị cũng như xúc tiến các công tác liên quan đến tái cơ cấu PETROCONS. Và đã đảm bảo việc trả lương cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty và Ban ĐH dự án thuộc Tổng công ty được thực hiện trên nguyên tắc gắn tiền lương với

vị trí công việc được định biên, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty mẹ Tổng công ty, thu nhập ổn định. Tuy nhiên, còn một số đơn vị do không có nguồn công việc đã tồn tại kéo dài nhiều năm, nên còn nợ đọng tiền lương, BHXH.

VII. BÁO CÁO GIÁM SÁT SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGD và các cổ đông dựa trên nguyên tắc trung thực, khách quan, minh bạch vì sự ổn định, phát triển bền vững của Tổng công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã được cung cấp các tài liệu hợp của HĐQT, Ban TGD do HĐQT, Ban TGD chủ trì và tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia góp ý kiến liên quan đến nhận diện và cảnh báo rủi ro trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát được HĐQT và Ban TGD xem xét thực hiện đảm bảo lợi ích của Tổng công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã hợp tác tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ: như việc cung cấp các thông tin tài liệu, cử cán bộ phối hợp với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban TGD Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm. Ban Kiểm soát đã phối hợp với các Ban chức năng của Tổng công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của các đơn vị thành viên và thông báo cáo kết quả cho HĐQT/TGD.

Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát lập báo cáo kiểm tra giám sát quý, năm gửi cho cổ đông lớn là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đồng thời gửi tới HĐQT và Ban TGD PETROCONS.

Hoạt động của Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ, tạo điều kiện của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các đối tượng kiểm soát phù hợp với yêu cầu kiểm soát, giúp kết quả kiểm soát được đưa ra khách quan, phản ánh đúng bản chất hoạt động của Tổng công ty.

Đối với cổ đông khác: Ban Kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo ĐHCĐ, công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành, thông tin báo cáo tới ĐHCĐ một cách trung thực, căn trọng, chính xác. Trong năm 2024, không phát sinh bất cứ yêu cầu nào từ các cổ đông về hoạt động kiểm soát bất thường cũng như về hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Đối với cổ đông lớn nhất là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ hàng quý/năm và báo cáo đột

xuất khi Tập đoàn yêu cầu. Ban Kiểm soát đã gửi đúng theo nội dung và thời hạn quy định.

VIII. CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH BÁO CÁO

8.1. Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.

Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành. Về cơ bản, các báo cáo tài chính của Tổng công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động SXKD. Việc ghi chép, hạch toán, trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

8.2. Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT.

HĐQT đã lập báo cáo hoạt động trong năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 trình ĐHDCĐ thường niên năm 2024. Trong đó, báo cáo đã đánh giá cụ thể các mặt hoạt động của Tổng công ty trong năm 2024 từ công tác thực hiện định hướng chiến lược, tái cơ cấu doanh nghiệp, quản lý chi phí, quản trị doanh nghiệp, công tác đầu tư... HĐQT luôn giám sát, chỉ đạo và định hướng Tổng công ty thực hiện vấn đề quan trọng, cấp thiết có liên quan đến các định hướng về đầu tư, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức và sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ quản lý; sửa đổi, ban hành quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty.

Báo cáo hoạt động của HĐQT về công tác quản lý, điều hành Tổng công ty năm 2024 phù hợp với thực tiễn; quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

8.3. Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Ban Tổng giám đốc. Trong đó Ban Tổng giám đốc đã báo cáo chi tiết về từng hoạt động của hoạt động của Tổng công ty, công tác tái cơ cấu, công tác thi công các công trình/dự án trọng điểm, đặc biệt tình hình hoạt động SXKD tại dự án trọng điểm như Dự án NMNĐ Thái Bình 2... Báo cáo kết quả kinh doanh và công tác quản lý, điều hành năm 2023 của Ban Tổng giám đốc đã phản ánh phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận trong báo cáo được phản ánh và ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

❖ Một số kiến nghị đối với HĐQT/ Ban TGD PETROCONS về công tác Kiểm toán:

+ Về tình hình tài chính của báo cáo Tài chính Riêng năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC ban hành ngày 31/3/2025 đã ghi "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến" nêu ở mục 1,2,3,4,5. Tại mục 1 ghi: Tại ngày 31/12/2024

Lỗ lũy kế của Tổng công ty là 3.765,93 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 3.770,05), nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã 100) là 235,42 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 nợ phải trả ngắn hạn là 4.032,66 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn là 299,09 tỷ VND; các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là 575,67 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 575,67 tỷ VND). Các yếu tố này cùng với nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC cũng đưa ra các ý kiến từ chối về số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I....

+ Về Tài chính của báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC ban hành ngày 31/3/2025 đã ghi “ Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến ” nêu ra 16 mục. Tại mục 1 ghi: Tại ngày 31/12/2024, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 412) của Tổng công ty là 3.998,41 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.393,51 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã 100) là 781,85 tỷ đồng, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là 1.209,95 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 01/01/2024 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ....

+ Ban Kiểm soát Tổng công ty đề nghị HĐQT và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty PETROCONS có các giải pháp để chỉ đạo quyết liệt xử lý các vướng mắc tồn tại đã nêu trong báo cáo Kiểm toán năm 2024 nhằm đảm bảo cho hoạt động ổn định và phát triển của Tổng công ty.

+ Về công tác Kiểm kê Tài sản: Hàng năm Tổng công ty đã thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT/ Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các Phòng, Ban chuyển môn các Ban điều hành dự án thực hiện việc kiểm kê đúng các qui định của Pháp luật theo luật Kế toán; Luật số 88/2015/QH13 Ban hành ngày 20/11/2015 và các nghị định của Chính phủ đã Ban hành.

XI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
I	Nhiệm vụ thường xuyên	
1.	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ đơn vị, Luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ các Chỉ đạo của PVN có liên quan đến hoạt động đơn vị của Người đại diện PVN tại đơn vị;	Thường xuyên
2.	Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư;	Thường xuyên
3.	Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn, của đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.	Thường xuyên
4.	Phối hợp với Người đại diện phần vốn của PVN trong việc quản lý phần vốn của PVN tại đơn vị và phần vốn đơn vị đầu tư vào doanh nghiệp khác;	Thường xuyên
5.	Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan;	Thường xuyên
6.	Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh; Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp theo Quyết định/Chỉ thị/Nghị quyết được phê duyệt;	Thường xuyên
7.	Kiểm nghị Hội đồng quản trị biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của đơn vị;	Thường xuyên
8.	Thực hiện các công việc khác của Người đại diện của PVN làm công tác kiểm soát theo yêu cầu của PVN, của ĐHĐCĐ và các quy định hiện hành; đề xuất ĐHĐCĐ lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;	Thường xuyên
II	Nhiệm vụ định kỳ	
1	Thực hiện/phối hợp với Thành viên BKS lập báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và tổ chức thực hiện.	Quý I

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
2	Thực hiện/phối hợp với Thành viên BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và Tập đoàn DKVN các báo cáo: Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024, thẩm định báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý năm 2024 của Hội đồng quản trị đơn vị.	Quý I
3	Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	Hàng quý
4	Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị khi xét thấy cần thiết.	Khi cần
5	Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.	Hàng quý
6	Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng/cả năm 2025.	Hàng quý
7	Thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Người lao động và Người quản lý đơn vị.	Quý II/2025
8	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, chức năng có thẩm quyền tại đơn vị.	Hàng quý
9	Lập báo cáo giám sát hàng quý theo Quy định của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam và các báo cáo khác theo yêu cầu.	Hàng quý/theo yêu cầu
10	Lập Kế hoạch hoạt động năm 2026 trình HĐQT PVN thông qua	Trước 15 Tháng 11 hàng năm
11	Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị	31/12/2025
III	Công tác kiểm tra/giám sát chuyên đề, Dự án, Công ty con, Công ty liên kết (*).	
1	Công ty con	
1.1	Công ty CP Xây dựng Dân Dụng và Công nghiệp Dầu khí (PVC-IC)	Quý III
1.2	Công ty CP Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	Quý III
1.3	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Đông Đô (PETROCONs-Đông Đô)	Quý III

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
2	Công ty liên kết	
2.1	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Quý IV
2.2	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)	Quý IV

Trên đây là tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát PETROCONs trong năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025. Ban Kiểm soát PETROCONs kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xem xét/thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PETROCONs;
- Ban TGD PETROCONs;
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Hứa Xuân Nam

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Tổng công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS);

Thực hiện theo Nghị quyết số 70/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD ngày 23/05/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về việc thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2024. Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC bao gồm:

1- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2024.
- Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024.

2- Phương án phân phối lợi nhuận Công ty Mẹ:

Đơn vị: Đồng

Lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12/2024	Trích các quỹ trong năm			Cổ tức năm 2024		Ghi chú
	Quỹ ĐTPT	Quỹ KTPL	Quỹ khác	Bảng cổ phiếu	Bảng tiền	
(3.765.932.031.020)	0	0	0	0	0	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên; *new*
- Lưu VT, BKS, HDQT, TCKT-KT.

(Đính kèm BCTC Công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán năm 2024 của PETROCONS)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Nguyễn Quang Huy
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP DẦU KHÍ
VIỆT NAM
Nguyễn Quang Huy

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS);

Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025, soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 của PETROCONS và ưu tiên đơn vị có kinh nghiệm, thực hiện kiểm toán tại đa số các đơn vị thành viên của Tổng công ty để thuận lợi trong công tác kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty. Trong trường hợp không ký kết được hợp đồng kiểm toán với một trong ba Công ty nêu trên thì kính trình Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán theo đúng quy định, đảm bảo tuân thủ thời hạn công bố thông tin của Công ty niêm yết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PETROCONS;
- Lưu VT, BKS, TCKT-KT.



Hứa Xuân Nam

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
Tổng công ty Công phân Xây lập Dầu khí Việt Nam

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công phân Xây lập Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS);

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 số 70/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 23/5/2024;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và phương án tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 của Tổng công ty như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát năm 2024:

Tiền lương/Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2024 thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 70/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 23/5/2024, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Tiền lương/thù lao năm 2024		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Hội đồng quản trị	2.496.600.000	2.178.200.018	87%
2	Ban Kiểm soát	593.450.000	501.819.999	85%
	Tổng cộng	3.090.050.000	2.680.020.817	87%

2. Phương án tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2025:

- Tiền lương và thù lao của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát chuyên trách: Thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONS phù hợp với quy định và thực tế kết quả SXKD của PETROCONS.
- Tiền lương, thù lao của thành viên độc lập HĐQT: i) Trường hợp thành viên làm việc thường xuyên theo chế độ làm việc tại Cơ quan Tổng công ty được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với thành viên HĐQT chuyên trách; ii) Trường hợp thành viên làm việc không thường xuyên tại Cơ quan Tổng công ty (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao bằng 70% mức lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.
- Thù lao kiêm nhiệm của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách: không vượt quá mức 5.000.000 đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, TCHC.

Handwritten signature

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Handwritten signature
Nghiêm Quang Huy

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PetroCons);

Căn cứ Văn bản số 3477/CNNL-QTNNL ngày 29/4/2025 của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc Công tác nhân sự tại PetroCons;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam của ông Phùng Văn Sỹ ngày 09/5/2025;

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đối với ông Phùng Văn Sỹ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xem xét, thông qua.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT, TCHC.

mau *Nhà*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Huy

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Tổng công ty Công phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhiệm kỳ 2025-2030**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Tổng công ty Công phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS);

Căn cứ Văn bản đề cử/ứng cử ứng viên bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Công phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam của các cổ đông/nhóm cổ đông và Báo cáo ứng cử, đề cử của Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Hiện nay, nhiệm kỳ 2020-2025 của 02 Thành viên Hội đồng quản trị, gồm: 01 Thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, 01 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị và 01 Thành viên Ban kiểm soát giữ chức Trưởng Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ. Đồng thời 01 Thành viên Ban kiểm soát có Đơn xin từ nhiệm. Để kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định, Hội đồng quản trị Tổng công ty Công phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, bầu nhân sự Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2025-2030, cụ thể:

1. Thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên HĐQT : 02 thành viên, trong đó:
 - + 01 Thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - + 01 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- Nhiệm kỳ : 5 năm (2025-2030)

2. Thành viên Ban Kiểm soát:

- Số lượng thành viên BKS : 02 thành viên, trong đó:

- + 01 Thành viên giữ chức Trưởng Ban.
- + 01 Thành viên BKS
- Nhiệm kỳ : 5 năm (2025-2030)

(Danh sách các ứng viên bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được báo cáo trực tiếp tại Đại hội).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, TCHC.

nguồn



Nghiêm Quang Huy

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2025

QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025-2030
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 115 hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo nội dung dưới đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam “VSDC” chốt ngày 28/4/2025).

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (HDQT)/Ban Kiểm soát (BKS)

2.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HDQT

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

- c) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác;
- d) Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập HĐQT

Ngoài đáp ứng các quy định tại Khoản 2.1 nêu trên, thành viên độc lập HĐQT còn phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, Công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, Công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

2.3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
- e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

- g) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty;
- h) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 3. Đề cử ứng cử viên HĐQT/BKS và số thành viên được bầu

3.1. Đề cử ứng cử viên HĐQT/BKS

- a) Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 28/4/2025) có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
- b) Số lượng được đề cử ứng viên vào HĐQT/BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Cụ thể:

- Đề cử ứng cử viên HĐQT

- ✓ Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử 03 (ba) thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử 04 (bốn) thành viên, từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên;
- ✓ Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

- Đề cử ứng cử viên BKS

- ✓ Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 50% trở lên được đề cử 03 thành viên;
- ✓ Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ

về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3.2. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử vào HĐQT/BKS

- a) Đơn/Phiếu ứng cử hoặc đề cử thành viên HĐQT/BKS (Theo mẫu);
- b) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (Theo mẫu);
- c) Bản sao hợp lệ CCCD/Hộ chiếu;
- d) Bản sao hợp lệ các văn bằng chứng nhận trình độ văn hóa, chuyên môn;
- e) Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng viên được nhóm ủy quyền đề cử);
- f) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thực hiện đề cử/ứng cử theo quy định.

❖ **Lưu ý:** Người được đề cử, ứng cử vào HĐQT/BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác trung thực của nội dung hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

3.3. Số lượng thành viên HĐQT/BKS được bầu

- a) Số lượng thành viên HĐQT được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 là hai (02) thành viên, trong đó có một (01) thành viên độc lập HĐQT.
- b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 là một (02) thành viên.
- c) Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT, BKS là: 05 năm (2025-2030).

Điều 4. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

4.1. Danh sách ứng cử viên HĐQT/BKS

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

4.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- a) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông được phát đồng thời:
 - Một (01) phiếu bầu thành viên HĐQT (màu xanh) (bao gồm nội dung bầu thành viên HĐQT và thành viên HĐQT độc lập) theo mã số tham dự tương ứng với số cổ phần sở hữu và được ủy quyền;
 - Một (01) phiếu bầu thành viên BKS (màu hồng) theo mã số tham dự tương ứng với số cổ phần sở hữu và được ủy quyền;
- b) Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số phiếu biểu quyết theo mã số tham dự;
- c) Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

- d) Cổ đông phải tự mình ghi số phiếu biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

4.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- a) Phiếu không theo mẫu quy định của Tổng công ty, không có dấu của Tổng công ty;
- b) Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- c) Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông/đại diện cổ đông vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông;
- d) Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

Điều 5. Phương thức bầu cử

- a) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT/BKS thực hiện trực tiếp bằng bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.
- b) Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

Điều 6. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

6.1. Ban kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:
- Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;
 - Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội;
 - Thực hiện thủ tục kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội;
 - Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.
- c) Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT/BKS;

6.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- c) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- d) Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT/BKS

- Thành viên HĐQT/BKS trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng cần bầu.
- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT/BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 8. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- a) Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT/BKS;
- b) Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 09 điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, PC.

nguo

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

[Signature]
Nghiêm Quang Huy

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(đã được kiểm toán)

M.S.D.M.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 47
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 47

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Phan Tử Giang	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 30 tháng 05 năm 2024)

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 31/12/2024, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.765,93 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 3.770,05 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 235,42 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 nợ phải trả ngắn hạn là 4.032,66 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 299,09 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là 575,67 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 575,67 tỷ VND). Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.
2. Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
3. Tại ngày 31/12/2024, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 14) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án

Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1; và (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

4. Tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2024 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,72 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là khoảng 5,72 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng lần lượt là 932,58 tỷ VND và 858,76 tỷ VND, các khoản đầu tư này được trích lập dự phòng giảm giá dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập hoặc số liệu Báo cáo tài chính gộp nhất mà Tổng Công ty thu thập được (Thuyết minh số 4). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31/12/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến


Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC


Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025


Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.638.934.763.990	3.733.573.097.802
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	354.571.200.087	250.481.504.058
111	1. Tiền		198.571.200.087	210.481.504.058
112	2. Các khoản tương đương tiền		156.000.000.000	40.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	154.509.326.478	206.237.960.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.600.000.000	14.600.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		153.794.326.478	205.522.960.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.632.922.337.631	1.719.777.240.475
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.309.321.214.277	1.439.645.450.279
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	558.689.562.551	576.070.790.736
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	355.676.953.493
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	286.750.465.332	273.544.789.764
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(878.240.846.048)	(925.885.731.823)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		724.988.026	724.988.026
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.383.604.585.419	1.437.002.007.370
141	1. Hàng tồn kho		1.395.015.419.627	1.452.198.633.493
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.410.834.208)	(15.196.626.123)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		113.327.314.375	120.074.385.899
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	217.796.265	187.369.949
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		91.752.277.880	98.532.775.720
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	21.357.240.230	21.354.240.230

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		713.088.707.024	729.650.313.157
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.893.210.988	22.893.210.988
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	22.893.210.988	22.893.210.988
220	II. Tài sản cố định		10.497.124.460	12.227.372.972
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	10.152.124.454	11.782.372.970
222	- Nguyên giá		50.296.874.592	76.547.420.220
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.144.750.138)	(64.765.047.250)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	345.000.006	445.000.002
228	- Nguyên giá		5.505.180.340	5.505.180.340
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.160.180.334)	(5.060.180.338)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	14	158.163.600.046	158.163.600.046
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		24.471.433.315	24.471.433.315
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		133.692.166.731	133.692.166.731
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	515.712.188.687	528.475.777.109
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.384.909.968.398	1.384.909.968.398
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		735.449.467.055	735.449.467.055
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		191.595.000.000	191.595.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.796.242.246.766)	(1.783.478.658.344)
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.822.582.843	7.890.352.042
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	5.822.582.843	7.890.352.042
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.352.023.471.014	4.463.223.410.959

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.040.498.219.300	4.155.819.050.405
310	I. Nợ ngắn hạn		3.874.354.502.480	4.032.660.730.737
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.584.563.934.007	2.679.520.818.552
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	178.580.304.121	168.355.667.015
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.441.499.047	3.047.920.226
314	4. Phải trả người lao động		15.062.073.834	16.533.484.203
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	94.861.379.122	118.341.799.657
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.447.841.545	1.511.477.908
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	419.672.124.755	409.694.709.563
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	585.006.557.122	642.936.064.686
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
330	II. Nợ dài hạn		166.143.716.820	123.158.319.668
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	115.497.608.588	71.064.369.884
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	50.632.252.045	52.080.093.597
337	3. Phải trả dài hạn khác	20	13.856.187	13.856.187
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		311.525.251.714	307.404.360.554
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	311.525.251.714	307.404.360.554
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(29.710.000)	(29.710.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		76.986.992.734	76.986.992.734
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		500.000.000	500.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.765.932.031.020)	(3.770.052.922.180)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.770.052.922.180)	(3.607.400.160.442)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		4.120.891.160	(162.652.761.738)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.352.023.471.014	4.463.223.410.959

Vũ Thị Châm
Người lập biểu


Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	530.359.037.999	731.970.173.839
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		530.359.037.999	731.970.173.839
11	3. Giá vốn hàng bán	25	541.859.855.843	700.964.919.513
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(11.500.817.844)	31.005.254.326
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	26	37.971.144.758	31.977.257.307
22	6. Chi phí tài chính	27	57.178.961.923	172.826.932.385
23	Tròng đó: Chi phí lãi vay		8.446.758.758	12.021.998.667
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	5.153.920.247	50.518.423.765
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(35.862.555.256)	(160.362.844.517)
31	9. Thu nhập khác	29	40.714.076.908	1.789.186.097
32	10. Chi phí khác	30	730.630.492	4.079.103.318
40	11. Lợi nhuận khác		39.983.446.416	(2.289.917.221)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.120.891.160	(162.652.761.738)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>4.120.891.160</u>	<u>(162.652.761.738)</u>


Vũ Thị Châm
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng




Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.120.891.160	(162.652.761.738)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.093.546.962	1.476.915.596
03	- Các khoản dự phòng		(38.667.089.268)	123.969.019.449
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.275.931.351)	(740.448.665)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.233.574.666)	(14.159.924.965)
06	- Chi phí lãi vay		8.446.758.758	12.021.998.667
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(38.515.398.405)	(40.085.201.656)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		142.798.544.116	181.545.861.058
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		57.183.213.866	(162.686.354.935)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(61.682.700.381)	(106.342.269.013)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.037.342.883	1.911.348.429
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.130.381.918)	(7.690.312.074)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.215.000.000	4.270.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.240.000.000)	(4.068.336.810)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		97.665.620.161	(133.145.265.001)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	(538.990.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.523.171.380	64.545.449
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(148.000.000.000)	(282.960.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		200.000.000.000	600.623.176
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.554.480.701	15.633.127.799
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		60.077.652.081	15.476.346.424
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		56.675.477.205	127.280.500.855
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(114.604.984.769)	(173.977.308.616)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(57.929.507.564)	(46.696.807.761)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		99.813.764.678	(164.365.726.338)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		250.481.504.058	415.096.736.295
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.275.931.351	(249.505.899)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	354.571.200.087	250.481.504.058


Vũ Thị Châm
Người lập biểu


Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: 4.000.000.000.000 VND

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 154 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 161 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ gộp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Tuy nhiên sản lượng nghiệm thu không còn nhiều do công trình đã đi vào giai đoạn cuối dẫn tới các chỉ tiêu doanh thu, giá vốn giảm mạnh so với năm trước. Đồng thời, chi phí tài chính giảm mạnh chủ yếu do kết quả kinh doanh của các công ty con, liên kết không biến động mạnh như năm trước. Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm mạnh do Tổng Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi tồn đọng từ việc đánh giá lại khả năng thu hồi của các khoản công nợ. Đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động mạnh của các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh.

Áp dụng giả định về Hoạt động liên tục:

Tại ngày 31/12/2024, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.765,93 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 3.770,05 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 235,42 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 nợ phải trả ngắn hạn là 4.032,66 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 299,09 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là 575,67 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 575,67 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Thái Bình	Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch	Hà Tĩnh	Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng - Quảng Trạch
Ban điều hành các dự án PVC phía Nam	Tp Hồ Chí Minh	Quản lý dự án
Ban điều hành các dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester	Hải Phòng	Quản lý dự án
Ban điều hành các dự án Nhà máy Etanol Phú Thọ	Phú Thọ	Quản lý dự án
Chi nhánh phía Bắc	Hà Nội	Xây lắp

Thông tin về các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

Khả năng so sánh của thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các thông tin trên báo cáo tài chính riêng đã được Tổng Công ty trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các năm tài chính.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tổng Công ty và các Công ty con.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Mức phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính riêng/báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí tiền thuê văn phòng trả trước được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê trong hợp đồng.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

2.20 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty do Tổng Công ty công bố đồng thời báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.25 Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	409.150.412	1.118.593.740
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	198.162.049.675	209.362.910.318
Các khoản tương đương tiền (i)	156.000.000.000	40.000.000.000
	354.571.200.087	250.481.504.058

(i) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 156.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất từ 1,6% - 2,2%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	153.794.326.478	-	205.522.960.000	-
	153.794.326.478	-	205.522.960.000	-

(i) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 153.794.326.478 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất từ 2,9% đến 4,2%/năm đang được cầm cố cho các khoản vay tại Ngân hàng này (Xem thuyết minh 21).

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu				
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2024			01/01/2024		
		Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con		1.384.909.968.398	(943.012.125.600)		1.384.909.968.398	(921.065.505.382)	
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình		325.000.000.000	(260.599.596.984)	72,22%	325.000.000.000	(233.435.186.854)	72,22%
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PXS	286.227.385.833	(221.707.934.573)	50,97%	286.227.385.833	(225.773.665.949)	50,97%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn		170.000.000.000	(32.542.332.346)	52,56%	170.000.000.000	(32.751.904.599)	52,56%
- Công ty CP Dầu khí Đồng Đô	PFL	195.150.582.565	(117.668.521.014)	34,87%	195.150.582.565	(117.799.821.111)	34,87%
- Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	PXC	153.532.000.000	(153.532.000.000)	53,44%	153.532.000.000	(153.532.000.000)	53,44%
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	PXI	153.000.000.000	(83.402.972.479)	51,00%	153.000.000.000	(83.591.547.262)	51,00%
- Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PXT	102.000.000.000	(73.558.768.204)	51,00%	102.000.000.000	(74.181.379.607)	51,00%
Đầu tư vào Công ty liên kết		735.449.467.055	(703.240.937.545)		735.449.467.055	(702.336.100.042)	
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	83.271.467.055	(83.271.467.055)	24,72%	83.271.467.055	(83.271.467.055)	24,72%
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		58.050.000.000	(26.632.401.788)	42,46%	58.050.000.000	(26.636.395.483)	42,46%
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	75.600.000.000	(75.600.000.000)	36,00%	75.600.000.000	(75.600.000.000)	36,00%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	72.400.000.000	(72.400.000.000)	48,27%	72.400.000.000	(72.400.000.000)	48,27%
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	PVA	54.395.000.000	(54.395.000.000)	22,64%	54.395.000.000	(54.395.000.000)	22,64%
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)		57.000.000.000	(57.000.000.000)	43,16%	57.000.000.000	(57.000.000.000)	43,16%
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (i)		200.000.000.000	(200.000.000.000)	40,00%	200.000.000.000	(200.000.000.000)	40,00%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (i)		107.500.000.000	(107.500.000.000)	35,83%	107.500.000.000	(107.500.000.000)	35,83%
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí (i)	PID	19.993.000.000	(19.993.000.000)	49,98%	19.993.000.000	(19.993.000.000)	49,98%
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC (i)		3.740.000.000	(3.740.000.000)	44,00%	3.740.000.000	(3.740.000.000)	44,00%
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)		3.500.000.000	(2.709.068.702)	35,05%	3.500.000.000	(1.800.237.504)	35,05%
Các khoản đầu tư khác		191.595.000.000	(149.989.183.621)		191.595.000.000	(160.077.052.920)	
- Công ty CP Xi măng Hạ Long		147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%	147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (i)		23.500.000.000	(1.200.936.821)	15,67% (*)	23.500.000.000	(11.288.806.120)	15,67% (*)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (i)		12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%	12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (i)		3.000.000.000	-	3,99%	3.000.000.000	-	3,99%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (i)		2.795.000.000	-	5,00%	2.795.000.000	-	5,00%
- Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (i)		2.500.000.000	-	10,00%	2.500.000.000	-	10,00%
		2.311.954.435.453	(1.796.242.246.766)		2.311.954.435.453	(1.783.478.658.344)	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con:

Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí với giá trị là 153,5 tỷ VND căn cứ vào Báo cáo tài chính quý II năm 2024 tự lập của công ty này.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác:

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư tài chính trên dựa theo các căn cứ sau:

Đơn vị	Căn cứ trích lập dự phòng	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Khoản đầu tư đã thu thập được Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán		148.000.000.000	(148.000.000.000)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	BCTC năm 2024 đã kiểm toán	75.600.000.000	(75.600.000.000)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	BCTC năm 2024 đã kiểm toán	72.400.000.000	(72.400.000.000)
Các khoản đầu tư chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán		779.044.467.055	(705.230.121.166)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	BCTC tại ngày 31/12/2021 đã kiểm toán	83.271.467.055	(83.271.467.055)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	BCTC tại ngày 31/12/2023 đã kiểm toán	58.050.000.000	(26.632.401.788)
- Công ty CP Xi măng Hạ Long	BCTC tại ngày 31/12/2023 đã kiểm toán	147.300.000.000	(147.300.000.000)
- Các đơn vị còn lại (i)	BCTC gần nhất thu thập được (i)	490.423.000.000	(448.026.252.323)

(i) Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của các công ty này.

(*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:

- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và
- Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc ("lô đất tại Tam Đảo"), sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương") mà hiện nay cũng đang là chủ thể đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất nêu trên.

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;
- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSDS bản án nêu trên.

Ngày 25/09/2024, Công ty đã nhận bàn giao Quyền sử dụng 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này Tổng Công ty đang làm các thủ tục để sang tên lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty và Tổng Công ty đang làm việc với PVC Kinh Bắc để xác định lại tỷ lệ góp vốn. Với các sự kiện phát sinh trong năm 2024 nêu trên, Tổng Công ty đánh giá

rằng khoản tiền 21 tỷ VND góp vốn vào Kinh Bắc không còn dấu hiệu tổn thất nên thực hiện hoàn nhập lại toàn bộ dự phòng đối với số vốn góp này.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	46,51%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đông Đô (ii)	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00%	51,00%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00%	51,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

- (ii) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Hà Nội	40,00%	40,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	35,83%	35,83%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72%	24,72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hải Phòng	42,46%	42,46%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	36,00%	36,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Đà Nẵng	48,27%	48,27%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	35,01%	43,16%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	22,64%	22,64%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	49,98%	49,98%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	44,00%	44,00%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (iii)	Hà Nội	97,22%	35,05%	Truyền thông và thương mại

(iii) Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro - link) tại ngày 31/12/2024 là 97,22% tuy nhiên tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 35%, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định và trình bày khoản đầu tư vào Petro - link là đầu tư vào công ty liên kết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm xi măng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	15,67%	15,67%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Bình	3,99%	3,99%	Xây dựng dân dụng, đầu tư, kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng...
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Nam Định	5,00%	5,00%	Tư vấn thi công xây dựng
Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Tư vấn thi công xây dựng

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	876.699.599.102	-	1.050.512.879.774	-
Viện Dầu khí Việt Nam	36.963.772.960	(747.531.048)	42.686.383.664	(747.531.048)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.469.710.445	(91.469.710.445)	91.469.710.445	(91.451.422.013)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	41.635.737.524	(23.330.868.807)	41.635.737.524	(14.648.480.719)
Phải thu khách hàng khác	262.552.394.246	(63.315.711.317)	213.340.738.872	(91.055.637.019)
	1.309.321.214.277	(178.863.821.617)	1.439.645.450.279	(197.903.070.799)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	113.386.879.741	(17.856.157.637)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Các đối tượng	336.437.764.034	(179.410.144.085)	353.818.992.219	(202.542.234.602)
	558.689.562.551	(306.131.220.498)	576.070.790.736	(329.263.311.015)

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ii)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (ii)	16.321.991.226	(5.461.481.782)	-	-	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	355.676.953.493	(269.172.594.052)	-	-	355.676.953.493	(269.172.594.052)

(i) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

(ii) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần;

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

8 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	2.752.845.587	-	500.109.589	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	8.844.483.067	(8.844.483.067)	9.575.961.408	(9.575.961.408)
Phải thu về tạm ứng	9.318.700.625	(980.806.391)	9.116.121.205	(980.806.391)
Ký cược, ký quỹ	409.275.926	-	409.275.926	-
Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
(i)				
Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	109.513.848.523	(27.733.568.215)	103.642.031.545	(27.733.568.215)
Phí trọng tài quốc tế chưa có phán quyết	4.889.875.320	-	-	-
(ii)				
Các khoản khác	108.251.121.459	(44.185.503.233)	107.530.975.266	(48.927.570.968)
	286.750.465.332	(124.073.209.881)	273.544.789.764	(129.546.755.957)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	22.893.210.988	-	22.893.210.988	-
	22.893.210.988	-	22.893.210.988	-

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 33).

(ii) Khoản phí trọng tài này được nộp tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) nhằm phục vụ cho việc đệ trình Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd, liên quan đến vụ tranh chấp trọng tài số 05/24 VIAC giữa Tổng Công ty và Công ty DL E&C Co., Ltd (xem thuyết minh số 15). Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã gửi Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd tới VIAC và nộp khoản phí trọng tài theo thông báo của VIAC, yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với những vi phạm của Công ty DL E&C Co., Ltd trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS. Khoản phí trọng tài này sẽ được Hội đồng trọng tài phân bổ khi lập Phán quyết trọng tài.

1601 * H H

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng	213.958.742.267	35.094.920.650	206.356.535.656	8.453.464.857
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.469.710.445	-	91.469.710.445	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.091.722.361	23.091.722.361	23.091.722.361	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	25.401.643.107	2.070.774.300	17.181.317.789	2.532.837.070
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	19.243.197.464	-	19.243.197.464	-
Công ty CP Vinaconex 39	-	-	330.521.000	-
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	572.219.050	-	572.219.050	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	97.326.195	-	97.326.195	-
Các đối tượng khác	36.082.923.645	9.932.423.989	36.370.521.352	5.920.627.787
b) Trả trước cho người bán	340.933.569.626	34.802.349.128	342.356.795.831	13.093.484.816
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	24.570.776.980	6.714.619.343	24.570.776.980	6.714.619.343
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	-	108.864.918.776	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	-	11.263.563.283	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	47.905.728.732	21.708.864.306	47.905.728.732	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	26.744.518.395	-	26.744.518.395	-
Công ty CP Vinaconex 39	34.069.058.988	1.057.959.818	35.492.285.199	1.057.959.818
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	29.923.230.049	100.965.000	29.923.230.049	100.965.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Các đối tượng khác	31.415.100.604	5.219.940.661	31.415.100.598	5.219.940.655

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
c) Phải thu về cho vay	355.676.953.493	86.504.359.441	355.676.953.493	86.504.359.441
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	75.643.849.997	200.000.000.000	75.643.849.997
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	128.357.292.532	-	128.357.292.532	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	16.321.991.226	10.860.509.444	16.321.991.226	10.860.509.444
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	-	10.997.669.735	-
d) Phải thu khác ngắn hạn	130.288.547.589	6.215.337.708	131.007.380.856	1.460.624.899
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	6.138.310.290	-	6.138.310.290	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	-	28.795.218.993	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	163.889.314	-	163.889.314	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.125.138.911	-	8.125.138.911	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735	-
Công ty CP Vinaconex 39	103.192.384	-	103.192.384	-
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5.575.990.000	-	5.575.990.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	7.170.266.109	-	7.170.266.109	-
Các đối tượng khác	27.145.624.878	1.473.269.973	27.864.458.145	1.460.624.899
	<u>1.040.857.812.975</u>	<u>162.616.966.927</u>	<u>1.035.397.665.836</u>	<u>109.511.934.013</u>

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.825.344.133	-	1.825.344.133	-
Công cụ, dụng cụ	431.700.000	-	431.700.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.379.564.112.312	-	1.426.114.048.541	-
Hàng hoá	13.194.263.182	(11.410.834.208)	23.827.540.819	(15.196.626.123)
	1.395.015.419.627	(11.410.834.208)	1.452.198.633.493	(15.196.626.123)

Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	1.110.252.563.799	1.158.830.163.123
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (i)	245.057.868.468	245.057.868.468
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (ii)	12.889.703.081	12.883.135.080
Các công trình khác	11.363.976.964	9.342.881.870
	1.379.564.112.312	1.426.114.048.541

(i) Các công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 34 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(ii) Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1

- Địa điểm xây dựng: Ấp. Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang;
- Chủ đầu tư: Chủ đầu tư là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký kết hợp đồng 2348/HĐ-DKVN ngày 10/04/2015 EPC với Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành viên;
- Tổng Công ty là nhà thầu phụ cho Tổng thầu theo Hợp đồng số C15/SH1-LLM-PVC gói thầu thi công các hạng mục xây dựng;
- Tổng giá trị hợp đồng: 2.555.445.781.034 VND (sau thuế);
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Thời gian bắt đầu năm 2016, thời gian kết thúc dự kiến 2018;
- Đến nay dự án đã hoàn thành và đang chờ quyết toán.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	217.796.265	187.369.949
	217.796.265	187.369.949
b) Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng (i)	5.472.381.608	6.777.404.290
Chi phí trả trước dài hạn khác	350.201.235	1.112.947.752
	5.822.582.843	7.890.352.042

(i) Chi phí trả trước về tiền thuê văn phòng chờ phân bổ theo các Hợp đồng thuê văn phòng toà nhà San Nam số 001/2009/SN-PVC ngày 08/01/2009 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH San Nam.

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	18.569.727.102	20.095.886.856	27.571.384.270	10.310.421.992	76.547.420.220
- Thanh lý, nhượng bán	(1.736.726.095)	(15.551.431.819)	(8.962.387.714)	-	(26.250.545.628)
Số dư cuối năm	16.833.001.007	4.544.455.037	18.608.996.556	10.310.421.992	50.296.874.592
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.751.841.343	19.299.133.723	27.571.384.270	10.142.687.914	64.765.047.250
- Khấu hao trong năm	738.220.898	160.051.583	-	95.274.485	993.546.966
- Thanh lý, nhượng bán	(1.736.726.095)	(14.914.730.269)	(8.962.387.714)	-	(25.613.844.078)
Số dư cuối năm	6.753.336.146	4.544.455.037	18.608.996.556	10.237.962.399	40.144.750.138
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	10.817.885.759	796.753.133	-	167.734.078	11.782.372.970
Tại ngày cuối năm	10.079.664.861	-	-	72.459.593	10.152.124.454

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 36.365.997.840 VND (tại ngày 01/01/2024 là 58.714.858.636 VND)

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	5.505.180.340	5.505.180.340
Số dư cuối năm	5.505.180.340	5.505.180.340
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	5.060.180.338	5.060.180.338
- Khấu hao trong năm	99.999.996	99.999.996
Số dư cuối năm	5.160.180.334	5.160.180.334
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	445.000.002	445.000.002
Tại ngày cuối năm	345.000.006	345.000.006

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 5.005.180.340 VND (tại ngày 01/01/2024 là 5.005.180.340 VND).

14 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án Nhà máy Xơ sợi	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
Các công trình khác	7.329.825.521	1.618.216.162	7.329.825.521	1.618.216.162
	71.051.054.915	24.471.433.315	71.051.054.915	24.471.433.315

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)	127.973.080.823	127.973.080.823
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)	1.835.100.923	1.835.100.923
	133.692.166.731	133.692.166.731

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng Công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND Tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

(iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim (i)	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.021.927.357.960	1.021.927.357.960
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	206.781.647.084	206.781.647.084	290.662.562.403	290.662.562.403
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	177.207.065.265	177.207.065.265	177.207.065.265	177.207.065.265
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	70.514.325.748	70.514.325.748	73.096.041.436	73.096.041.436
Tập đoàn Sojitz	111.744.046.642	111.744.046.642	139.552.763.255	139.552.763.255
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	166.965.691.507	166.965.691.507	138.384.094.434	138.384.094.434
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	57.624.311.377	57.624.311.377	57.924.311.377	57.924.311.377
Các đối tượng khác	749.307.204.080	749.307.204.080	780.766.622.422	780.766.622.422
	<u>2.584.563.934.007</u>	<u>2.584.563.934.007</u>	<u>2.679.520.818.552</u>	<u>2.679.520.818.552</u>

- (i) Ngày 25/01/2024, Công ty DL E&C Co., Ltd đã gửi Đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Việt Nam (VIAC), bắt đầu vụ tranh chấp liên quan đến Hợp đồng EPS số 30/HDKT/2012/PVC-SDC ngày 22/05/2012 giữa Tổng Công ty (nhà thầu chính) và Công ty DL E&C Co., Ltd (nhà thầu phụ).

Các nội dung mà nhà thầu phụ yêu cầu Hội đồng trọng tài xem xét và quyết định như sau: điều kiện cấp Operational Acceptance (chứng chỉ hoàn thành) cho các công việc theo hợp đồng được nhà thầu phụ thực hiện đã thỏa mãn; thời hạn bảo hành đối với các thiết bị và dịch vụ do nhà thầu phụ cung cấp đã kết thúc; Tổng Công ty thanh toán giá trị khoản công nợ quá hạn với tổng số tiền là 7,67 triệu USD và 287,3 triệu VND; thanh toán giá trị tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện Hợp đồng EPS là 13,4 triệu USD và 532,9 triệu VND; hoàn trả chi phí giữ lại cho nghĩa vụ bảo hành là 20,05 triệu USD và 799,3 triệu VND; chi phí do kéo dài thời gian thực hiện dự án là 11,85 triệu USD; khiếu nại liên quan khác là 6,23 triệu USD; ước tính khoản phạt chậm thanh toán là 17,81 triệu USD.

Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã nộp Bản tự bảo vệ đối với Đơn khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd cho VIAC với các nội dung chính như sau: Tổng Công ty không thừa nhận tư cách khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd, phản đối thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài và bác bỏ toàn bộ các khiếu nại nêu trên của Công ty DL E&C Co., Ltd.

Cùng ngày, Tổng Công ty cũng nộp Đơn kiện lại tới VIAC để yêu cầu Công ty DL E&C Co., Ltd bồi thường thiệt hại đối với các vi phạm trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS với tổng giá trị phản tố là 17.955,47 triệu VND và 36,64 triệu USD.

Ngày 13/06/2024, VIAC có văn bản số 1722/VIAC thông báo về việc Hội đồng trọng tài đã quyết định tổ chức phiên họp trao đổi về quản lý vụ kiện dự kiến vào đầu tháng 08/2024.

Ngày 14/09/2024, VIAC ký văn bản số 2747/VIAC ban hành Thủ tục tố tụng ("PO số 1") thay mặt cho Tòa án.

Ngày 12/12/2024, VIAC tổ chức phiên điều trần trực tuyến có sự tham gia của những người đại diện của 2 bên nguyên đơn và bị đơn.

Song song với công tác tham gia tố tụng trọng tài tại VIAC, PetroCons vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu Daelim E&C và đề nghị Nhà thầu từ bỏ khiếu kiện nêu trên.

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
Các đối tượng khác

31/12/2024	01/01/2024
VND	VND
82.778.475.899	82.778.475.899
55.897.285.149	55.897.285.149
39.904.543.073	29.679.905.967
178.580.304.121	168.355.667.015

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	26.600.011	500.250	244.308.837	83.167.509	26.600.011	161.641.578
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	37.117.031	37.117.031	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	-	21.256.556.285	-
Thuế thu nhập cá nhân	51.045.511	1.246.057.752	1.306.756.194	1.301.611.138	51.045.511	1.251.202.808
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	996.003.174	1.400.028.969	1.367.377.482	-	1.028.654.661
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	658.597.645	699.062.738	1.360.660.383	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	783.720	146.761.405	126.558.665	273.320.070	783.720	-
	21.354.240.230	3.047.920.226	3.813.832.434	4.423.253.613	21.357.240.230	2.441.499.047

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	89.852.094.281	113.229.848.569
Chi phí phải trả khác	5.009.284.841	5.111.951.088
	<u>94.861.379.122</u>	<u>118.341.799.657</u>
b) Dài hạn		
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	115.497.608.588	71.064.369.884
	<u>115.497.608.588</u>	<u>71.064.369.884</u>

19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	1.447.841.545	1.511.477.908
	<u>1.447.841.545</u>	<u>1.511.477.908</u>
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	50.632.252.045	52.080.093.597
	<u>50.632.252.045</u>	<u>52.080.093.597</u>

(i) Trong đó bao gồm: 42.996.289.426 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTĐ/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.393 VND. Sau tháng 12 năm 2014 dự án có chủ trương bàn giao về cho UBND tỉnh Tiền Giang đến nay vẫn chưa hoàn thành (xem thuyết minh số 14) do đó Tổng Công ty vẫn chưa làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

20 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.779.814.942	1.356.218.552
Bảo hiểm xã hội	50.959.975	173.593.017
Bảo hiểm y tế	93.089.851	106.448.912
Bảo hiểm thất nghiệp	17.551.681	54.110.669
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (ii)	172.784.334.551	162.596.140.733
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.098.464.510
Các đối tượng khác	52.902.129.753	53.363.953.678
	419.672.124.755	409.694.709.563
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.856.187	13.856.187
	13.856.187	13.856.187

(i) Tại ngày 31/12/2024, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 33.

(ii) Lãi vay phải trả Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank)) bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và chi phí lãi vay mà Tổng Công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/ năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 21. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iii) Trong đó bao gồm 42,22 tỷ VND là khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

21 VAY

	01/01/2024		Trong kỳ		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn (i)	67.265.907.564	67.265.907.564	56.675.477.205	114.604.984.769	9.336.400.000	9.336.400.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	575.670.157.122	575.670.157.122	-	-	575.670.157.122	575.670.157.122
	642.936.064.686	642.936.064.686	56.675.477.205	114.604.984.769	585.006.557.122	585.006.557.122
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn (ii)	575.670.157.122	575.670.157.122	-	-	575.670.157.122	575.670.157.122
	575.670.157.122	575.670.157.122	-	-	575.670.157.122	575.670.157.122
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(575.670.157.122)	(575.670.157.122)			(575.670.157.122)	(575.670.157.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			-	-

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2024	01/01/2024
						VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (nay là Chi nhánh Hà Đông)	VND	Thả nổi	11 tháng	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thế chấp (*)	9.336.400.000	67.265.907.564
						9.336.400.000	67.265.907.564

(*) Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi (Xem thuyết minh số 4).

(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Vay dài hạn							
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại						575.670.157.122	575.670.157.122
- Hợp đồng số 603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 20/10/2010	VND	4,90%	31/12/2017	Đầu tư vốn vào Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Tín chấp	200.000.000.000	200.000.000.000
- Hợp đồng số 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	4,90%	31/12/2017	Vay đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	65.000.000.000	65.000.000.000
- Hợp đồng số 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	5,50%	31/12/2017	Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng	Tín chấp	310.670.157.122	310.670.157.122
						575.670.157.122	575.670.157.122
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(575.670.157.122)	(575.670.157.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						-	-

Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời hạn các khoản vay được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương	575.670.157.122	172.784.334.551	575.670.157.122	162.596.140.733
	575.670.157.122	172.784.334.551	575.670.157.122	162.596.140.733

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.607.400.160.442)	470.057.122.292
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(162.652.761.738)	(162.652.761.738)
Số dư cuối năm trước	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>(29.710.000)</u>	<u>76.986.992.734</u>	<u>500.000.000</u>	<u>(3.770.052.922.180)</u>	<u>307.404.360.554</u>
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.770.052.922.180)	307.404.360.554
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	4.120.891.160	4.120.891.160
Số dư cuối năm nay	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>(29.710.000)</u>	<u>76.986.992.734</u>	<u>500.000.000</u>	<u>(3.765.932.031.020)</u>	<u>311.525.251.714</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ	01/01/2024 VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	76.986.992.734	76.986.992.734
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	500.000.000	500.000.000
	77.486.992.734	77.486.992.734

23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
USD	7.364.593,80	8.459.296,60

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	9.716.217.233	9.716.217.233

24 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	519.557.804.974	707.462.488.841
Doanh thu bán hàng	8.232.929.488	21.578.119.707
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.568.303.537	2.929.565.291
	530.359.037.999	731.970.173.839

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	523.564.760.540	673.229.330.607
Giá vốn bán hàng	18.514.579.798	30.821.750.597
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.566.307.420	3.621.648.914
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.785.791.915)	(6.707.810.605)
	541.859.855.843	700.964.919.513

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.347.104.836	14.095.379.516
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	25.951.349.511	13.908.905.395
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4.275.931.351	989.954.564
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	396.759.060	2.983.017.832
	37.971.144.758	31.977.257.307

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.446.758.758	12.021.998.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	30.847.078.497	22.312.487.565
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	249.505.899
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	12.763.588.422	131.845.831.243
Chi phí tài chính khác	5.121.536.246	6.397.109.011
	57.178.961.923	172.826.932.385

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	35.656.493.265	36.922.840.500
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	305.823.373	344.723.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	468.304.960	769.344.600
Thuế, phí và lệ phí	839.429.797	1.129.076.878
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(47.644.885.775)	(1.169.001.189)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.967.002.762	5.911.416.657
Chi phí khác bằng tiền	5.467.687.610	6.610.022.538
	5.153.920.247	50.518.423.765

29 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.886.469.830	64.545.449
Tiền phạt được hưởng	446.109.187	1.720.549.012
Nợ phải trả được xóa theo thỏa thuận	38.380.782.970	-
Thu nhập khác	714.921	4.091.636
	40.714.076.908	1.789.186.097

30 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	256.001.943	174.859.081
Các khoản khác	474.628.549	3.904.244.237
	730.630.492	4.079.103.318

31 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.120.891.160	(162.652.761.738)
Các khoản điều chỉnh tăng	501.735.485	2.994.999.415
- Chi phí không được trừ	501.735.485	2.994.999.415
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.622.626.645	(159.657.762.323)
Chuyển lỗ các năm trước	(4.622.626.645)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(21.256.556.285)	(21.256.556.285)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(21.256.556.285)	(21.256.556.285)

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.180.455.070	26.609.770.586
Chi phí nhân công	48.945.852.069	58.553.986.333
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	305.823.373	2.534.943.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.093.546.962	1.476.915.596
Thuế, phí và lệ phí	1.771.138.090	1.410.022.564
Chi phí dự phòng	(47.644.885.775)	(1.169.001.189)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	475.358.837.334	833.596.119.472
Chi phí khác bằng tiền	6.593.764.161	8.338.198.006
	492.604.531.284	931.350.954.727

33 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm	Dư nợ vay quá hạn cuối năm	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			155.046.350.336	155.046.350.336	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31/12/2024:

- Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND;
- Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.

Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31/12/2024 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 kỳ ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty CP Xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn (nay đổi tên là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại OceanBank - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến 31/12/2024, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại).

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó thanh tra chính phủ kiến nghị:

- Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối,
- Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.

Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTTP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh

của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, ngoài vụ kiện được nêu tại thuyết minh số 15, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

34 THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chứa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban tổng giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc tập đoàn Dầu Khí Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty và Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đang đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC. Đồng thời, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này và số liệu dự toán này luôn được kiểm toán và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn

chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng công ty

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam về việc phê duyệt tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025.

35 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.

36 THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng quản trị			
Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	2.207.775.913	2.258.749.896
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	545.647.303	543.276.735
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	244.285.000	249.555.000
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	479.906.106	504.420.370
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	466.008.070	495.761.660
		471.929.434	465.736.130
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2024	2.014.722.793	2.155.452.151
		449.814.957	-
Ông Phan Tử Giang	Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/01/2024	109.537.217	580.148.335
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	507.748.575	497.083.200
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/07/2023	-	328.577.304
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 30/05/2024	-	85.347.000
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/10/2023	464.890.490	76.673.500
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/11/2023	-	102.897.000
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	482.731.554	484.725.812
Ban Kiểm soát			
Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	506.218.999	502.385.625
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát	441.418.999	432.185.625
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	32.400.000	35.100.000
		32.400.000	35.100.000

37 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Vũ Thị Châm
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(đã được kiểm toán)



Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	08 - 61
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 61

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Phan Tử Giang	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2024)

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Quốc Hoàn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 08 đến trang 61, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 31/12/2024, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.998,41 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.393,51 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 781,85 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là 1.209,95 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2024 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.
2. Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

3. Tại ngày 31/12/2024, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2024 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,72 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là khoảng 5,72 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024 do Công ty này tự lập (trong đó: Tại ngày 30/06/2024 Tổng tài sản là 15,16 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 193,44 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ lần lượt là 0,09 tỷ VND và âm 0,53 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.
6. Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 191,595 tỷ VND và 149,99 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 lần lượt là 191,595 tỷ VND và 160,08 tỷ VND), dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.
7. Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2024 và tại ngày 31/12/2024 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.
8. Cũng tại Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác và giá trị có thể thu hồi được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 với tổng số tiền là 33,647 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" và những khoản mục khác có liên quan cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
9. Tại ngày 31/12/2024, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 55,36 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024: 57,97 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.

10. Cũng tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (công ty con), số dư các khoản công nợ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 với giá trị lần lượt là 14,25 tỷ VND và 25,88 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 với giá trị lần lượt là: 15,51 tỷ VND và 15,83 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2024 là 20,52 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.
11. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết có liên quan đến các dự án: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I. Do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về sự phù hợp của doanh thu, giá vốn đã ghi nhận lũy kế đến ngày 31/12/2024 lần lượt là 892,97 tỷ VND và 921,34 tỷ VND (trong đó doanh thu, giá vốn đã được ghi nhận trong năm 2024 lần lượt là 4,93 tỷ VND và 5,15 tỷ VND), chưa đánh giá được sự phù hợp và đầy đủ của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến 02 dự án nêu trên tại ngày 31/12/2024 và 01/01/2024 với giá trị lần lượt là 146,25 tỷ VND và 149,76 tỷ VND cũng như ảnh hưởng của các số liệu đó tới Báo cáo tài chính đính kèm.
12. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Tại Thuyết minh số 13 của Báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày việc Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với nguyên giá là 15,166 tỷ VND, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 6,488 tỷ VND. Khu đất này đã được chuyển đổi mục đích đầu tư dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng do chính Công ty làm chủ đầu tư và đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2014. Ngày 24/08/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi khu đất này để cấp lại quyền sử dụng cho các chủ sở hữu thuộc dự án. Trong đó, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc dự án này. Tuy nhiên, Công ty chưa tính giá trị quyền sử dụng khu đất này vào giá thành của dự án.
13. Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con) bao gồm giá trị dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ Văn phòng và Căn hộ với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2019 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này vẫn chưa được phê duyệt quyết toán dự án.
14. Tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019.
15. Cũng tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024, cụ thể: nợ phải trả với giá trị lần lượt là 29,28 tỷ VND và 21,27 tỷ VND; nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,26 tỷ VND và 4,21 tỷ VND.
16. Tại Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 11,67 tỷ VND và 15,55 tỷ VND; các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 11,48 tỷ VND và 10,31 tỷ VND. Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024 lần lượt là 106,22 tỷ VND và 131,89 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nào về các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.



Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Duy Quảng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.611.664.998.814	4.715.401.378.806
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	433.474.223.994	315.530.103.712
111	1. Tiền		255.791.531.076	249.067.219.323
112	2. Các khoản tương đương tiền		177.682.692.918	66.462.884.389
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	254.505.326.478	311.127.549.041
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.900.000.000	14.900.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		253.490.326.478	310.112.549.041
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.957.524.578.173	2.010.762.321.383
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.663.260.397.192	1.778.603.348.159
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	570.160.345.945	580.598.469.744
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	355.676.953.493
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	419.600.886.765	399.325.071.226
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.052.014.338.142)	(1.104.319.216.689)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		840.332.920	877.695.450
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.817.989.197.656	1.928.609.601.351
141	1. Hàng tồn kho		1.937.818.905.304	2.073.825.706.264
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(119.829.707.648)	(145.216.104.913)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		148.171.672.513	149.371.803.319
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.443.165.122	2.138.799.066
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		110.091.427.591	111.859.213.274
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	34.637.079.800	35.373.790.979

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.514.887.611.157	1.498.227.890.963
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		28.744.401.590	31.713.977.662
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	9.262.236.011	12.485.376.511
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	28.567.933.637	31.414.369.209
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(9.085.768.058)	(12.185.768.058)
220	II. Tài sản cố định		1.025.002.575.740	1.011.122.079.780
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	767.327.869.072	752.911.097.840
222	- Nguyên giá		1.626.973.749.975	1.648.521.708.443
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(859.645.880.903)	(895.610.610.603)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	257.674.706.668	258.210.981.940
228	- Nguyên giá		284.392.878.902	284.392.878.902
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.718.172.234)	(26.181.896.962)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	85.507.988.185	77.965.780.369
231	- Nguyên giá		111.067.844.188	101.148.289.217
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.559.856.003)	(23.182.508.848)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	138.515.570.946	136.725.481.822
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		25.064.213.539	25.064.213.539
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		113.451.357.407	111.661.268.283
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	78.900.512.009	69.717.480.211
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		32.208.529.511	33.113.367.012
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		206.313.000.000	206.313.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(159.621.017.502)	(169.708.886.801)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		158.216.562.687	170.983.091.119
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	100.284.708.167	111.621.834.406
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	35	18.801.350.080	19.230.752.273
268	3. Tài sản dài hạn khác	16	39.130.504.440	40.130.504.440
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.126.552.609.971	6.213.629.269.769

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.597.542.732.987	5.686.992.765.922
310	I. Nợ ngắn hạn		5.393.511.932.470	5.503.169.045.805
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	3.254.938.639.111	3.340.526.731.717
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	232.242.459.037	213.715.212.808
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	125.235.476.617	122.243.739.620
314	4. Phải trả người lao động		48.701.521.223	58.835.792.162
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	453.154.875.592	451.822.676.931
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	6.249.109.721	3.181.130.462
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	582.456.022.299	587.654.331.570
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	694.791.647.252	729.443.048.917
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(4.257.818.382)	(4.253.618.382)
330	II. Nợ dài hạn		204.030.800.517	183.823.720.117
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	115.497.608.588	71.310.452.285
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	50.831.503.317	52.375.689.485
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	2.923.199.868	1.649.775.187
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	24.000.000.000	38.000.000.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	23	10.778.488.744	20.487.803.160
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		529.009.876.984	526.636.503.847
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	529.009.876.984	526.636.503.847
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.831.719.482	6.831.719.482
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		22.681.220.411	22.681.220.411
415	4. Cổ phiếu quỹ		(29.720.195)	(29.720.195)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		150.859.427.814	150.859.427.814
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		233.648.426	233.648.426
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.998.411.998.973)	(4.005.332.783.992)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(4.005.781.884.168)	(3.845.710.214.787)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		7.369.885.195	(159.622.569.205)
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		346.845.580.019	351.392.991.901
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.126.552.609.971	6.213.629.269.769



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.213.006.106.954	1.189.720.911.616
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.213.006.106.954	1.189.720.911.616
11	4. Giá vốn hàng bán	28	1.161.337.416.194	1.284.156.315.702
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		51.668.690.760	(94.435.404.086)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	42.871.334.402	41.635.334.682
22	7. Chi phí tài chính	30	63.779.127.190	71.090.156.881
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		36.198.593.108	41.107.144.907
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(904.837.501)	(755.995.765)
25	9. Chi phí bán hàng		2.074.093.980	427.626.451
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	74.129.955.136	126.121.618.228
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(46.347.988.645)	(251.195.466.729)
31	12. Thu nhập khác	32	62.899.113.840	7.357.209.444
32	13. Chi phí khác	33	11.743.521.972	23.277.496.839
40	14. Lợi nhuận khác		51.155.591.868	(15.920.287.395)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.807.603.223	(267.115.754.124)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	2.077.618.123	-
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35	116.962.081	(1.895.066.065)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>2.613.023.019</u>	<u>(265.220.688.059)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		7.369.885.195	(159.622.569.205)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(4.756.862.176)	(105.598.118.854)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	18	(399)

Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.807.603.223	(267.115.754.124)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		39.785.216.032	43.987.463.802
03	- Các khoản dự phòng		(100.588.459.527)	(17.779.133.085)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.169.787.846)	254.169.100
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.713.639.682)	(24.241.047.444)
06	- Chi phí lãi vay		36.198.593.108	41.107.144.907
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(39.680.474.692)	(223.787.156.844)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		126.676.626.746	223.360.408.047
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		125.374.406.428	24.137.884.628
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(69.001.830.745)	(160.202.718.176)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		10.032.760.183	(5.346.731.632)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.064.453.316)	(4.019.012.743)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(497.536.232)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.215.000.000	4.270.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.244.200.000)	(3.931.160.581)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		151.810.298.372	(145.518.487.301)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(74.871.289.249)	(860.405.861)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		16.703.561.704	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(248.251.366.478)	(69.298.960.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		304.873.589.041	30.116.349.203
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.160.940.711	23.680.592.035
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		10.615.435.729	(16.362.424.623)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		100.137.532.071	146.549.402.895
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(148.788.933.736)	(230.774.673.516)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(48.651.401.665)	(84.225.270.621)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		113.774.332.436	(246.106.182.545)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		315.530.103.712	561.632.676.583
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.169.787.846	3.609.674
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>433.474.223.994</u>	<u>315.530.103.712</u>



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND (được chia thành 400.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND).

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 154 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 161 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ gộp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Ngoài ra, lợi nhuận gộp còn biến động do tại Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) đã hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho lớn khoảng 25,4 tỷ VND, đồng thời lãi gộp ở công ty này tăng mạnh so với năm trước (năm trước quyết toán Gói thầu A2: Kho chứa và các đường ống dẫn liên kết thuộc Tổ hợp hóa dầu Long Sơn dẫn tới lỗ lớn). Đồng thời, chi phí tài chính của Tổng Công ty giảm mạnh do khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính. Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm mạnh do Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi tồn đọng. Đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động mạnh của các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Áp dụng giả định về Hoạt động liên tục:

Tại ngày 31/12/2024, lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.998,41 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 4.005,33 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.393,51 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 781,85 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 5.503,17 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn là 787,77 tỷ VND), các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là 1.209,95 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.063,22 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Một số Báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty cũng tồn tại nhiều yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục như: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và

Thương mại Dầu khí Thái Bình. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Đến nay, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam phê duyệt phương án tái cơ cấu các khoản đầu tư, Tổng Công ty cũng đang xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển Tổng Công ty trình Tập đoàn phê duyệt. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang quyết liệt thực hiện các giải pháp khác và tin tưởng rằng các giải pháp này sẽ thành công và Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	48,62%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đông Đô	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Mức phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh" và "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết".

Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Tổng Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Tổng Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Tổng Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong năm, Tổng Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Tổng Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần

có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 48 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê đất
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 38 năm
--------------------------	-------------

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay

đối về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, các BCC của Tổng Công ty là BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, kế toán tiếp tục thực hiện:

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.16 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

2.17 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công công trình, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.22 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.24 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.25 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.26 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.28 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 Thông tin bộ phận

Do Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	5.238.205.288	4.222.971.623
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	250.553.325.788	244.844.247.700
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	13.978.111.303	236.463.571
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương)	2.254.370.501	2.156.731.548
- Các ngân hàng khác	234.320.843.984	242.451.052.581
Các khoản tương đương tiền (i)	177.682.692.918	66.462.884.389
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	4.200.000.000	7.500.000.000
- Các ngân hàng khác	173.482.692.918	58.962.884.389
	433.474.223.994	315.530.103.712
Trong đó số dư với các bên liên quan		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	18.178.111.303	7.736.463.571
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.978.111.303	236.463.571
- Các khoản tương đương tiền	4.200.000.000	7.500.000.000

(i) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 177.606.842.529 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,8 %/năm đến 4,5 %/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	253.490.326.478	-	310.112.549.041	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	35.780.000.000		43.773.589.041	
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương)	45.316.000.000		45.316.000.000	
- Các ngân hàng khác	172.394.326.478		221.022.960.000	
	253.490.326.478	-	310.112.549.041	-
Trong đó số dư với các bên liên quan				
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	35.780.000.000	-	43.773.589.041	-

(i) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 253.490.326.478 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4 %/năm đến 7,3 %/năm.

Trong đó:

- Các khoản tiền với giá trị là 153.794.326.478 VND đang được cầm cố cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (Xem thuyết minh 24);
- Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 45,3 tỷ VND gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khoản tiền này sẽ được chi trả khi có chỉ đạo từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
- Khác	300.000.000	-	300.000.000	-
	14.900.000.000	(13.885.000.000)	14.900.000.000	(13.885.000.000)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

	Mã CK	Địa chỉ	31/12/2024			01/01/2024		
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC		Hà Nội	44,00%	44,00%	-	44,00%	44,00%	-
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	PID	Hà Nội	49,98%	49,98%	-	49,98%	49,98%	-
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	PVA	Nghệ An	22,64%	22,64%	-	22,64%	22,64%	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72%	24,72%	-	24,72%	24,72%	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		Hải Phòng	42,46%	42,46%	31.417.598.211	42,46%	42,46%	31.413.604.516
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)		Hà Nội	97,22%	35,05%	790.931.300	97,22%	35,05%	1.699.762.496
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)		Hà Nội	35,83%	35,83%	-	35,83%	35,83%	-
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí		Hà Nội	40,00%	40,00%	-	40,00%	40,00%	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	Thanh Hóa	36,00%	36,00%	-	36,00%	36,00%	-
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh		Thanh Hóa	35,01%	43,16%	-	35,01%	43,16%	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	Đà Nẵng	48,27%	48,27%	-	48,27%	48,27%	-
					32.208.529.511	33.113.367.012		

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc		Dự phòng	Giá gốc		Dự phòng
	VND	Giá trị hợp lý VND		VND	Giá trị hợp lý VND	
- Công ty CP Xi măng Hạ Long (ii)	147.300.000.000		(147.300.000.000)	147.300.000.000		(147.300.000.000)
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (ii)	23.500.000.000		(1.200.936.821)	23.500.000.000		(11.288.806.120)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (ii)	12.500.000.000		(1.488.246.800)	12.500.000.000		(1.488.246.800)
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (ii)	3.000.000.000		-	3.000.000.000		-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (ii)	2.795.000.000		-	2.795.000.000		-
- Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (ii)	2.500.000.000		-	2.500.000.000		-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (ii)	5.400.000.000		(5.400.000.000)	5.400.000.000		(5.400.000.000)
- Các khoản đầu tư dài hạn khác (ii)	9.318.000.000		(4.231.833.881)	9.318.000.000		(4.231.833.881)
	<u>206.313.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(159.621.017.502)</u>	<u>206.313.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(169.708.886.801)</u>

(ii) Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư này lần lượt là 206,31 tỷ VND và khoảng 159,61 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: khoảng 169,71 tỷ VND và khoảng 169,71 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2024 và năm 2023 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư khác, do đó dự phòng đầu tư tài chính đang được trích theo báo cáo tài chính các năm trước của các Công ty này.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:

- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và
- Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc ("lô đất tại Tam Đảo"), sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương") mà hiện nay cũng đang là chủ thể đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất nêu trên.

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;
- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSDS bản án nêu trên.

Ngày 25/09/2024, Công ty đã nhận bàn giao Quyền sử dụng 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này Tổng Công ty đang làm các thủ tục để sang tên lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty và Tổng Công ty đang làm việc với PVC Kinh Bắc để xác định lại tỷ lệ góp vốn. Với các sự kiện phát sinh trong năm 2024 nêu trên, Tổng Công ty đánh giá rằng khoản tiền 21 tỷ VND góp vốn vào Kinh Bắc không còn dấu hiệu tổn thất nên thực hiện hoàn nhập lại toàn bộ dự phòng đối với số vốn góp này.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	15,67%	15,67%	Xây lắp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Xây lắp
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Bình	3,99%	3,99%	Xây lắp
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Nam Định	5,00%	5,00%	Xây lắp
Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Xây lắp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C	Hà Nội	7,25%	7,25%	Xây lắp

5 PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	1.262.598.515.463	(157.219.916.726)	1.376.107.972.842	(175.473.412.734)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	1.259.134.326	-	1.222.552.452	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	5.548.525.269	-	5.546.942.139	(4.011.796.202)
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	881.154.608.947	-	1.054.967.889.619	-
Viện Dầu khí Việt Nam	36.963.772.960	(747.531.048)	42.686.383.664	(747.531.048)
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	50.006.385.426	-	50.006.385.426	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.619.056.480	(91.619.056.480)	91.451.422.013	(91.451.422.013)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.291.878.505	(200.156.144)	23.291.878.505	(23.291.878.505)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.858.853.155	(27.158.853.155)	27.858.853.155	(27.158.853.155)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	(1.518.493.750)	6.097.621.800	(1.518.493.750)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	-	16.811.955	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	41.635.737.524	(23.330.868.807)	41.635.737.524	(14.648.480.719)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	23.115.000	-	40.631.752	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	532.785.009	(532.785.009)	532.785.009	(532.785.009)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.518.282.409	(9.518.282.409)	9.518.282.409	(9.518.282.409)
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	-	15.500.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	(366.052.500)	366.052.500	(366.052.500)
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	16.235.738.266	-	1.139.905.494	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	50.742.318.506	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	-	2.000.000.002	-
Công ty CP Phân phối Khí áp thấp Dầu khí Việt Nam	62.166.603	(62.166.603)	62.166.603	(62.166.603)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.165.670.821	(2.165.670.821)	2.165.670.821	(2.165.670.821)
Bên khác	400.661.881.729	(118.331.077.589)	402.495.375.317	(119.980.357.304)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	69.049.973.934	-	90.555.700.071	-
Các đối tượng khác	331.611.907.795	(118.331.077.589)	311.939.675.246	(119.980.357.304)
	1.663.260.397.192	(275.550.994.315)	1.778.603.348.159	(295.453.770.038)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị		Giá trị	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan				
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	263.575.778.518	(176.901.545.306)	263.575.778.518	(198.610.409.612)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	54.324.395.257	(26.196.864.426)	54.324.395.257	(47.905.728.732)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	229.674.800	(160.772.360)	229.674.800	(160.772.360)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Công ty CP Trang trí nội thất Dầu Khí	11.617.459.964	(11.617.459.964)	11.617.459.964	(11.617.459.964)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3.418.342.062	-	3.418.342.062	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	28.268.366.989	(26.744.518.395)	28.268.366.989	(26.744.518.395)
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	42.215.869.300	-	42.215.869.300	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	14.556.466.443	(3.236.726.458)	14.556.466.443	(3.236.726.458)
	80.284.927	(80.284.927)	80.284.927	(80.284.927)
Bên khác				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	306.584.567.427	(134.263.221.795)	317.022.691.226	(135.686.448.006)
Các đối tượng khác	113.386.879.741	(17.856.157.637)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
	193.197.687.686	(116.407.064.158)	203.635.811.485	(117.830.290.369)
	570.160.345.945	(311.164.767.101)	580.598.469.744	(334.296.857.618)
b) Dài hạn				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	6.641.430.501	(6.641.430.501)	6.641.430.501	(6.641.430.501)
Các đối tượng khác	2.620.805.510	(2.444.337.557)	5.843.946.010	(5.544.337.557)
	9.262.236.011	(9.085.768.058)	12.485.376.511	(12.185.768.058)

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGÂN HẠN

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan						
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ii)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (ii)	16.321.991.226	(5.461.481.782)	-	-	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	355.676.953.493	(269.172.594.052)	-	-	355.676.953.493	(269.172.594.052)

(i) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

(ii) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (Oceanbank - nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần;

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank, thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

8 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	2.994.975.148	-	2.927.020.063	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.750.990.000	(6.750.990.000)	6.750.990.000	(6.750.990.000)
Phải thu về tạm ứng	48.314.987.793	(3.630.344.555)	33.656.335.841	(2.314.861.215)
Ký cược, ký quỹ	4.158.250.243	-	2.877.906.083	-
Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	109.513.848.523	(27.733.568.215)	103.642.031.545	(27.733.568.215)
Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
Phí trọng tài quốc tế chưa có phán quyết (ii)	4.889.875.320	-	-	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
Phải thu các đội xây dựng	16.819.381.673	(16.819.381.673)	16.819.381.673	(16.819.381.673)
Quỹ Khen thưởng phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	(4.917.824.644)	4.917.824.644	(4.917.824.644)
Các đối tượng khác	152.056.045.019	(67.530.631.035)	158.548.872.975	(78.116.126.682)
	419.600.886.765	(196.125.982.674)	399.325.071.226	(205.395.994.981)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	23.954.471.912	-	24.600.907.484	-
Công ty CP Dầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	4.613.461.725	-	6.813.461.725	-
	28.567.933.637	-	31.414.369.209	-

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Dự phòng VND	VND	Dự phòng VND
c) Trong đó: Bên liên quan				
- Công ty CP Dầu tự Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	56.894.768.733	(3.778.366.082)	54.652.022.135	(3.778.366.082)
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	48.630.948.027	(6.138.310.290)	45.288.741.083	(6.138.310.290)
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	(4.742.067.735)	6.840.056.555	(4.742.067.735)
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	(3.899.613.813)	5.360.238.712	(3.899.613.813)
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	(8.125.138.911)	20.507.270.308	(8.125.138.911)
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.441.887.388	-	2.155.023.952	-
- Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	2.008.154.052	(2.008.154.052)	2.008.154.052	(2.008.154.052)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	368.366.166	-	368.366.166	-
- Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	274.000.624	-	274.000.624	-
- Viện Dầu khí Việt Nam	124.742.000	-	-	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	(28.795.218.993)	28.795.218.993	(28.795.218.993)
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	1.669.212.234	-	1.669.212.234	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.920.077.263	-	201.367.500	-
	202.249.334.632	(83.901.263.453)	194.534.065.891	(83.901.263.453)

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 39).

(ii) Khoản phí trọng tài này được nộp tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) nhằm phục vụ cho việc đệ trình Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd, liên quan đến vụ tranh chấp trọng tài số 05/24 VIAC giữa Tổng Công ty và Công ty DL E&C Co., Ltd (xem thuyết minh số 17). Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã gửi Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd tới VIAC và nộp khoản phí trọng tài theo thông báo của VIAC, yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với những vi phạm của Công ty DL E&C Co., Ltd trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS. Khoản phí trọng tài này sẽ được Hội đồng trọng tài phân bổ khi lập Phán quyết trọng tài.

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc		Giá gốc	
	VND	Giá trị có thể thu hồi VND	VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Phải thu của khách hàng	328.178.418.416	52.627.424.101	322.011.907.329	26.558.137.291
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.619.056.480	-	91.600.768.048	-
Cổng ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.158.853.155	-	27.158.853.155	-
Cổng ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.291.878.505	23.091.722.361	23.291.878.505	-
Cổng ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	25.401.643.107	2.070.774.300	17.181.317.789	2.532.837.070
Cổng ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	29.273.930.682	-	29.273.930.682	-
Cổng ty CP Vinaconex 39	1.080.360.052	-	1.410.881.052	-
Cổng ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	572.219.050	-	572.219.050	-
Cổng ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Cổng ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.165.570.821	-	2.165.570.821	-
Cổng ty CP TID	19.604.536.064	17.448.428.851	19.604.536.064	17.448.428.851
Các đối tượng khác	90.010.370.500	10.016.498.589	91.751.952.163	6.576.871.370
b) Trả trước cho người bán	355.052.884.287	34.802.349.128	359.576.110.492	13.093.484.816
Cổng ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	31.212.207.481	6.714.619.343	31.212.207.481	6.714.619.343
Cổng ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	-	108.864.918.776	-
Cổng ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.617.459.964	-	11.617.459.964	-
Cổng ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	47.905.728.732	21.708.864.306	47.905.728.732	-
Cổng ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	26.744.518.395	-	26.744.518.395	-
Cổng ty CP Vinaconex 39	34.069.058.988	1.057.959.818	35.492.285.199	1.057.959.818
Cổng ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	29.923.230.049	100.965.000	29.923.230.049	100.965.000
Cổng ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Các đối tượng khác	38.539.088.083	5.219.940.661	41.639.088.077	5.219.940.655

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND
c) Phải thu về cho vay	355.676.953.493	86.504.359.441	355.676.953.493	86.504.359.441
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	75.643.849.997	200.000.000.000	75.643.849.997
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	128.357.292.532	-	128.357.292.532	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	16.321.991.226	10.860.509.444	16.321.991.226	10.860.509.444
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	-	10.997.669.735	-
d) Phải thu khác ngắn hạn	221.087.755.915	24.961.773.241	225.252.249.885	19.856.254.904
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	6.138.310.290	-	6.138.310.290	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	-	28.795.218.993	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	163.889.314	-	163.889.314	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.125.138.911	-	8.125.138.911	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	21.447.520.000	17.731.272.367	21.447.520.000	17.731.272.367
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735	-
Công ty CP Vinaconex 39	103.192.384	-	103.192.384	-
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5.575.990.000	-	5.575.990.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	33.584.659.686	-	33.584.659.686	-
Công ty CP Hasky	2.196.348.696	-	8.000.000.000	-
Công ty CP Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Các đối tượng khác	62.886.570.931	2.488.433.139	61.247.413.597	2.124.982.537
	1.259.996.012.111	198.895.905.911	1.262.517.221.199	146.012.236.452

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.465.655.339	(3.169.300.408)	6.381.458.734	(3.249.102.270)
Công cụ, dụng cụ	4.920.179.637	(641.939.651)	5.316.250.080	(126.922.432)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	1.867.032.182.874	(104.607.633.381)	2.000.581.148.008	(126.643.454.088)
Hàng hoá (ii)	59.400.887.454	(11.410.834.208)	61.546.849.442	(15.196.626.123)
	1.937.818.905.304	(119.829.707.648)	2.073.825.706.264	(145.216.104.913)

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.400.422.457.557	1.466.587.845.156
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	245.057.868.468	245.057.868.468
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (**)	32.986.594.500	32.986.594.500
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	109.132.879.549	108.261.716.656
Các công trình khác	79.432.382.800	147.687.123.228
	1.867.032.182.874	2.000.581.148.008

(*) Công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lượng hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(**) Đây là phần chi phí dở dang còn lại của hạng mục công trình thuộc dự án Khu phức hợp Thương mại- Dịch vụ- Văn phòng và Căn hộ tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2019 tuy nhiên chưa được phê duyệt quyết toán.

(ii) Giá trị hàng hóa tồn kho tại 01/01/2024 và 31/12/2024 bao gồm các căn hộ thuộc dự án chung cư khách sạn Dầu khí Thái Bình có giá trị 36.302.881.834 VND do Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình là chủ đầu tư. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của các bất động sản này và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.739.278.366	591.987.049
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	703.886.756	1.546.812.017
	3.443.165.122	2.138.799.066
b) Dài hạn		
Chi phí hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	77.108.006.166	80.035.871.604
Chi phí thuê văn phòng	5.472.381.608	6.777.404.290
Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.290.062.911	11.812.380.793
Chi phí sửa chữa tài sản	5.680.032.353	6.490.156.446
Chi phí trả trước dài hạn khác	734.225.129	6.506.021.273
	100.284.708.167	111.621.834.406

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.164.275.589.079	334.800.013.234	121.550.354.049	27.895.752.081	1.648.521.708.443
- Mua trong năm	45.146.626.503	159.238.587	819.163.636	154.980.000	46.280.008.726
- Đầu tư XDCB hoàn thành	6.422.148.217	-	-	-	6.422.148.217
- Điều chỉnh khác	(2.350.290.870)	-	-	-	(2.350.290.870)
- Phân loại lại	(591.844.837)	-	-	-	(591.844.837)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.862.559.595)	(42.076.770.256)	(11.948.259.847)	(345.750.000)	(56.233.339.698)
- Tháo dỡ tài sản	(15.074.640.006)	-	-	-	(15.074.640.006)
Số dư cuối năm	1.195.965.028.491	292.882.481.565	110.421.257.838	27.704.982.081	1.626.973.749.975
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	439.949.429.348	307.304.847.845	120.695.713.286	27.660.620.124	895.610.610.603
- Khấu hao trong năm	24.919.064.813	9.866.049.908	279.120.226	150.705.909	35.214.940.856
- Điều chỉnh khác	(921.509.043)	-	-	-	(921.509.043)
- Phân loại lại	(228.110.451)	-	-	-	(228.110.451)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.862.559.595)	(40.871.244.191)	(11.948.259.847)	(345.750.000)	(55.027.813.633)
- Tháo dỡ tài sản	(15.002.237.429)	-	-	-	(15.002.237.429)
Số dư cuối năm	446.854.077.643	276.299.653.562	109.026.573.665	27.465.576.033	859.645.880.903
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	724.326.159.731	27.495.165.389	854.640.763	235.131.957	752.911.097.840
Tại ngày cuối năm	749.110.950.848	16.582.828.003	1.394.684.173	239.406.048	767.327.869.072

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 374.037.139.512 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 348.305.574.940 VND);

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 401.187.220.987 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 429.617.097.053 VND).

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	262.931.666.520	21.461.212.382	284.392.878.902
Số dư cuối năm	262.931.666.520	21.461.212.382	284.392.878.902
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.515.034.707	19.666.862.255	26.181.896.962
- Khấu hao trong năm	413.668.608	563.306.664	976.975.272
- Giảm khác	(440.700.000)	-	(440.700.000)
Số dư cuối năm	6.488.003.315	20.230.168.919	26.718.172.234
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	256.416.631.813	1.794.350.127	258.210.981.940
Tại ngày cuối năm	256.443.663.205	1.231.043.463	257.674.706.668

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 19.571.292.382 VND (tại ngày 01/01/2024 là 19.571.292.382 VND).

- (i) Bao gồm trong đó giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu của Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được UBND tỉnh Bà Rịa Vũng tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28 tháng 07 năm 2008 với nguyên giá 15.166.470.000 VND và giá trị còn lại tại 31/12/2024 là 8.678.466.685 VND.

Khu đất này được đầu tư xây dựng dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng và đã được bàn giao đưa vào sử dụng vào năm 2014. Vào ngày 24/08/2017, thửa đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi để cấp mới cho tài sản trên đất là các căn hộ chung cư và khối văn phòng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 920280 và Giấy chứng nhận theo hồ sơ số 000038.TS, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng tại thửa đất số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Giá trị tài sản là phần diện tích khu văn phòng cho thuê nêu trên đang được Tổng Công ty trình bày trên khoản mục tài sản cố định vô hình với giá trị là 15.166.470.000 VND và bất động sản đầu tư với giá trị là 17.530.390.046 VND.

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	101.148.289.217	101.148.289.217
- Mua trong năm	20.379.043.182	20.379.043.182
- Điều chỉnh khác	734.293.717	734.293.717
- Phân loại lại	591.844.837	591.844.837
- Giảm do chuyển sang hàng tồn kho	(11.785.626.765)	(11.785.626.765)
Số dư cuối năm	111.067.844.188	111.067.844.188
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	23.182.508.848	23.182.508.848
- Khấu hao trong năm	2.185.280.762	2.185.280.762
- Điều chỉnh khác	272.831.032	272.831.032
- Phân loại lại	228.110.451	228.110.451
- Giảm do chuyển sang hàng tồn kho	(308.875.090)	(308.875.090)
Số dư cuối năm	25.559.856.003	25.559.856.003
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	77.965.780.369	77.965.780.369
Tại ngày cuối năm	85.507.988.185	85.507.988.185

Giá trị còn lại của BĐS đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: tại ngày 31/12/2024 là 54.565.800.473 VND (tại ngày 01/01/2024 là 55.737.815.519 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
- Các công trình khác	7.922.605.745	2.210.996.386	7.922.605.745	2.210.996.386
	71.643.835.139	25.064.213.539	71.643.835.139	25.064.213.539

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty đã thi công tại công trình này.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Mua sắm	147.550.832	-
- Mua sắm tài sản	147.550.832	-
Xây dựng cơ bản	113.303.806.575	111.661.268.283
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp(ii)	103.182.526.261	103.182.526.261
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)	1.835.100.923	1.835.100.923
- Các công trình, dự án khác (iii)	4.402.194.406	2.759.656.114
	113.451.357.407	111.661.268.283

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

(iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

16 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Góp vốn hợp tác đầu tư Dự án Dolphin Plaza (i)	26.233.304.440	27.233.304.440
Góp vốn hợp tác Dự án Long Sơn Riverside (ii)	12.897.200.000	12.897.200.000
	39.130.504.440	40.130.504.440

(i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh 0211/2010/HĐHTKD ngày 02/11/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô - công ty con của Tổng Công ty), Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID ("TID") :

- Mục đích đầu tư: Xây dựng công trình Dolphin Plaza tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội;
- Tổng giá trị hợp đồng: 268.706.631.405 VND, trong đó vốn góp giá trị quyền sử dụng đất là 189.793.800.000 VND và góp bằng tiền là 79.033.520.990 VND;
- Hình thức góp vốn: Theo cam kết trong hợp đồng, PVC-Đông Đô sẽ góp 51.054.259.967 VND. Trong đó, giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng lô đất là 36.060.822.000 VND và giá trị vốn bằng tiền là 14.993.437.967 VND tương ứng với tỷ lệ 19% khoản vốn góp bằng tiền vào dự án; Ngày 18/01/2015, PVC-Đông Đô đã ký kết Phụ lục số 03 kèm theo của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD với TID để rút một phần vốn góp với giá trị 13.953.720.233 VND khỏi dự án dẫn đến tỷ lệ vốn bằng tiền còn lại là 1,6% và tổng giá trị vốn góp còn lại tại Dự án là 37.100.539.734 VND; PVC-Đông Đô được chia 1,6% lợi nhuận kinh doanh từ khai thác dự án;
- Thanh toán và thanh lý hợp đồng:
 - ❖ PVC-Đông Đô đã nhận chuyển nhượng 154 m² phần diện tích khu dịch vụ thương mại trị giá 3.527.682.675 VND từ TID theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP/HĐ/TID-PVFC Land ký ngày 18/01/2017. Số tiền này được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ban đầu (khoản rút vốn 13.953.720.233 VND đã nêu trên, thực thu về bằng tiền là 10.426.037.558 VND).
 - ❖ Ngày 23/12/2022, PVC-Đông Đô đã nhận 3 căn hộ với tổng trị giá 9.867.235.294 VND theo biên bản thỏa thuận về xử lý nghĩa vụ thanh toán số 5010-3/2022/ĐĐ-HP-TID, 5000-3/2022/ĐĐ-HP-TID và 4990-1/2022/ĐĐ-HP-TID ngày 23/12/2022. Giá trị 3 căn hộ này được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ban đầu.
 - ❖ Ngày 16/01/2024 và ngày 05/02/2024 PVC-Đông Đô đã nhận được 500.000.000 VND mỗi lần.
 - ❖ Ngày 20/01/2025, PVC-Đông Đô và TID đã ký biên bản bù trừ công nợ với khoản phải trả người bán số tiền 7.566.201.080 VND.
 - ❖ Ngày 21/01/2025, PVC-Đông Đô và TID đã ký biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Theo đó, TID hoàn trả cho PVC-Đông Đô số tiền đã chuyển để được tham gia thực hiện dự án còn lại và phần vốn góp để thực hiện dự án còn lại, tổng số tiền là 18.667.103.593 VND sau khi bù trừ công nợ số tiền 7.566.201.080 VND ngày 20/01/2025 (nêu trên).

(ii) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND ngày 08/06/2010:

- Các bên tham gia, tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn: Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (IDICO Long Sơn); Công ty CP Xây dựng Thương mại dịch vụ Khang Thông (Khang Thông); Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC - Công ty con của Tổng Công ty) tỷ lệ góp vốn lần lượt là 85%, 5% và 10%;
- Mục đích hợp tác kinh doanh: Hợp tác kinh doanh tài sản đồng kiểm soát là dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nội dung hợp tác: kinh doanh phần diện tích căn hộ chung cư, trung tâm thương mại cùng các giá trị tài sản khác hình thành trong quá trình đầu tư, khai thác, kinh doanh dự án;
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Các bên tham gia được hưởng lợi nhuận, gánh chịu rủi ro lỗ hoặc các khoản rủi ro kinh doanh trên cơ sở kết quả kinh doanh của Nhà điều hành (IDICO Long Sơn) và theo tỷ lệ góp vốn.

Tại ngày 31/12/2024: dự án đã hoàn thành thi công, mở bán và kinh doanh với phần căn hộ, diện tích sàn trung tâm thương mại. Đến thời điểm hiện tại, Do dự án đang vướng thủ tục pháp lý về chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở lâu dài nên PVC-IC chưa nhận kết quả phân chia kinh doanh từ Hợp đồng này.

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	410.901.334.379	410.901.334.379	373.536.123.490	373.536.123.490
Công ty CP Dầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	7.976.738.009	7.976.738.009	9.651.322.919	9.651.322.919
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	-	-	9.868.980	9.868.980
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4.042.951.289	4.042.951.289	11.660.000	11.660.000
Công ty CP Dầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	27.903.667.974	27.903.667.974	7.653.351.367	7.653.351.367
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	177.207.065.265	177.207.065.265	177.207.065.265	177.207.065.265
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	60.399.700.035	60.399.700.035	60.699.700.035	60.699.700.035
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	15.291.823.474	15.291.823.474	223.766.591	223.766.591
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
Bên khác	2.844.037.304.732	2.844.037.304.732	2.966.990.608.227	2.966.990.608.227
Công ty Công nghiệp Daelim (ii)	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.021.927.357.960	1.021.927.357.960
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	206.781.647.084	206.781.647.084	290.662.562.403	290.662.562.403
Tập đoàn Sojitz	111.744.046.642	111.744.046.642	139.552.763.255	139.552.763.255
Tập đoàn Điện lực	166.965.691.507	166.965.691.507	138.384.094.434	138.384.094.434
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	95.708.461.469	95.708.461.469	111.729.842.747	111.729.842.747
Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	60.978.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914
S-Tank Engineering Co., Ltd	68.276.803.542	68.276.803.542	68.212.976.582	68.212.976.582
Các đối tượng khác	1.089.162.056.270	1.089.162.056.270	1.135.542.054.932	1.135.542.054.932
	3.254.938.639.111	3.254.938.639.111	3.340.526.731.717	3.340.526.731.717
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Phải trả cho các đối tượng khác	557.350.620.505	557.350.620.505	408.935.840.838	408.935.840.838
	557.350.620.505	557.350.620.505	408.935.840.838	408.935.840.838

(i) Số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (trình bày tại Thuyết minh số 39).

(ii) Ngày 25/01/2024, Công ty DL E&C Co., Ltd đã gửi Đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Việt Nam (VIAC), bắt đầu vụ tranh chấp liên quan đến Hợp đồng EPS số 30/HDKT/2012/PVC-SDC ngày 22/05/2012 giữa Tổng Công ty (nhà thầu chính) và Công ty DL E&C Co., Ltd (nhà thầu phụ).

Các nội dung mà nhà thầu phụ yêu cầu Hội đồng trọng tài xem xét và quyết định như sau: điều kiện cấp Operational Acceptance (chứng chỉ hoàn thành) cho các công việc theo hợp đồng được nhà thầu phụ thực hiện đã thỏa mãn; thời hạn bảo hành đối với các thiết bị và dịch vụ do nhà thầu phụ cung cấp đã kết thúc; Tổng Công ty thanh toán giá trị khoản công nợ quá hạn với tổng số tiền là 7,67 triệu USD và 287,3 triệu VND; thanh toán giá trị tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện Hợp đồng EPS là 13,4 triệu USD và 532,9 triệu VND; hoàn trả chi phí giữ lại cho nghĩa vụ bảo hành là 20,05 triệu USD và 799,3 triệu VND; chi phí do kéo dài thời gian thực hiện dự án là 11,85 triệu USD; khiếu nại liên quan khác là 6,23 triệu USD; ước tính khoản phạt chậm thanh toán là 17,81 triệu USD.

Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã nộp Bản tự bảo vệ đối với Đơn khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd cho VIAC với các nội dung chính như sau: Tổng Công ty không thừa nhận tư cách khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd, phản đối thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài và bác bỏ toàn bộ các khiếu nại nêu trên của Công ty DL E&C Co., Ltd.

Cùng ngày, Tổng Công ty cũng nộp Đơn kiện lại tới VIAC để yêu cầu Công ty DL E&C Co., Ltd bồi thường thiệt hại đối với các vi phạm trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS với tổng giá trị phản tố là 17.955,47 triệu VND và 36,64 triệu USD.

Ngày 13/06/2024, VIAC có văn bản số 1722/VIAC thông báo về việc Hội đồng trọng tài đã quyết định tổ chức phiên họp trao đổi về quản lý vụ kiện dự kiến vào đầu tháng 08/2024.

Ngày 14/09/2024, VIAC ký văn bản số 2747/VIAC ban hành Thủ tục tố tụng ("PO số 1") thay mặt cho Tòa án.

Ngày 12/12/2024, VIAC tổ chức phiên điều trần trực tuyến có sự tham gia của những người đại diện của 2 bên nguyên đơn và bị đơn.

Song song với công tác tham gia tố tụng trọng tài tại VIAC, Tổng Công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu Daelim E&C và đề nghị Nhà thầu từ bỏ khiếu kiện nêu trên.

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	82.778.475.899	108.560.908.084
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	25.782.432.185
Bên khác	149.463.983.138	105.154.304.724
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí	17.612.939.300	17.612.939.300
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	55.897.285.149	55.897.285.149
Các đối tượng khác	75.953.758.689	31.644.080.275
	232.242.459.037	213.715.212.808

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	30.465.765	57.540.554.211	29.165.976.686	32.523.928.871	30.465.765	54.182.602.026
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	305.257.254	305.257.254	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.244.408.046	1.744.161.531	2.077.618.123	497.536.232	34.516.789.923	2.596.625.299
Thuế thu nhập cá nhân	78.878.745	5.107.457.744	4.310.914.079	3.051.673.080	66.785.689	6.354.605.687
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	13.486.234.828	8.310.931.792	5.001.142.124	-	16.796.024.496
Các loại thuế khác	-	1.378.922.600	996.247.169	1.608.136.839	-	767.032.930
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nợ khác	783.720	42.986.408.706	4.708.137.543	3.158.960.070	3.783.720	44.538.586.179
	<u>35.373.790.979</u>	<u>122.243.739.620</u>	<u>49.875.082.646</u>	<u>46.146.634.470</u>	<u>34.637.079.800</u>	<u>125.235.476.617</u>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	200.381.246.911	172.754.276.659
Trích trước chi phí công trình xây lắp	246.186.568.775	256.446.230.095
Chi phí phải trả khác	6.587.059.906	22.622.170.177
	453.154.875.592	451.822.676.931
b) Dài hạn		
Trích trước chi phí công trình xây lắp	115.497.608.588	71.310.452.285
	115.497.608.588	71.310.452.285

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	6.249.109.721	3.181.130.462
	6.249.109.721	3.181.130.462
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	50.632.252.045	52.080.093.597
Lãi bán tài sản và thuê lại thuê tài chính	199.251.272	295.595.888
	50.831.503.317	52.375.689.485

(i) Trong đó bao gồm: 42.996.289.426 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTĐ/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.393 VND. Sau tháng 12 năm 2014 dự án có chủ trương bàn giao về cho UBND tỉnh Tiền Giang đến nay vẫn chưa hoàn thành (xem thuyết minh số 15) do đó Tổng Công ty vẫn chưa làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

22 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	17.130.137	17.130.137
Kinh phí công đoàn	8.590.345.771	10.545.587.233
Bảo hiểm xã hội	7.137.502.411	9.746.256.579
Bảo hiểm y tế	732.541.283	1.559.849.946
Bảo hiểm thất nghiệp	485.828.275	840.643.598
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.128.850.588	2.736.317.506
Cổ tức lợi nhuận phải trả	40.394.150.917	41.546.662.078
Chi phí lãi vay	1.246.252.165	3.927.276.443
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	172.784.334.551	162.596.140.733
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.098.464.510
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (iv)	56.212.500.000	56.212.500.000
Phí bảo trì chung cư phải trả	10.249.210.378	10.727.767.930
Các quỹ ủng hộ	3.876.584.784	3.914.284.784
Các khoản khác	84.559.547.037	91.242.670.601
	582.456.022.299	587.654.331.570

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.873.199.868	1.599.775.187
Các khoản khác	50.000.000	50.000.000
	2.923.199.868	1.649.775.187
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả cơ quan bảo hiểm	12.378.319.651	10.026.679.284
- Cổ tức phải trả	42.451.440.707	44.335.430.209
- Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí	1.334.818.785	1.334.818.785
	56.164.579.143	55.696.928.278
d) Trong đó: Bên liên quan		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.098.464.510	54.098.464.510
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	56.212.500.000	56.212.500.000
- Viện Dầu khí Việt Nam	2.698.186.687	-
- Ban Quản lý dự án Cụm khí - điện - đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	667.975.776	667.975.776
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	14.715.555	14.715.555
	122.389.529.154	119.691.342.467

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 39.

(ii) Lãi vay phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank – nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) bao gồm chi phí lãi vay của Tổng công ty và chi phí lãi vay mà Tổng công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 7) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/ năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 24. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

(iv) Khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư cho Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con của Tổng Công ty) tại dự án Bạc Liêu Tower. Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí có nghĩa vụ phải thanh toán cho Tổng Công ty Khí Việt Nam số tiền này theo hợp đồng ký ngày 12 tháng 8 năm 2010.

23 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	10.778.488.744	20.487.803.160
	10.778.488.744	20.487.803.160

24 CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn (i)						
Vay ngắn hạn	102.263.411.795	102.263.411.795	100.137.532.071	148.574.533.736	53.826.410.130	53.826.410.130
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	627.179.637.122	627.179.637.122	14.000.000.000	214.400.000	640.965.237.122	640.965.237.122
	<u>729.443.048.917</u>	<u>729.443.048.917</u>	<u>114.137.532.071</u>	<u>148.788.933.736</u>	<u>694.791.647.252</u>	<u>694.791.647.252</u>
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn (ii)	665.179.637.122	665.179.637.122	-	214.400.000	664.965.237.122	664.965.237.122
	<u>665.179.637.122</u>	<u>665.179.637.122</u>	<u>-</u>	<u>214.400.000</u>	<u>664.965.237.122</u>	<u>664.965.237.122</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(627.179.637.122)	(627.179.637.122)	(14.000.000.000)	(214.400.000)	(640.965.237.122)	(640.965.237.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>38.000.000.000</u>	<u>38.000.000.000</u>			<u>24.000.000.000</u>	<u>24.000.000.000</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các cá nhân như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2024		01/01/2024	
					VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn								
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	VND	Thả nổi	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	53.826.410.130	102.263.411.795		
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	VND	9,10%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp	20.767.010.130	22.921.891.805		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Thả nổi	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thế chấp	9.336.400.000	67.265.907.564		
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng	VND	Thả nổi	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp	-	1.705.612.426		
Đối tượng khác	VND	(*)	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	23.723.000.000	10.370.000.000		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả					640.965.237.122	627.179.637.122		
					694.791.647.252	729.443.048.917		

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(*) Các khoản vay đối tượng khác là vay cá nhân có lãi suất từ 0% đến 12%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư gốc vay ngắn hạn đã quá hạn, chưa được thanh toán của Tổng Công ty là 20.767.010.130 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 22.541.829.915 VND), Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Loại tiền	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2024	01/01/2024
					VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương)						
- Hợp đồng số 603/2011/HDDTD-Oceanbank-PVC ngày 20/10/2010	VND 4,90%	Năm 2017	Đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Tín chấp	575.670.157.122 200.000.000.000	575.670.157.122 200.000.000.000
- Hợp đồng số 602/2011/HDDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND 4,90%	Năm 2017	Vay đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	65.000.000.000	65.000.000.000
- Hợp đồng số 10/2010/HDDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND 5,50%	Năm 2017	Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng	Tín chấp	310.670.157.122	310.670.157.122
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam						
- Hợp đồng số 02/2015/HDDHM/PVB-CNTB ngày 04/06/2015	VND Thả nổi	Năm 2027	Bù đắp vốn đầu tư công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	89.295.080.000 89.295.080.000	89.295.080.000 89.295.080.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	VND 11,00%	Năm 2024	Đầu tư mua máy móc thiết bị	Thế chấp	-	214.400.000
					664.965.237.122	665.179.637.122
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(640.965.237.122)	(627.179.637.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					24.000.000.000	38.000.000.000

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của OceanBank, thời hạn các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

25 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	Thặng dư vốn cổ phần	VND	Vốn khác của chủ sở hữu	VND	Cổ phiếu quỹ	VND	Quỹ đầu tư phát triển	VND	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	VND	Lợi nhuận chưa phân phối	VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	VND	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	-	-	(29.720.195)	150.859.427.814	2.162.412.232	(3.840.619.958.047)	463.734.875.583	805.619.977.280					
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(21.340.851.149)	(72.924.920.097)	(94.265.771.246)					
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	188.294.777	180.910.679	369.205.456					
Số dư cuối năm trước	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411			(29.720.195)	150.859.427.814	2.162.412.232	(3.861.772.514.419)	390.990.866.165	711.723.411.490					
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411			(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.005.332.783.992)	351.392.991.901	526.636.503.847					
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	7.369.885.195	(4.756.862.176)	2.613.023.019					
Thay đổi khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(449.100.176)	209.450.294	(239.649.882)					
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411			(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(3.998.411.998.973)	346.845.580.019	529.009.876.984					

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2024</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2024</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND		VND	
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
Cộng	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	150.859.427.814	150.859.427.814
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	233.648.426	233.648.426
	<u>151.093.076.240</u>	<u>151.093.076.240</u>

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
USD	7.365.086,17	8.454.808,97

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	11.112.006.001	11.112.006.001

27 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.139.490.403	187.503.077.524
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.061.700.329.493	967.986.570.566
Doanh thu kinh doanh bất động sản	12.443.089.233	-
Doanh thu khác	65.723.197.825	34.231.263.526
	1.213.006.106.954	1.189.720.911.616
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.213.006.106.954	1.189.720.911.616
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	840.980.581.557	856.441.598.446

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	62.963.286.487	184.289.184.998
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.046.095.523.656	1.078.600.437.753
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	7.540.768.826	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.386.397.265)	(17.249.233.471)
Giá vốn khác	70.124.234.490	38.515.926.422
	1.161.337.416.194	1.284.156.315.702
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	1.854.288.043	2.172.748.009

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.228.895.796	23.680.592.035
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	25.969.748.195	13.981.770.251
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4.275.931.351	989.954.564
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	396.759.060	2.983.017.832
	42.871.334.402	41.635.334.682

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	36.198.593.108	41.107.144.907
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	7.636.363	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	32.431.360.267	22.331.501.488
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	106.143.505	1.244.123.664
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(10.087.869.299)	10.277.811
Chi phí tài chính khác	5.123.263.246	6.397.109.011
	63.779.127.190	71.090.156.881
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	26.876.666.751	26.935.872.213

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	703.818.133	776.127.427
Chi phí nhân công	79.755.631.970	81.261.380.797
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	845.794.350	856.022.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.708.692.400	5.966.898.563
Thuế, phí và lệ phí	7.619.286.748	6.863.980.032
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(55.143.154.547)	(4.280.392.869)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.662.691.770	12.990.247.864
Chi phí khác bằng tiền	17.977.194.312	21.687.353.868
	74.129.955.136	126.121.618.228
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	117.600.000	121.800.000

32 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.389.581.387	1.316.451.174
Tiền phạt được hưởng	1.325.025.483	1.720.549.012
Thu tiền bồi thường	444.318.134	314.006.687
Nợ phải trả được xóa theo thỏa thuận	44.715.422.210	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	8.720.524.900	2.616.500.000
Thu nhập khác	3.304.241.726	1.389.702.571
	62.899.113.840	7.357.209.444

33 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	2.533.444.159	193.972.256
Các khoản bị phạt	7.108.413.730	3.925.687.952
Các khoản khác	2.101.664.083	19.157.836.631
	11.743.521.972	23.277.496.839

34 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại (các) công ty con	2.077.618.123	-
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	727.618.123	-
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.350.000.000	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.077.618.123	-

35 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	18.801.350.080	19.230.752.273
	18.801.350.080	19.230.752.273

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	116.962.081	(1.895.066.065)
	116.962.081	(1.895.066.065)

36 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	7.369.885.195	(159.622.569.205)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.369.885.195	(159.622.569.205)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	399.997.029	399.997.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	(399)

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

37 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	167.289.774.429	210.609.132.754
Chi phí nhân công	238.685.019.893	276.686.362.494
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.117.633.493	2.864.053.579
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.785.216.032	43.987.463.802
Thuế, phí và lệ phí	8.402.256.023	4.717.944.623
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(55.404.878.547)	(5.774.234.001)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	626.919.260.057	842.341.596.615
Chi phí khác bằng tiền	31.340.926.669	42.578.197.418
	<u>1.058.135.208.049</u>	<u>1.418.010.517.284</u>

38 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	100.137.532.071	146.549.402.895

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	148.788.933.736	230.774.673.516

39 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TANG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm	Dư nợ vay quá hạn cuối năm	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương) - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			<u>155.046.350.336</u>	<u>155.046.350.336</u>	<u>137.942.779.491</u>

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024:

- Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoản 91 tỷ VND;
 - Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoản 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.
- Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(*) Trong năm 2016, Tổng công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng công ty tại thư bảo lãnh cho công ty CP xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - chi nhánh Sài Gòn (sau đó đổi tên thành Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - chi nhánh Sài Gòn, đến nay đổi tên là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại).

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng công ty cam kết và bảo đảm với Tổng công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó Thanh tra Chính phủ kiến nghị:

- Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối;
- Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lắp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.

Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTTP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng

Tài ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

40 THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chứa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc tập đoàn Dầu Khí Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án của là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đang đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC. Đồng thời, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam về việc phê duyệt tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025

41 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

42 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP)	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Phân phối Khí áp thấp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Tổng Công ty là cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng	840.980.581.557	856.441.598.446
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	473.164.613.532	735.572.194.711
Viện Dầu khí Việt Nam	-	8.938.321.437
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	367.815.968.025	110.511.602.298
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	1.419.480.000
Mua hàng hóa dịch vụ	28.848.554.794	29.230.420.222
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.854.288.043	2.172.748.009
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	-	4.200.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	26.876.666.751	26.935.872.213
Viện Dầu khí Việt Nam	117.600.000	117.600.000

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc,

Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng quản trị	2.207.775.913	2.258.749.896
Ông Nghiêm Quang Huy Chủ tịch HĐQT	545.647.303	543.276.735
Ông Phạm Văn Khánh Thành viên độc lập HĐQT	244.285.000	249.555.000
Ông Trần Hải Bằng Thành viên HĐQT	479.906.106	504.420.370
Ông Nguyễn Hoài Nam Thành viên HĐQT	466.008.070	495.761.660
Ông Chu Thanh Hải Thành viên HĐQT	471.929.434	465.736.130
Ban Tổng Giám đốc	2.014.722.793	2.155.452.151
Ông Trần Quốc Hoàn Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2024	449.814.957	-
Ông Phan Tử Giang Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/01/2024	109.537.217	580.148.335
Ông Nguyễn Văn Đồng Phó Tổng giám đốc	507.748.575	497.083.200
Ông Nguyễn Trung Trí Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/07/2023	-	328.577.304
Ông Vũ Mạnh Quang Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 30/05/2024	-	85.347.000
Ông Phạm Trung Kiên Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/10/2023	464.890.490	76.673.500
Ông Hoàng Quyết Thắng Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/11/2023	-	102.897.000
Ông Bùi Sơn Trường Phó Tổng giám đốc	482.731.554	484.725.812
Ban Kiểm soát	506.218.999	502.385.625
Ông Hứa Xuân Nam Trưởng Ban Kiểm soát	441.418.999	432.185.625
Ông Phùng Văn Sỹ Thành viên Ban Kiểm soát	32.400.000	35.100.000
Ông Nguyễn Ngọc Cương Thành viên Ban Kiểm soát	32.400.000	35.100.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

43 SỐ LIỆU SO SÁNH

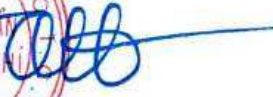
Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025